

THỂ PHÁCH

Hào quang Sức khỏe của Con người

THE ETHERIC DOUBLE
The Health Aura of Man

Tác giả: A. E. POWELL

Nhà xuất bản Thông thiên học, Luân đôn, Anh;
Wheaton, III, USA;
Adyar, Chennai, Ấn độ
Xuất bản năm 1927, in lại năm 1954 và 1965

LỜI NÓI ĐẦU CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Khi biên soạn những quyển sách trong loạt sách này, tác giả nhắm mục đích tiết kiệm cho người học nhiều thời gian và công sức bằng cách cung ứng một sự tổng hợp cô đọng khá nhiều tài liệu về những chủ đề riêng biệt trong mỗi quyển sách, hầu hết là tác phẩm của bà Annie Besant và C.W Leadbeater. Danh sách đính kèm cho thấy ông rút ra tài liệu từ một số lớn sách vở. Trong chừng mực có thể được, phương pháp chọn theo là trước hết giải thích khía cạnh hình tượng rồi mới tới khía cạnh sự sống; miêu tả cơ chế ngoại giới của hiện tượng rồi mới tới các hoạt động của tâm thức vốn được biểu diễn thông qua cơ chế ấy. Người ta không thử toan tính chứng tỏ hoặc ngay cả biện minh cho bất cứ phát biểu nào. Những phần tham chiếu ngoài lề cung cấp cơ hội cho ta tham chiếu tới nguồn tài liệu.

Tác giả không sử dụng các tác phẩm của bà H. P. Blavatsky bởi vì ông bảo rằng việc cần phải khảo cứu bộ Giáo Lý Bí Truyền và các tác phẩm khác ắt cũng là một nhiệm vụ quá lớn lao mà ông không thể đảm đương được. Ông nói thêm: “Chúng ta chịu ơn H. P. Blavatsky nhiều hơn mức có thể được biểu thị qua những lời trích dẫn từ những tác phẩm đồ sộ của bà. Nếu ngay từ đầu bà không chỉ đường thì sau này những người khảo cứu ắt chẳng bao giờ tìm ra được dấu vết”.

LỜI DẪN NHẬP

**của các thành viên trong Nhóm khoa học thuộc Trung tâm nghiên cứu
Thông thiên học Luân đôn nước Anh.**

Quyển *Thế Phách* được xuất bản lần đầu tiên năm 1925, là một trong những loạt sách của cùng tác giả bàn về cấu trúc nội tại của Con người. Bây giờ ta trình bày nó cho công chúng mà không thay đổi gì ngoại trừ bỏ bớt đi trong Chương cuối phần tham chiếu những khảo cứu cục bộ vốn có khi tác phẩm được viết ra.

Người ta không thử toan tính bổ sung hoặc thậm chí cập nhật hóa tác phẩm cổ điển này theo sự minh giải của kiến thức tích lũy được trong vòng hơn 40 năm vừa qua. Đúng như A. E. Powell tự nhủ trong phần Dẫn nhập, đây là phần biên soạn 40 tác phẩm chính yếu được xuất bản từ năm 1897 đến năm 1921; xét vì tầm mức rộng lớn và sự rít ráo chu đáo của công trình trích dẫn chúng cho nên thông tin được thu thập lại có thể coi như tổng kết được những quan điểm tổng quát về đề tài này mãi cho tới năm 1925.

Trong những năm gần đây, người ta đã tích lũy được một sự thẩm định đúng mức hơn về phương thức vận hành của cái trí vô thức và người ta đã phân biệt được các nguồn sai sót khả hữu trong khi vận dụng những năng lực đồng cốt khiến cho ta cần thận trọng đối với thông tin thu thập được qua việc sử dụng năng khiếu đồng cốt. Nhiều nội dung trong quyển *Thế Phách* được suy ra từ việc vận dụng khả năng thấu cảm (ngoại cảm) và mặc dù nội dung có thể chính xác song cho đến nay chưa có phương pháp nào xác nhận chúng lại được công nhận. Người ta chẳng hề nghi ngờ tính trung thực của những người ghi chép lại các quan sát ấy; họ là những người liêm khiết không chêm vào đâu được và liên tục nhấn mạnh đến địa vị tiên phong không thể sai lầm của mình. Chắc chắn những hiện tượng thông linh mà họ miêu tả đúng là do họ trải nghiệm và quả thật từ đó trở đi có những người khác cũng xác nhận một số lời tường thuật của họ. Nguồn gốc của những sự sai sót khả hữu được đề cập tới vốn ở một mức độ sâu hơn mức ấy – cơ chế thông linh để trải nghiệm điều mà họ đã

trải qua. Đây là một phạm vi hấp dẫn vẫn còn chưa được giải quyết thỏa đáng trong khoa siêu tâm lý học.

Ta có thể trông mong được trợ giúp thêm nữa ngỏ hầu bỏ chứng hoặc bác bỏ những quan sát và lý thuyết về Thể Phách xuất phát từ những dữ liệu trong ngành khoa học thiên nhiên, nhưng hiện nay có rất ít những tiếp điểm. Các phi thuyền không gian đã đưa những dụng cụ đo đạc lên Hỏa tinh và Kim tinh; các kính hiển vi điện tử thường dùng trong phòng thí nghiệm đã cung cấp được ảnh phóng đại rất lớn của điều bình thường mà mắt ta không thấy được, nhưng hầu như không có thông tin nào liên quan đến trạng thái dĩ thái của vật chất đã từng được thu thập theo đường lối trực tiếp và chính thống ấy. Cho đến nay, công trình sử dụng những dụng cụ đo đạc đã không dò ra được chất dĩ thái trong trạng thái hoạt động bình thường, do đó không khẳng định được đó là một chất thuộc cõi hồng trần hoặc gần gũi với ngành vật lý. Có lẽ khảo hướng gần gũi nhất là nghiên cứu về chất ngoại khí vốn dường như là tình trạng tạm bợ bất bình thường của một thành phần cấu tạo cơ thể của con người vốn mềm dẻo và có thể trục ra được; ta chỉ có thể trực nghiệm được nó khi một số người hiếm có đã vận dụng những năng khiếu thông linh đặc biệt một cách vô thức để làm cho nó đông đặc lại nơi ngoại giới thành ra một hình thể sờ mó được. Khi sự cô đặc ấy không còn nữa và vật liệu được rút vào trong cơ thể của người phóng xuất thì nó lại trở về chức năng là bộ phận của một thành phần cấu tạo dĩ thái không dễ gì nhận diện được. Tuy nhiên ta cần phải nghiên cứu nhiều hơn nữa trước khi kết luận điều ấy một cách đáng tin cậy.

Bởi vì bằng chứng được xác lập nghiêm túc vẫn còn phải được xác nhận hoặc bác bỏ, cho nên tốt hơn là ta hãy coi lý thuyết và thông tin được trình bày ở đây là một giả thuyết để được khảo cứu thêm nữa. Đây là một qui trình trong mọi công trình nghiên cứu khoa học và thật vậy, người ta chẳng tiến bộ được bao nhiêu nếu không có một khái niệm gợi ý được dùng làm kim chỉ nam và khuôn khổ dẫn dắt. Nhưng ta cần nhớ rằng một giả thuyết chọn dùng vẫn có thể phải bị biến đổi hoặc thậm chí bác bỏ khi công trình tiến triển thêm nữa và điều này rất có thể xảy ra trong giai đoạn sơ khai đang dò dẫm thăm chừng. Nó thường xảy ra trong ngành khoa học thiên nhiên thuộc thể giới vật lý mà ngôn ngữ bình thường và biểu tượng học toán học của ta đã được thiết kế ra để biểu diễn nó. Trong một địa hạt mang tính thông linh nhiều hơn tính vật lý thì điều này lại càng có khả năng xảy ra nhiều hơn nữa.

Những nhà nghiên cứu hiện đại tiếp tục mưu tìm sự hiểu biết sâu sắc hơn về bản chất và thành phần cấu tạo của Con người; họ đã lưu ý thấy những phát triển gần đây trong khoa tâm lý học và siêu tâm lý học vốn là nền tảng của sự thận trọng mà ta lên tiếng cảnh báo nơi đây. Tuy nhiên họ vẫn biết ơn Powell vì ông đã trình bày các phát biểu và ý tưởng một cách thứ tự mãi từ năm 1925; bây giờ ta không cần tốn nhiều thời giờ và công sức về phần tài liệu tham khảo mà ông đã khảo sát hay ho xiết bao giúp cho họ. Đây chính là lý do biện minh cho việc in lại tác phẩm này đúng như ông đã từng viết ra.

**Nhóm Khoa học, Trung tâm Nghiên cứu Thông thiên học, Luân đôn, Anh.
Trưởng nhóm, H.Tudor Edmunds, năm 1968.**

LỜI GIỚI THIỆU

Tác phẩm này đã được biên soạn nhằm mục đích trình bày cho người nghiên cứu Huyền bí học một phần tổng hợp mạch lạc tất cả hoặc hầu hết thông tin liên quan đến Thể Phách và những hiện tượng khác có liên hệ gần gũi với nó vốn được trình bày cho thế giới thông qua kho tài liệu nghiên cứu thông linh và Thông thiên học hiện đại.

Thông tin này vốn rải rác trong nhiều sách vở và bài báo, soạn giả đã tham khảo chừng 40 tài liệu mà danh sách được trình bày ở cuối quyển sách này. Tác giả xin mọi người hiểu cho rằng công trình này chỉ là việc biên soạn không hơn không kém. Ông chỉ làm có mỗi một việc là thu thập và sắp xếp tài liệu do những người khác cung ứng.

Phương pháp nghiên cứu này cũng có nhiều ưu điểm. Trong thời buổi bận rộn hiện nay mấy ai có được thời giờ rảnh, cho dầu họ có khuynh hướng lục lợi trong hàng chục quyển sách để tìm những đề mục kiến thức rải rác, thế rồi chấp vá chúng lại thành ra một tổng thể mạch lạc. Vì vậy tốt hơn là để cho một người làm việc ấy, còn những người khác có thể lợi dụng công trình đó mà tiết kiệm được thời giờ và công sức của chính mình. Công việc của người biên soạn là nêu bật ra nhiều mối quan hệ mới giữa những mảnh tài liệu được tuyển lựa từ những nguồn thông tin khác nhau để rồi tự tay mình biến vật khảm ấy thành ra một mô thức. Công trình của y tất nhiên phải cực lực vì nhắc người ta chú ý tới nhiều sự kiện riêng rẽ thường bị quên lãng, nếu để riêng ra thì chúng có thể coi như là không đáng chú ý hoặc chẳng có giá trị bao nhiêu, nhưng nếu được tập hợp lại thì chúng cấu thành một mạch văn quan trọng và hữu dụng. Cuối cùng thì bức tranh mà soạn giả trình bày chẳng những phô bày được một cách thú vị những điều đã được biết ngày nay mà chính vì tính thú vị ấy cho nên nó còn tiết lộ được sự bất cập trong kiến thức của chúng ta. Khi nhận ra được những chỗ thiếu sót ấy trong kiến thức của chúng ta, có lẽ các nhà nghiên cứu khác sẽ xoay chú ý sang hướng khác và như vậy khiến cho bức tranh gần như hoàn chỉnh hơn.

Trong suốt tác phẩm soạn giả đã cố hết sức mình để trình bày tài liệu mà mình thu thập được một cách chính xác nghiêm túc. Trong rất nhiều trường hợp ông đã dùng chính những lời lẽ (có được phóng tác hoặc rút gọn khi ngữ cảnh cần thiết như vậy) của những tác giả mà mình tham khảo, nhưng để cho bản văn không cồng kềnh và khó coi vì có quá nhiều dấu ngoặc kép (biểu thị việc trích dẫn) cho nên từ đầu chí cuối chúng bị bỏ đi hết. Tuy nhiên, để cho bạn đọc nếu muốn có thể tham chiếu được nguồn thông tin gốc, soạn giả đã cung cấp phần tham chiếu dưới dạng rút gọn hoặc dài dòng.

Soạn giả xin cảm ơn bất cứ học viên nào báo cho mình biết

- 1- Bất cứ sự thiếu chính xác nào trong tác phẩm
- 2- Bất cứ sự bỏ sót tài liệu nào khi mình có thể sơ xuất.

Những sơ đồ và biểu đồ chứa đựng trong bản văn này là lấy theo tài liệu gốc; chúng được dự tính chỉ thuần túy mang tính sơ đồ và tuyệt nhiên không phải là hình vẽ những hiện tượng có thực mà chúng toan tính minh họa.

A.E POWELL

MỤC LỤC

Lời nói đầu

- I. Miêu tả tổng quát
- II. Prana tức sinh khí
- III. Các trung tâm lực
- IV. Trung tâm lực lá lách
- V. Trung tâm lực chót xương sống
- VI. Trung tâm lực ở rún
- VII. Trung tâm lực ở tim
- VIII. Trung tâm lực ở họng
- IX. Trung tâm lực ở giữa hai chân mày
- X. Trung tâm lực ở đỉnh đầu
- XI. Sự thải ra
- XII. Kết quả trình bày dưới dạng bảng biểu
- XIII. Kundalini (Hỏa xà)
- XIV. Mạng lưới nguyên tử
- XV. Sự sinh ra
- XVI. Sự chết
- XVII. Chữa bệnh
- XVIII. Thuật thôi miên mesmer
- XIX. Các lớp vỏ và lá chắn
- XX. Thuật đồng cốt
- XXI. Công trình của bác sĩ W. J. Kilner
- XXII. Các năng lực của Thẻ Phách
- XXIII. Từ hóa đồ vật
- XXIV. Ngoại khí
- XXV. Kết luận

CHƯƠNG I MIÊU TẢ TỔNG QUÁT

Mọi học viên huyền bí học đều quen thuộc với sự kiện là con người có nhiều hiện thể giúp cho y có thể biểu diễn trên những cõi khác nhau trong thiên nhiên: cõi hồng trần, cõi trung giới, cõi trí tuệ, v.v...

Nhà huyền bí học thấy rằng vật chất trên cõi trần tồn tại theo bảy cấp hoặc mật độ nghĩa là:

- Nguyên tử,
- Dưới nguyên tử,
- Siêu dĩ thái,
- Dĩ thái,
- Chất hơi,
- Chất lỏng,
- Chất đặc.

Các hạt thuộc đủ mọi cấp này đều nhập vào thành phần cấu tạo thể hồng trần. Tuy nhiên, thể hồng trần được chia làm hai phần khác nhau rõ rệt, đó là: thể xác thô trực được cấu tạo bằng chất đặc, chất lỏng và chất hơi; Thể Phách (nó thường được gọi là song trùng thể dĩ thái) bao gồm bốn chất tinh vi hơn của vật chất hồng trần.

Trong những chương này, mục đích của ta là nghiên cứu Thể Phách ấy cùng với bản chất, dáng vẻ, chức năng và mối quan hệ của nó với những hiện thể khác; mối quan hệ của nó với Prana tức Sinh khí; việc nó sinh ra, tăng trưởng và tiêu vong; mối quan hệ của nó với một vài phương pháp chữa bệnh, với thuật thôi miên mesmer, với thuật đồng cốt và sự hiện hình, những quyền năng mà người ta có thể vận dụng được nhờ vào nó với hàng loạt những hiện tượng linh tinh về dĩ thái có liên quan đến nó.

Nói ngắn gọn thì ta ắt thấy rằng trong khi cần thiết cho sự sống của thể xác thì đúng ra Thể Phách không phải là một hiện thể riêng biệt của tâm thức: nó tiếp nhận và phân phối sinh lực do mặt trời xạ ra, vì thế nó có liên quan mật thiết với sức khỏe của thể xác; nó có vài Luân xa tức Trung tâm lực của chính mình, mỗi luân xa có một chức năng riêng; việc nhớ lại những sinh hoạt trong lúc nằm mơ tùy thuộc phần lớn vào chất dĩ thái; nó đóng vai trò quan trọng trong việc xác định loại xác phàm mà một chân ngã luân hồi sẽ nhận được; cũng giống như xác phàm sớm muộn gì nó cũng bị chết và thoái hóa để giải thoát “linh hồn” cho giai đoạn kế tiếp trong cuộc hành hương theo chu kỳ; nó đặc biệt có liên quan đến cái gọi là chữa bệnh bằng Sinh khí hoặc Từ khí cũng như liên quan đến thuật thôi miên mesmer, cho dù với mục đích để chữa bệnh, gây tê mê hoặc làm xuất thần; nó là tác nhân chính liên quan đến những hiện tượng lạ trong phòng lên đồng, chẳng hạn như sự vận động của các vật thể, việc tạo ra các “tiếng gõ” và những âm thanh khác cùng với đủ thứ loại hiện hình; việc phát triển những năng lực của Thể Phách mang lại cho ta những quyền năng mới và tiết lộ nhiều hiện tượng dĩ thái vốn vượt ngoài tầm trải nghiệm của hầu hết mọi người; nhờ dùng vật chất thuộc Thể Phách ta có thể “từ hóa” các sự vật cũng giống như các sinh vật có thể được thôi miên mesmer và cuối cùng Thể Phách cung cấp vật liệu tạo ra chất mà người ta gọi là ngoại khí (ectoplasm).

Người ta đã gọi Thể Phách bằng nhiều tên khác nhau. Trong kho tài liệu Thông Thiên học buổi ban sơ, người ta thường gọi nó là thể tinh vi (astral body), con người tinh anh (astral man) hoặc Linga Sharira. Tuy nhiên trong những tác phẩm sau này những thuật ngữ trên không còn được áp dụng cho Thể Phách nữa vì chúng chuyên thuộc về cơ thể được cấu

tạo từ vật chất trung giới tức là thể Dục vọng (Kama) của người Ấn độ. Vì vậy khi đọc *Giáo Lý Bí Truyền* và những tác phẩm khác trong kho tài liệu cổ, học viên cần phải cảnh giác đừng lẫn lộn hai thể khác hẳn nhau mà ngày nay ta gọi là Thể Phách và Thể Vía.

Tên chính xác của Ấn độ gọi Thể Phách là Pranamaya Kosha tức là hiện thể của Prana; người Đức gọi nó là Doppelganger: sau khi chết và tách khỏi xác phàm thì nó được gọi là “hồn ma bóng quế”, còn được gọi là “ma”, “người hiện về từ cõi chết”, hoặc “ma ở nghĩa địa”. Trong khoa Raja Yoga thì cả Thể Phách lẫn xác phàm hợp lại được gọi là Sthūlopadi tức hiện thể thấp nhất của Atma.

Mọi hạt bằng chất đặc, chất lỏng và chất hơi của xác phàm được bao quanh bằng một lớp vỏ dĩ thái; vì vậy Song trùng thể dĩ thái (tên gọi này hàm ý như thế) là một bản sao toàn bích của xác phàm. Xét về kích thước thì nó vượt qua khỏi mặt da $\frac{1}{4}$ phân Anh. Tuy nhiên, hào quang của Thể Phách hoặc hào quang sức khỏe (nó thường được gọi như vậy) thông thường vượt qua khỏi bề mặt da nhiều phân Anh; ta sẽ miêu tả thêm điều này mãi về sau.

Ta nên lưu ý rằng xác phàm và Thể Phách biến thiên song hành với nhau về phẩm chất; vì thế người nào quyết tâm tẩy trừ xác phàm thì cũng đồng thời tẩy trừ được đối thể bằng chất dĩ thái.

Một tỉ lệ nào đó của mọi cấp chất dĩ thái đều gia nhập vào thành phần cấu tạo của Thể Phách, nhưng tỉ lệ này có thể biến thiên rất lớn và được xác định bởi nhiều yếu tố chẳng hạn như giống dân chính, giống dân phụ, loại hình người cũng như biệt nghiệp của y.

Cho đến nay thông tin duy nhất mà soạn giả có thể thu thập được liên quan đến những tính chất và chức năng đặc biệt của mỗi một trong bốn cấp chất dĩ thái là như sau:

- 1- *Dĩ thái*: môi trường cho dòng điện bình thường cũng như cho âm thanh
- 2- *Siêu dĩ thái*: môi trường của ánh sáng
- 3- *Dưới nguyên tử*: môi trường của các “dạng điện tinh vi hơn”
- 4- *Nguyên tử*: môi trường của truyền tư tưởng từ bộ óc này sang bộ óc khác.

Trong tạp chí *Thông Thiên Học* số tháng 05 năm 1922, tác giả F. T. Pierce phát biểu như sau và điều này có lẽ chính xác:

Hóa học huyền bí	Vật lý	Ví dụ
1. Nguyên tử	Electron	Electron
2. Dưới nguyên tử	Hạt nhân điện dương	Hạt Alpha
3. Siêu dĩ thái	Hạt nhân trung hòa	Neutron
4. Dĩ thái	Nguyên tử	Chất nitơ mới sinh ra
5. Thể hơi	Chất khí dưới dạng phân tử	Chất hydro ở dạng nguyên tử H ₂ , N ₂ tức là các lớp chất ở dạng thể hơi

Xét theo dáng vẻ bên ngoài thì Thể Phách có màu xám tím hơi lợt hoặc xám xanh lơ, hơi sáng và có kết cấu thô hay mịn tùy theo xác phàm thô hay tinh.

Thể Phách có hai chức năng chính:

Một là nó hấp thu Prana tức Sinh khí và phân phối Sinh khí cho toàn bộ cơ thể mà hiện nay ta sẽ xem xét chi tiết.

Hai là nó đóng vai trò trung gian hoặc cầu nối giữa xác phàm với thể Vía, truyền ý thức của những tiếp xúc qua những giác quan của xác phàm đi qua bộ óc dĩ thái lên tới thể Vía, cũng như truyền tâm thức từ cõi trung giới và các cõi cao hơn xuống bộ óc phàm và hệ thần kinh.

Hơn nữa, Thể Phách còn phát triển được trong nội bộ một vài Trung tâm lực giúp cho con người có thể nhận biết được thể giới dĩ thái và đám cư dân thuộc hiện tượng dĩ thái. Đến đúng lúc thì ta sẽ miêu tả những quyền năng hoặc năng khiếu này.

Ta nên nhận thức rằng Thể Phách vì chỉ là một bộ phận của thể hồng trần cho nên bình thường không thể đóng vai trò là một hiện thể riêng biệt của tâm thức mà con người có thể sống và hoạt động trong đó. Nó chỉ có một ý thức tản mạn thuộc về các bộ phận chứ không có trí khôn và nếu tách rời ra khỏi xác phàm thì nó cũng chẳng thể được dùng làm công cụ của trí khôn. Vì nó không phải là hiện thể của tri thức mà chỉ là hiện thể của Prana tức Sinh khí cho nên hễ nó lỏng lẻo, không ăn khớp với các hạt thuộc xác phàm (nó truyền các luồng sinh khí cho các hạt ấy) thì nó gây ra sự rắc rối và thiếu khỏe mạnh. Thật vậy, nơi những người bình thường khỏe mạnh, rất khó tách rời Thể Phách ra khỏi xác phàm và Thể Phách không thể rời xa xác phàm liên kết với nó.

Nơi những người mà ta gọi là đồng cốt hiện hình trên cõi trần thì Thể Phách của họ tương đối dễ tách ra và chất dĩ thái của nó tạo thành nền tảng của nhiều hiện tượng lạ trong phép hiện hình mà ta sẽ bàn kỹ hơn trong một chương sau này.

Thể Phách có thể tách rời ra khỏi xác phàm do tai nạn, chết, thuốc tê mê (chẳng hạn như ête hoặc hơi gây mê) hoặc do thuật thôi miên mesmer. Thể Phách là cầu nối giữa óc xác phàm và tâm thức cõi cao, cho nên cố tình trục nó ra khỏi xác phàm bằng thuốc tê mê thì tất nhiên sẽ tạo ra sự tê mê.

Hơn nữa, chất dĩ thái bị trục ra như thể thường quán xung quanh thể Vía làm cho tâm thức của thể này cũng bị đờ đẫn đi; vì vậy cho nên sau khi tác dụng của thuốc tê mê đã giảm bớt thì ý thức của óc phàm thường không nhớ được thời gian sống trong thể Vía.

Ta sẽ bàn đến phương pháp và hậu quả của việc dùng thuật thôi miên mesmer tách chất dĩ thái ra trong một chương sau này, đặc biệt bàn đầy đủ hơn dành riêng cho mục đích ấy.

Trong tình trạng sức khỏe yếu kém hoặc thần kinh bị kích động, Thể Phách cũng có thể bị trục ra khỏi xác phàm một phần lớn; bấy giờ xác phàm đắm ra ý thức rất lơ mơ hoặc xuất thần tùy theo có nhiều hay ít chất dĩ thái bị trục ra.

Việc tách rời Thể Phách khỏi xác phàm thường có kèm theo việc xác phàm bị giảm đáng kể về sinh lực, Thể Phách đắm ra linh hoạt hơn khi năng lượng trong xác phàm suy giảm. Trong tác phẩm *Loài người sau khi chết*, Đại tá Olcott kể rằng:

“Khi Thể Phách bị một chuyên gia lão luyện phóng chiếu ra thì thậm chí xác phàm dường như đờ đẫn, tâm trí “lơ mơ” hoặc choáng váng; mắt biểu hiện không còn sinh khí, tim và phổi hoạt động yếu ớt và nhiệt độ thường xuống thấp rất nhiều. Trong tình huống ấy, việc đột ngột gây ra tiếng động hoặc tiếng nô trong phòng là rất nguy hiểm, bởi vì Thể Phách sẽ ngay tức khắc phản ứng lại dội về xác phàm, tim đập thành thịch, co giật và có thể gây ra tử vong”.

Quả thật mối liên hệ giữa Thể Phách và xác phàm khăng khít đến nỗi một vết thương tác động vào Thể Phách sẽ xuất hiện thành một chấn thương trên xác phàm, đây là một ví dụ

cho hiện tượng kỳ diệu mà ta gọi là phản kích. Người ta thường biết rằng sự phản kích cũng có thể xảy ra trong trường hợp thể Vía; trong một số trường hợp thì vết thương nơi thể Vía cũng mô phỏng lại trên xác phàm.

Song le, dường như có lẽ là sự phản kích chỉ có thể xảy ra trong trường hợp hiện hình hoàn toàn khi hình tướng hiện ra vừa nhìn thấy được vừa sờ thấy được, chứ không phải khi (1)- sờ thấy được nhưng không nhìn thấy được; (2)- nhìn thấy được nhưng không sờ thấy được.

Ta nên nhớ rằng những điều nêu trên chỉ áp dụng khi vật chất của Thể Phách được dùng để tạo ra hình tướng hiện hình. Khi sự hiện hình được tạo ra bằng vật chất của dĩ thái ở môi trường xung quanh thì vết thương trên hình hiện ra không thể ảnh hưởng tới xác phàm theo phép phản kích, cũng giống như một vết thương trên pho tượng bằng cẩm thạch không thể gây thương tích cho chính con người.

Ta cũng nên nhớ rằng mặc dù không thấy được bằng xác phàm nhưng chất dĩ thái vẫn còn hoàn toàn là chất của cõi hồng trần, cho nên nó có thể chịu ảnh hưởng của nóng hoặc lạnh cũng như axit mạnh.

Những người nào mất tay chân vì bị cưa cụt đôi khi phàn nàn là họ cảm thấy đau ở những đầu mút của tay chân bị cưa cụt, nghĩa là ở nơi mà tay chân thường máng vào đó.

Điều này do sự kiện bộ phận dĩ thái của tay chân không bị cắt cụt đi theo bộ phận của xác phàm mà vẫn còn có thể thấy được ở tại chỗ qua sức nhìn thấu thị (thần nhãn); vì vậy khi có kích thích thích hợp thì cảm giác vẫn có thể khơi dậy trong tay chân bằng chất dĩ thái ấy rồi truyền lên ý thức.

Có khá nhiều hiện tượng khác liên quan tới Thể Phách, việc nó bị trục ra khỏi xác phàm, phóng ra khỏi xác phàm v.v... Nhưng ta sẽ bàn tới chúng một cách thỏa đáng và thích hợp hơn ở giai đoạn sau này khi ta đã nghiên cứu xong bản chất và phương pháp tác động của Prana tức Sinh Khí.

CHƯƠNG II PRANA TỨC SINH KHÍ

Các nhà Huyền bí học biết rằng ít nhất có ba lực riêng rẽ và phân biệt do mặt trời xạ ra để đến với hành tinh của chúng ta. Có thể có vô số lực khác vì mọi thứ chúng tôi biết đều ngược lại; nhưng dù sao đi nữa chúng tôi cũng biết có ba loại này. Đó là:

- 1.- Fohat tức Điện
- 2.- Prana tức Sinh Khí
- 3.- Kundalini tức Hỏa Xà.

Fohat tức Điện, bao gồm hầu hết các lực vật lý mà chúng ta đã biết, tất cả đều chuyển đổi được ra lẫn nhau; chẳng hạn như điện, từ, ánh sáng, nhiệt, âm thanh, ái lực hóa học, sự vận động v.v. . .

Prana tức Sinh Khí, là một lực sinh động mà sự tồn tại của nó chưa được các nhà khoa học Tây phương chính thống chính thức công nhận, mặc dù có lẽ một số ít người cũng phỏng đoán về nó.

Kundalini tức Hỏa Xà là một lực mà cho đến nay chỉ rất ít người biết được. Khoa học Tây phương chính thống hoàn toàn không biết tới và không phỏng đoán gì về nó.

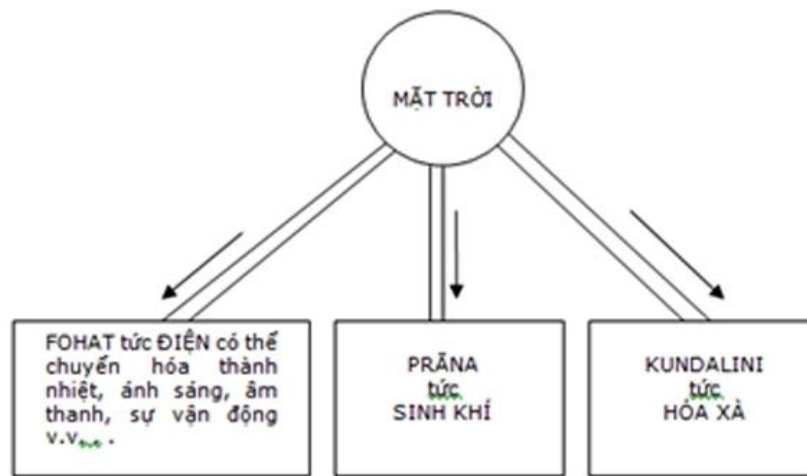
Ba lực này vẫn còn riêng rẽ và ở mức này thì không một lực nào có thể chuyển đổi ra thành một trong các lực kia. Đây là một điều rất quan trọng mà học viên nên hiểu cho rõ.

Hơn nữa ba lực này không có liên quan gì tới ba Luân Lưu Xuất Lớn; các Luân Lưu Xuất là những nỗ lực nhất định do Thái Dương Thượng Đế thực hiện. Mặt khác, Fohat, Prana và Kundalini dường như đúng hơn là kết quả sự sống của Ngài. Các phẩm tính của Ngài đang biểu lộ mà không có bất kỳ cố gắng hữu hình nào.

[Từ khi tài liệu này được biên soạn thì tác phẩm *Các Luân Xa* của C.W. Leadbeater đã xuất hiện. Trong quyển *Các Luân Xa*, nó nêu rõ rằng ba lực kể trên có liên quan tới các Luân Lưu Xuất như sau:

Luồng Lưu Xuất thứ Nhất xuất phát từ Thượng Đế Ngôi Ba, là lực Nguyên sơ chế biến các nguyên tố hóa học. Điều này dường như là Fohat. Luồng Lưu Xuất thứ Nhì xuất phát từ Thượng Đế Ngôi Hai, có Prana là *một* trong những khía cạnh. Kundalini là sự phát triển thêm nữa trên vòng cung đi lên của Luồng Lưu Xuất thứ Nhất.]

PRANA TỨC SINH KHÍ

SƠ ĐỒ I
LỰC THÁI DƯƠNG

Mỗi một trong những thứ này đều biểu lộ trên mọi cõi của Thái Dương Hệ

Prāna là một từ Bắc phạt có ngữ căn là *Pra* tức là ra, và *an* tức là thở, vận động, sinh hoạt. Như vậy, *Pra-an* tức Prana có nghĩa là thở ra (breathe forth), sinh khí (life-breath) hoặc năng lượng sự sống (life-energy) là từ tương đương gần nhất trong tiếng Anh so với thuật ngữ tiếng Bắc phạt. Bởi vì theo tư tưởng Ấn Độ, chỉ có một Sự Sống duy nhất, một Tâm Thức duy nhất, cho nên Prana đã được dùng để chỉ Tự ngã Tối Cao, năng lượng của Đấng Nhất Như, Sự Sống của Thượng Đế. Vì thế cho nên Sự Sống trên mỗi cõi có thể được gọi là Prana của cõi ấy, Prana trở thành Sinh khí trong mọi tạo vật.

Đấng Indra, vị đại Thiên Thần đứng đầu huyền giai sự sống trong hạ giới dạy rằng: “Ta là Prana . . . Prana là sự sống”. Ở đây Prana rõ ràng có nghĩa là toàn thể sinh lực. Trong tác phẩm Mundakopanishad, người ta nêu rõ rằng Prana tức Sự Sống xuất phát từ Brahman, tức Đấng Nhất Như. Prana cũng được miêu tả là Atma trong hoạt động hướng ngoại: “Prana này sinh ra từ Atma” (Prashnopanishad). Shankara nói rằng Prana là Kriyashakti – Quyền năng để làm chứ không phải để biết. Nó được xếp loại là một trong bảy Nguyên tố tương ứng với bảy cõi của vũ trụ, bảy lớp vỏ của Brahman v.v. . . Đó là Prana, Manas, Dĩ thái, Hỏa, Phong, Thủy, Địa.

Người Hebrew nói tới “Sinh khí” mà họ gọi là Nephesh được phà vào lỗ mũi của Adam. Tuy nhiên Nephesh không chỉ nhằm nói tới Prana không thôi mà là Prana phối hợp với nguyên khí kế tiếp tức Kama. Những thứ này cùng nhau tạo thành “điểm linh quang” vốn là “Sinh khí nơi con người, con thú hoặc côn trùng đang sinh hoạt trên cõi vật chất hồng trần”.

Khi dịch ra những thuật ngữ mang tính Tây phương hơn thì Prana trên cõi hồng trần được miêu tả tốt nhất là Sinh khí, là năng lượng tích hợp vốn điều phối các phân tử, tế bào của của thể xác v.v. . . và giữ chúng lại với nhau tạo thành một cơ thể xác định. Đó là sinh khí trong nội bộ cơ thể, một bộ phận của Sinh khí vũ trụ mà một cơ thể cho sẵn đã chiếm hữu trong thời kỳ cơ thể ấy tồn tại mà ta gọi là “một kiếp sống”. Nếu không có mặt Prana thì không thể có thể xác với vai trò là một tổng thể bất khả phân ly hoạt động như một thực thể duy nhất; nếu không có Prana thì cơ thể ắt chẳng khác gì hơn là một tập hợp các tế bào độc lập. Prana nối liền và liên kết những tế bào ấy thành ra một tổng thể phức hợp, nó tác

động dọc các nhánh và những mắt lưới của “mạng lưới sự sống” tức là một mạng lưới màu hoàng kim lóng lánh đẹp đẽ khôn tả và hết sức tinh vi, được tạo ra từ chỉ một sợi vật chất bồ đề, nối dài của Sutratma; các nguyên tử thô trước hơn được nối kết lại với nhau bên trong các mắt lưới ấy.

Prana được mọi cơ thể sinh vật hấp thụ, việc cung cấp đầy đủ Prana dường như là điều kiện thiết yếu cho các cơ thể sống ấy tồn tại. Vì vậy, nó tuyệt nhiên không phải là sản phẩm của sự sống mà chính sinh vật và cây cỏ v.v. . . mới là sản phẩm của nó. Nếu nó quá phong phú trong thân kinh hệ thì có thể gây ra chết và bệnh tật, nhưng nếu nó có quá ít thì lại gây ra kiệt sức rồi cuối cùng cũng chết.

Bà H. P. Blavatsky so sánh Prana (hoạt năng tạo ra mọi hiện tượng *sống còn*) với oxy vốn cấp dưỡng cho sự cháy, là chất hơi mang lại sự sống, là hoạt chất *hóa học* trong mọi cuộc sống hữu cơ. Người ta cũng so sánh Thể Phách (hiện thể trơ của sự sống) với ni tơ (chất khí trơ mà oxy được trộn lẫn với nó để cho khí ni tơ thích ứng với sự hô hấp của động vật. Nó cũng tham gia phần lớn vào mọi chất hữu cơ.

Sự kiện con mèo được phú cho Prana nổi bật lên đã làm nảy sinh ra quan niệm bình dân cho rằng con mèo có tới “chín vía” và dường như nó có liên quan gián tiếp với lý do con thú này được Ai Cập coi là linh thiêng.

Trên cõi hồng trần, Prana kiến tạo mọi khoáng chất và là tác nhân kiểm soát những thay đổi sinh lý hóa học trong nguyên sinh chất; điều này gây ra sự biến dị và kiến tạo đủ thứ mô trong cơ thể của loài thực vật, động vật và loài người. Những thứ ấy biểu lộ sự hiện diện của mình qua khả năng đáp ứng với những kích thích.

Việc trộn lẫn Prana trên cõi trần với Prana cõi trung giới tạo ra vật chất thân kinh vốn là thành phần cơ bản của tế bào, mang lại khả năng cảm nhận vui sướng và đau khổ. Các tế bào phát triển thành các sợi, do kết quả của tư tưởng, Prana mạch động dọc theo các sợi này vốn được cấu tạo bởi Prana trên cõi trần, cõi trung giới và cõi trí tuệ.

Trong nội bộ chính các nguyên tử trên cõi trần thì Prana chạy dọc theo các đường xoắn ốc. Trong Dây Hành Tinh của ta, lúc có Cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất, Sự Sống Chon Thần chạy dọc theo Tam Nguyên Thượng Tinh Thần (Atma, Buddhi, Manas) làm linh hoạt tập hợp đầu tiên các đường xoắn ốc và những đường xoắn ốc ấy được các dòng Prana vận dụng để gây ảnh hưởng lên xác phàm. Trong Cuộc Tuần Hoàn thứ Nhì, Chon Thần làm linh hoạt tập hợp các đường xoắn ốc thứ nhì và Prana liên kết với Thể Phách chạy dọc theo các đường xoắn ốc ấy. Trong Cuộc Tuần Hoàn thứ Ba, sự sống Chon Thần làm linh hoạt tập hợp các đường xoắn ốc thứ ba, Prana cõi Trung giới chạy dọc theo các đường xoắn ốc ấy khiến cho thể Vía có cảm giác vui sướng hay đau khổ. Trong Cuộc Tuần Hoàn thứ Tư, sự sống Chon Thần làm linh hoạt tập hợp thứ tư các đường xoắn ốc, chúng trở thành hiện thể của Prana trên cõi trí cảm (Kama Manas), như vậy khiến cho các nguyên tử thích hợp để được xây dựng thành bộ óc biết tư duy.

Đây là xét về sự tiến hóa của nhân loại bình thường. Một vài phép thực hành Yoga (ta cần sử dụng chúng thật thận trọng kéo sẽ làm tổn thương tới bộ óc) tạo ra sự phát triển tập hợp các đường xoắn ốc thứ năm và thứ sáu vốn được dùng để biểu diễn các dạng tâm thức cao siêu hơn.

Ta không được lẫn lộn bảy đường xoắn ốc trong nguyên tử với các “loa tuyến”: có 10 loa tuyến mà ba thì thô kệch còn bảy thì tinh vi. Các dòng điện khác nhau chạy dọc theo ba loa tuyến thô, còn bảy loa tuyến tinh vi đáp ứng với đủ thứ làn sóng dĩ thái: âm thanh, ánh sáng, nhiệt v.v. . .

Bộ *Giáo Lý Bí Truyền* bảo rằng Prana là những sinh linh “vô hình”, “bốc lửa”, cung cấp “năng lượng kiến tạo sự sống” cho các con vi trùng, như vậy khiến cho chúng xây dựng được các tế bào của thể xác, kích thước của con vi khuẩn nhỏ nhất so với kích thước của “sinh linh bốc lửa” cũng giống như con voi so với loài trích trùng nhỏ nhất. “Mọi vật hữu hình trong vũ trụ đều được những sinh linh ấy kiến tạo, từ con người nguyên thủy thiêng liêng và hữu thức xuống mãi tới những tác nhân vô thức kiến tạo vật chất”. Do sự biểu lộ của Prana, tinh thần vốn không biết nói xuất hiện thành ra người biết nói.

Như vậy, trọn cả Sinh khí kiến tạo trong vũ trụ và nơi con người được tổng kết thành Prana.

Nguyên tử cũng là một “sinh linh” nhưng tâm thức của nó là thuộc về Thượng Đế Ngôi Ba. Vi trùng là một “sinh linh” có tâm thức thuộc Thượng Đế Ngôi Hai, đã được Hành Tinh Thượng Đế và “Tinh Linh Trái Đất” chiếm hữu rồi biến đổi đi.

Giáo Lý Bí Truyền cũng nói tới một “giáo điều căn bản” của khoa học huyền bí, theo đó Mặt Trời là kho chứa Sinh Lực và từ Mặt Trời xạ ra những dòng sinh khí phập phồng chạy qua không gian, cũng như cơ thể của mọi sinh vật trên trần thế. Paracelsus đề cập tới Prana như sau: “Toàn thể Tiểu vũ trụ được chứa đựng tiềm tàng trong Nước Hằng Sống, một lưu chất thần kinh . . . trong đó bao hàm bản chất, phẩm tính, tính tình và bản chất của vạn vật”. Paracelsus cũng gọi nó là Archaeus. Bác sĩ B. Richardson, Hội viên Hội Hoàng Gia gọi nó là “ether thần kinh”. Những lá liễu Nasmyth là kho chứa sinh năng của Mặt Trời; Mặt Trời thực ẩn đằng sau Mặt Trời hữu hình và sản sinh ra lưu chất sinh khí vốn chu lưu trong Thái Dương Hệ với chu kỳ 10 năm.

Người Aryan thời xưa hát ca ngợi đấng Surya “ẩn đằng sau đạo sĩ Yoga, lấy áo che khuất đầu của đạo sĩ khiến chẳng ai thấy được”. Quần áo của tu sĩ khổ hạnh Ấn Độ được nhuộm màu đỏ vàng, trên đó có các đốm màu hường với dự tính thô thiển là biểu diễn Prana trong máu con người, biểu tượng của nguyên sinh khí trong Mặt Trời, của điều mà hiện nay ta gọi là sắc cầu, tức vùng có “màu hoa hồng.”

Bản thân các trung khu thần kinh dĩ nhiên do thể xác tức “cái túi com” cung ứng, nhưng Prana là năng lượng kèm chế tác động thông qua các trung khu thần kinh, khiến cho cái túi com ấy phải vâng lời và uốn nắn nó theo mục đích yêu cầu của bản ngã vốn ngự trong trí tuệ cao siêu.

Thật quan trọng mà lưu ý thấy rằng mặc dù các dây thần kinh ở trong thể xác nhưng tự thân thể xác không có khả năng cảm giác. Với vai trò là một lớp vỏ, thể xác không hề cảm giác: nó chỉ tiếp nhận các ấn tượng thôi. Cơ thể nơi ngoại giới tiếp nhận tác động, nhưng khả năng cảm nhận đau khổ và vui sướng ở nơi chính các tế bào, ngoại trừ thể hiện một cách rất mơ hồ, mờ nhạt và mang tính “tập thể”, sinh ra những cảm giác lơ mơ bàng bạc, chẳng hạn như cảm giác mệt mỏi nói chung.

Những sự tiếp xúc của thể xác được Prana truyền vào bên trong, những tiếp xúc ấy thật sắc sảo, đau nhói, nhức nhối, chuyên biệt, khác hẳn với những cảm giác bàng bạc nặng nề bắt nguồn từ chính các tế bào. Như vậy là trong mọi trường hợp Prana đều sinh ra hoạt động cảm giác cho các cơ quan của thể xác, nó truyền rung động từ bên ngoài tới cho các trung khu cảm giác vốn ở nơi Kāma, tức lớp vỏ kế tiếp với Prana, đó là Manomayakosha. Chính nhờ có Thể Phách thì Prana mới chạy dọc theo các dây thần kinh trong cơ thể, khiến cho chúng có thể tác động chẳng những chuyển di các tác động từ bên ngoài mà còn chuyển tiếp lực phát động bắt nguồn từ bên trong.

Chính tác động của các dòng Sinh khí trong Thể Phách của các loài khoáng vật, thực vật và động vật đã khiến cho vật chất cõi Trung giới tham gia vào cấu trúc của phân tử và

nguyên tử chuyển từ dạng tiềm tàng sang dạng hoạt động; nhờ vậy nó tạo ra một “sự rung rẩy” khiến cho Chơn Thần trong hình tướng thu hút được các vật liệu cõi Trung giới, vốn được các tinh linh thiên nhiên xây dựng thành ra một khối có cấu tạo lỏng lẻo tức là Thể Vía trong tương lai.

Nơi loài khoáng vật, vật chất cõi Trung giới ít hoạt động đến nỗi không nhận thức được tác động từ cõi Trung giới lên cõi Hồng trần. Nơi loài thực vật cao cấp hoạt động tăng cường của vật chất Trung giới ảnh hưởng tới Thể Phách và thông qua đó tác dụng lên vật chất thô trước. Nơi loài động vật, tâm thức cõi Trung giới còn lớn hơn nữa, ảnh hưởng tới Thể Phách của chúng nhờ vào những rung động trong cõi dĩ thái mới xây dựng được hệ thần kinh bị kích thích mà ở loài thực vật mới chỉ lờ mờ được báo trước thôi.

Như vậy, chính những xung lực do tâm thức phát động – *sẵn lòng* trải nghiệm – để gây ra những rung động trên cõi Trung giới, đến lượt chúng tạo ra các rung động trong vật chất cõi dĩ thái: xung lực vốn từ tâm thức mà ra, nhưng việc thực sự xây dựng hệ thần kinh (mà tâm thức ở giai đoạn này không thể đảm đương được) là do các tinh linh thiên nhiên của cõi dĩ thái thực hiện dưới quyền điều động của các Đấng Quang Minh thuộc giới Tinh hoa Ngũ hành thứ Ba và Thượng Đế hoạt động thông qua Hồn Khóm.

Trước hết trong Thể Vía xuất hiện một trung tâm lực có chức năng tiếp nhận và đáp ứng với những rung động xuất phát từ bên ngoài. Từ trung tâm lực này, các rung động chuyển sang thể dĩ thái tạo ra ở đó những xoáy lực dĩ thái thu hút các hạt vật chất thô trước vào mình. Rốt cuộc thì những thứ này tạo ra một tế bào thần kinh và các nhóm tế bào vốn tiếp nhận rung động từ ngoại giới trên cõi trần bèn truyền chúng trở lại các trung tâm lực trong Thể Vía; như vậy các trung tâm lực trong thể xác và Thể Vía tác động và phản tác động lên nhau với hậu quả là mỗi trung tâm lực càng ngày càng trở nên phức tạp và hữu hiệu. Như ta thấy, hệ thần kinh giao cảm được các xung lực xây dựng trước hết từ các tế bào thần kinh này, đó là xung lực bắt nguồn từ cõi *Trung giới*; sau này thì hệ thần kinh não tủy được xây dựng do các xung lực bắt nguồn từ cõi *Trí tuệ*.

Hệ thần kinh giao cảm luôn luôn vẫn còn có quan hệ trực tiếp với các trung tâm lực của Thể Vía; nhưng điều quan trọng mà ta cần lưu ý là các trung tâm lực của Thể Vía này *không phải là các luân xa của Thể Vía* (sau này ta sẽ nói tới các luân xa ấy) mà chỉ là khối tập hợp trong Thể Vía tạo thành phần sơ khởi của những trung tâm lực vốn sẽ kiến tạo nên các cơ quan trong thể xác. Mãi cho tới một thời kỳ rất lâu sau này trong cơ tiến hóa thì các luân xa của Thể Vía mới được tạo dựng.

Thế là từ các trung tâm lực này – *không phải* là các luân xa – mười cơ quan của thể xác được tạo thành: năm cơ quan để tiếp nhận ấn tượng tức Jnanendriyas, “giác quan hiểu biết”, tức trung tâm cảm giác của bộ óc, rốt cuộc có liên quan tới mắt, tai, lưỡi, mũi và da cùng với năm cơ quan chuyển rung động từ tâm thức ra ngoại giới, Karmendriyas, “giác quan hành động”, tức trung tâm cảm nhận gây ra tác động; đó chính là các trung khu vận động trong bộ óc, có liên quan tới các cơ quan cảm giác ở tay, chân, cổ họng, cơ quan sinh dục và cơ quan bài tiết.

Học viên phải cẩn thận lưu ý là *Prana* chạy dọc theo các dây thần kinh vốn khác hẳn và riêng biệt với cái gọi là *từ khí* hoặc *lưu chất thần kinh* của con người, lưu chất này được sản sinh ra trong nội bộ cơ thể y. *Lưu chất thần kinh* tức *từ khí* này giữ cho vật chất dĩ thái lưu chuyển dọc theo các dây thần kinh hoặc nói chính xác hơn, là dọc theo một lớp vỏ bằng chất dĩ thái bao xung quanh mỗi dây thần kinh cũng giống như máu tuần hoàn qua các tĩnh mạch. Và cũng như dòng máu chuyển oxy tới cho cơ thể, cũng vậy dòng lưu chất thần kinh chuyển Prana.

Và lại, cũng giống như các hạt của xác phàm thường xuyên thay đổi và được thay thế bằng những hạt mới rút ra từ thức ăn, nước và không khí; cũng vậy các hạt của Thể Phách thường xuyên thay đổi và bị thay thế bởi các hạt dĩ thái mới mẻ, những hạt này được thu nhận vào trong cơ thể qua thức ăn, qua những khí hít vào và qua Prana dưới dạng mà ta gọi là Sinh khí cầu, và bây giờ ta sẽ miêu tả.

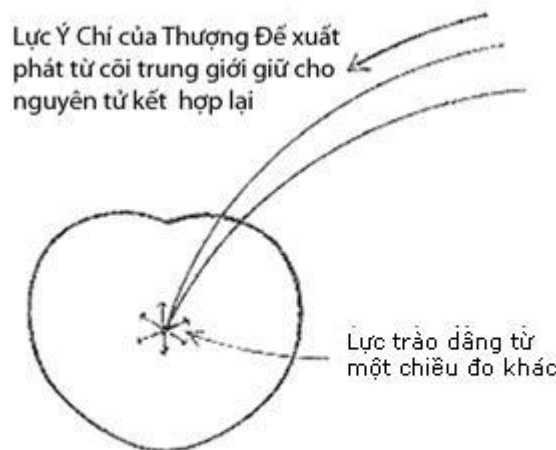
Prana tức Sinh khí tồn tại trên mọi cõi: cõi trần, cõi Trung giới, cõi Trí tuệ v.v. . . Prana là Sự Sống Nhất Như, là cái “trục bánh xe có gắn *bảy* cái cãm của bánh xe vũ trụ”. (*Thánh Ca về Prana* trong *Artharva Veda* XI, 4). Tuy nhiên, ở đây ta chỉ quan tâm tới dáng vẻ và phương thức hoạt động của nó trên cõi thấp nhất tức cõi Hồng trần.

Ta cũng phải lưu ý rằng Prana trên cõi Hồng trần vốn thất bội, nghĩa là có bảy biến thể của nó.

Ta đã thấy rằng nó hoàn toàn riêng biệt và riêng rẽ với ánh sáng, nhiệt v.v. . . ; tuy nhiên biểu lộ của nó trên cõi Hồng trần dường như tùy thuộc vào ánh nắng mặt trời, bởi vì khi ánh nắng chói chang thì dường như Prana cũng xuất hiện nhiều, còn khi thiếu ánh nắng thì Prana cũng bị thiếu hụt.

SƠ ĐỒ II

SINH KHÍ CẦU (1) Một Cực vi tử Hồng trần



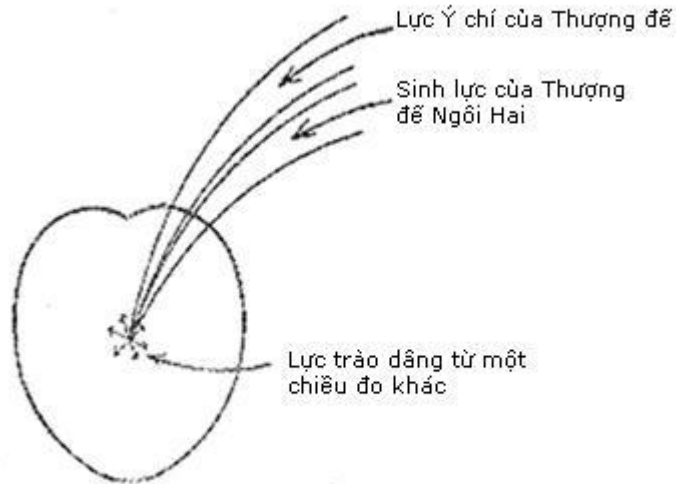
Muốn có chi tiết của nguyên tử thì hãy xem quyển *HÓA HỌC HUYỀN BÍ*,
Kính ảnh II và trang 5 và tiếp theo.

Prana xuất hiện từ mặt trời rồi nhập vào một số cực vi tử hồng trần vốn trôi nổi hằng hà sa số trong bầu khí quyển của trái đất. Mặc dù ta bảo rằng lực Prana này “nhập vào” nguyên tử cõi trần, nhưng nó không từ bên ngoài nhập vào: nó nhập vào từ một chiều đo cao hơn, chiều đo thứ tư, và như vậy nhà thần nhãn thấy nó có vẻ trào dâng từ bên trong nguyên tử.

Như vậy có hai lực nhập vào nguyên tử từ bên trong: 1- lực Ý Chí của Thượng Đế giữ nguyên tử lại đúng hình dạng của nó; 2- lực Prana. Ta nên lưu ý rằng Prana xuất phát từ Ngôi Hai của Thái Dương Thượng Đế, trong khi lực Ý Chí xuất phát từ Ngôi Ba.

SƠ ĐỒ II

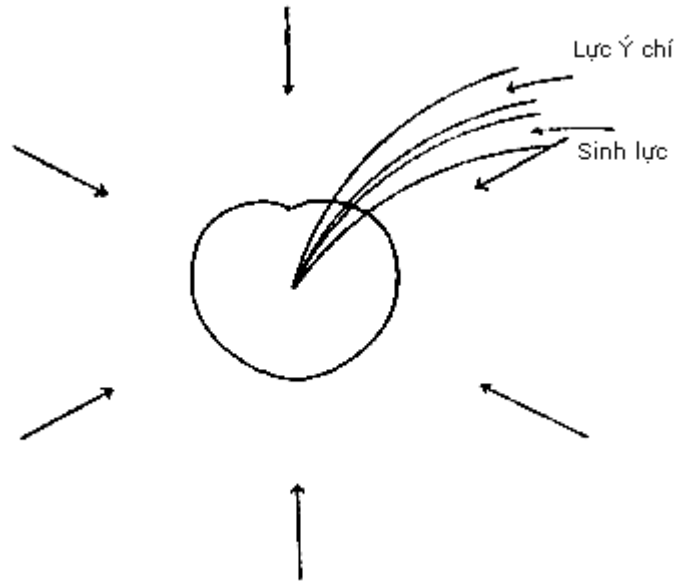
SINH KHÍ CẦU (2) Sinh lực nhập vào Nguyên tử



Tác dụng của Prana đối với các nguyên tử khác hẳn tác dụng của điện, ánh sáng, nhiệt hoặc các biểu hiện khác của Fohat. Khi điện lướt xẹt qua các nguyên tử thì nó làm lệch hướng các nguyên tử giữ chúng lại theo một cách nào đó, cũng như truyền cho chúng một nhịp độ rung động riêng biệt và cá biệt. Bất cứ biến thể nào của Fohat chẳng hạn như điện, ánh sáng hoặc nhiệt, đều gây ra một dao động của nguyên tử xét chung, dao động ấy có kích thước khổng lồ so với kích thước của chính nguyên tử, dĩ nhiên các lực ấy tác động lên nguyên tử từ bên ngoài.

Học viên huyền bí học ắt đã quen thuộc với hình dáng và cấu trúc của cực vi tử hồng trần, tức hạt vật chất nhỏ nhất trên cõi hồng trần, tổng hợp của nó tạo ra đủ thứ chất mà ta gọi là chất đặc, chất lỏng, chất hơi v.v. . . Vì vậy trong những hình vẽ của tài liệu này người ta chỉ phác họa các cực vi tử hồng trần thôi.

SƠ ĐỒ III SINH KHÍ CẦU (3) Nguyên tử thu hút 6 nguyên tử khác

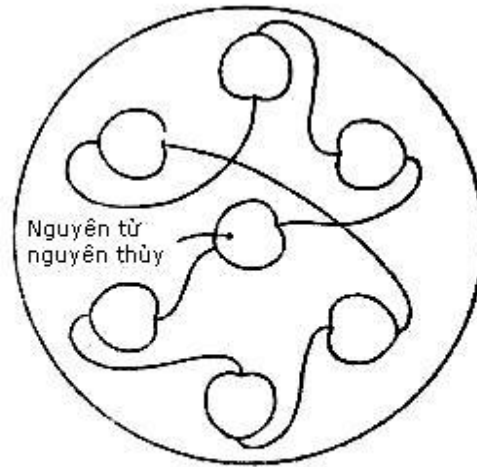


Sinh lực “phú cho nguyên tử một sự sống thêm nữa
và cung cấp cho nó năng lực hấp dẫn . . .”

Bấy giờ lực Prana xạ ra từ mặt trời, nhập vào một số nguyên tử trong bầu khí quyển và gây cho chúng chói sáng. Như vậy, một nguyên tử được tích thêm sự sống, có năng lực hấp dẫn lực bội, sao cho nó ngay tức khắc thu hút sáu nguyên tử khác xung quanh mình. Nó sắp xếp những thứ này theo một hình dạng nhất định, tạo ra cái được gọi là một siêu viết sơ nguyên tố (a hyper-meta-*proto-element*) trong *Hóa Học Huyền Bí*, tức là một tổ hợp vật chất trên cảnh giới dưới nguyên tử. Tuy nhiên, tổ hợp này khác với mọi tổ hợp khác đã được quan sát cho đến nay ở chỗ lực tạo ra nó và giữ nó lại với nhau xuất phát từ Ngôi Hai của Thái Dương Thượng Đế thay vì từ Ngôi Ba. Dạng này được gọi là Sinh khí cầu và được trình bày trong hình vẽ đính kèm theo đây vốn là hình mở rộng của hình ở trang 45 của quyển *Hóa Học Huyền Bí*. Nhóm nhỏ này là một chuỗi hạt sáng rực rỡ trên đó là con rắn dương hoặc hùng tính trong nguyên tố Hóa học Oxy; nó cũng là trung tâm của bầu trung tâm trong chất radium.

SƠ ĐỒ IV

Sinh Khí Cầu (4) Sự tạo thành Sinh Khí Cầu



Chú Thích: Sinh khí cầu là một siêu viết sơ nguyên tố nghĩa là nó ở trên cảnh giới dưới nguyên tử, nó độc nhất ở chỗ nó được tạo ra và giữ lại với nhau nhờ vào lực xuất phát từ Thượng Đế Ngôi Hai. *H.S.I.* trang 67, *Hóa Học Huyền Bí*, trang 45.

Vì các Sinh khí cầu chói sáng và cực kỳ linh động cho nên hầu hết mọi người bỏ công nhìn kỹ đều có thể thấy chúng bay lượn trong bầu khí quyển hằng hà sa số, nhất là vào ngày trời nắng. Cách tốt nhất để thấy chúng là quay lưng về phía mặt trời, mắt tập trung cách xa độ vài bộ (feet), nhìn bầu trời trong treo dùng làm nền. Sinh khí cầu vốn chói sáng và hầu như không có màu sắc, nó có thể so sánh được với ánh sáng trắng.

Người ta đã nhận xét rằng mặc dù lực làm linh hoạt những Sinh khí cầu này khác hẳn với ánh sáng, tuy nhiên nó lại có vẻ tùy thuộc vào ánh sáng về khả năng biểu lộ. Khi ánh sáng chói chang thì sinh khí này thường xuyên trôi lên mới mẻ và các Sinh khí cầu được sản sinh ra hằng hà sa số, nhưng khi thời tiết u ám thì số Sinh khí cầu được tạo ra giảm đi nhiều và trong đêm tối thì tác động này dường như hoàn toàn ngưng lại. Vì vậy, trong đêm đen, có thể nói là ta sống dựa vào dự trữ được sản sinh ra trong ngày hôm trước và mặc dù nó có vẻ thực tế là chẳng bao giờ cạn kiệt, song dự trữ ấy hiển nhiên là xuống thấp khi có sự nối tiếp lâu dài của những ngày mây u ám.

Dĩ nhiên, tinh linh thể xác có công việc là bảo vệ cơ thể và đồng hóa sinh khí (ta sẽ miêu tả tỉ mỉ điều này ở Chương kế tiếp) để cho thể xác được hồi sức. Trong khi thể xác thức giấc thì các dây thần kinh và cơ bắp được giữ cho căng thẳng sẵn sàng hành động ngay tức khắc. Khi thể xác ngủ yên thì tinh linh ngũ hành để cho các dây thần kinh và cơ bắp được thư giãn rồi dồn hết chú tâm đặc biệt vào công việc đồng hóa sinh khí. Điều này giải thích cho việc giấc ngủ có năng lực làm hồi sức rất mạnh, ngay cả chỉ là một giấc chớp mắt ngắn ngủi ban trưa.

Tinh linh ngũ hành làm việc thành công nhất trong phần sơ khởi của đêm đen, khi có sự cung cấp dồi dào sinh khí. Trong chu kỳ hằng ngày thì việc cung cấp các Sinh khí cầu xuống mức thấp nhất vào khoảng 3 – 4 giờ sáng trước khi mặt trời mọc, và đây là một lý do tại sao biết bao nhiêu tỉ lệ người chết lại xảy ra vào những giờ ấy. Cũng vì thế mà ngàn năm

bảo rằng một giờ ngủ trước nửa đêm đáng giá bằng hai giờ ngủ sau nửa đêm. Dĩ nhiên cũng như vậy, sự cung ứng Prana ở mức thấp nhất vào mùa đông so với vào mùa hè.

Hơn nữa, Prana được tuôn ra, chẳng những trên cõi Hồng trần mà còn trên mọi cõi xúc động, trí năng và tâm linh. Nó sẽ đạt mức độ tốt nhất khi trời trong trẻo với sự trợ giúp vô giá của ánh nắng. Ta cũng có thể nói thêm rằng ngay cả các màu sắc của Prana dĩ thái cũng tương ứng với những màu sắc tương tự trong một chừng mực nào đó trên cõi Trung giới. Vì thế cho nên, xúc động đúng đắn và tư tưởng trong sáng phản tác động lên thể xác, giúp cho thể xác đồng hóa Prana và thế là duy trì sức khỏe dồi dào. Như vậy ta tìm thấy một ánh sáng thú vị soi chiếu cho mối quan hệ mật thiết giữa sức khỏe tâm linh, trí tuệ và xúc động với sức khỏe của thể xác; điều này cũng nhắc ta nhớ tới câu nói nổi tiếng của Đức Phật theo đó bước đầu tiên trên con đường tiến tới Niết Bàn là sức khỏe toàn bích.

Một khi đã được tích năng lượng thì Sinh khí cầu vẫn còn là một yếu tố dưới nguyên tử và nó dường như không phải chịu bất cứ sự thay đổi hoặc mất thần lực nào, trừ phi và cho đến khi nó được hấp thụ bởi một tạo vật linh hoạt nào đó.

Trước khi tiến hành việc nghiên cứu đề tài cực kỳ thú vị và quan trọng về việc hấp thụ Prana trong thể xác thì trước hết ta phải nghiên cứu cơ chế trong Thể Phách giúp ta thực hiện quá trình này.

CHƯƠNG III CÁC TRUNG TÂM LỰC

Nhân tiện xin nói, trong Thể Phách cũng như trong mỗi một các thể khác của ta có một vài Trung tâm lực tức Luân xa (tiếng Bắc Phạn gọi là Chakrams), từ ngữ này có nghĩa đen là một bánh xe hoặc một cái đĩa xoay vòng.

Các Luân xa ở trên bề mặt của Thể Phách, vào khoảng $\frac{1}{4}$ phân Anh bên ngoài lớp da của cơ thể. Khi quan sát bằng thần nhãn thì ta thấy chúng hiện ra thành những xoáy ốc hoặc những chỗ trũng giống như cái đĩa có vật chất quay rất nhanh.

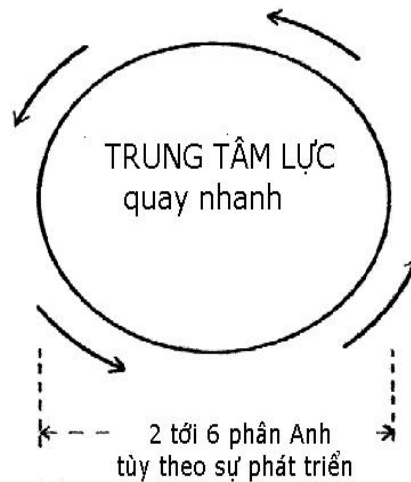
Lực tuần đồ qua các Luân xa vốn cốt yếu đối với sự sống của Thể Phách, mọi người đều có những trung tâm lực như thế, mặc dù mức độ phát triển của chúng thay đổi đáng kể tùy theo các cá nhân. Khi chúng chưa phát triển thì chúng chỉ sáng mờ mờ và các hạt dĩ thái chuyển động lờ đờ, vừa đúng tạo thành hình xoáy ốc cần thiết cho việc truyền thần lực chứ không có gì hơn nữa: mặt khác, nơi những người đã phát triển, các luân xa sáng lên và mạch động, chói sáng với tia chói lợi lóa mắt giống như mặt trời thu nhỏ. Chúng thay đổi về kích thước từ khoảng hai phân tới sáu phân Anh về đường kính.

Nơi trẻ sơ sinh, chúng là những vòng tròn nho nhỏ giống như một đồng ba xu, là những cái đĩa cứng nho nhỏ hầu như chẳng chuyển động gì hết và chỉ hơi chói sáng một chút.

Các luân xa Thể Phách có hai chức năng riêng biệt. Chức năng thứ nhất là hấp thụ và phân phối Prana tức là Sinh khí tới cho Thể Phách, rồi từ đó tới thể xác; như vậy giữ cho chúng được sống động. Chức năng thứ nhì là đưa xuống ý thức trên cõi trần bất cứ thứ gì có thể là phẩm tính cố hữu nơi trung tâm lực tương ứng của Thể Vía. Chính việc thiếu phát triển của các trung tâm lực thuộc Thể Phách giải thích cho việc các kinh nghiệm trên cõi Trung giới không thể được dẫn nhập vào trong trí nhớ của bộ óc phàm. Nhiều người hoàn toàn thức tỉnh và linh hoạt hữu thức trên cõi trung giới và sống cuộc đời hoạt động trong Thể Vía.

SƠ ĐỒ III

CẤU TRÚC CỦA TRUNG TÂM LỰC (1) Hình dáng



Dáng vẽ giống như chỗ trũng hình cái đĩa tức xoáy ốc trên bề mặt Thể Phách, nghĩa là $\frac{1}{4}$ phần Anh bên ngoài thể xác.

CHỨC NĂNG: truyền lực từ Thể Vía sang Thể Phách

Chú ý: Có các trung tâm lực tương tự như vậy tồn tại trong mọi hiện thể.

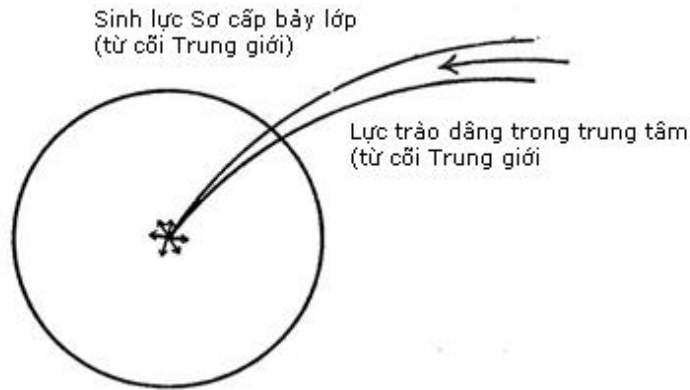
Tuy nhiên, khi họ quay về thể xác đang ngủ thì chẳng bao nhiêu ký ức trong sinh hoạt trên cõi Trung giới được lọc qua bộ óc, chỉ vì nhịp cầu dĩ thái cần thiết chưa được kiến tạo. Khi các trung tâm lực của Thể Phách được phát triển đầy đủ thì trong bộ óc sẽ có ký ức đầy đủ và liên tục về những trải nghiệm trên cõi Trung giới.

Dường như không có mối liên hệ nào giữa hoạt động hoặc sự phát triển của các luân xa Thể Phách và các phẩm tính đạo đức: hai sự phát triển này hoàn toàn riêng biệt với nhau.

Mặc dù trong Thể Vía có một trung tâm lực thuộc Thể Vía tương ứng với mỗi một trung tâm lực thuộc Thể Phách, thế nhưng vì trung tâm lực của Thể Vía là một xoáy lực trong bốn chiều đo cho nên nó mở rộng theo một hướng khác hẳn với Thể Phách; do đó trung tâm lực của Thể Vía tuyệt nhiên không kết thúc cùng một chỗ với trung tâm lực tương ứng của Thể Phách, mặc dù một bộ phận nào đó của nó luôn luôn trùng với phần bên kia. Trong khi các trung tâm lực Thể Phách luôn luôn ở trên bề mặt của Thể Phách thì trung tâm lực Thể Vía luôn luôn ở bên trong Thể Vía.

SƠ ĐỒ III

CẤU TRÚC CỦA TRUNG TÂM LỰC (2) Sinh Lực tràn vào



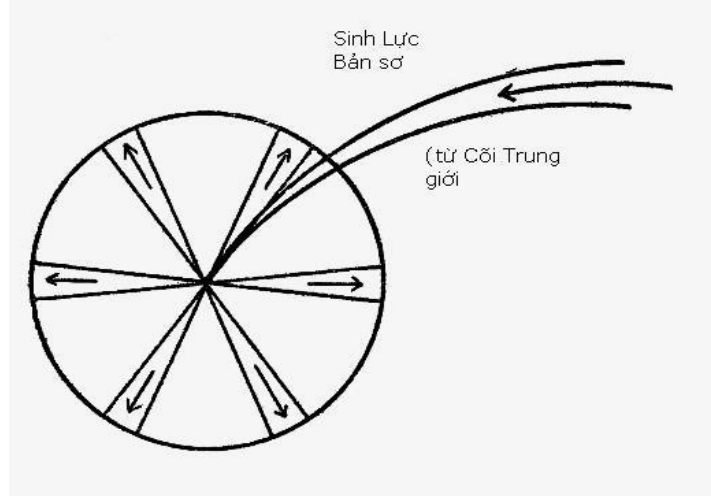
Một trong bảy biến thể của Sinh Lực đã chiếm ưu thế phần lớn trong mỗi trung tâm lực.

Sinh Lực tràn vào này mang lại sự sống cho thể xác.

Ta đã thấy rằng (Chương II) có bảy biến thái của Prana, tất cả đều hiện diện trong mọi luân xa, nhưng trong mỗi luân xa thì một trong các biến thái luôn luôn chiếm ưu thế lớn lao.

Prana tràn vào trung tâm của mỗi luân xa từ một hướng vuông góc với bề mặt của luân xa (có lẽ “trào dâng” là một thuật ngữ tốt hơn) khi thần lực từ cõi Trung giới truyền vào cõi dĩ thái. Thế rồi, từ trung tâm của luân xa, lực xạ ra vuông góc với hướng mà nó xuất phát từ đó, nghĩa là trên bề mặt của Thể Phách tính theo một số hướng và tính theo các đường thẳng. Số phương hướng tương tự với những cái cắm trong một bánh xe, khác nhau tùy theo mỗi luân xa.

SƠ ĐỒ III CẤU TRÚC CỦA TRUNG TÂM LỰC (3) Tạo thành những “cái cắm”



Lực Sơ cấp “trào dâng” ở trung tâm, thế rồi nó tràn ra bên ngoài theo các bán kính dọc theo “những cái cắm”, con số “các cắm” này khác nhau nơi mỗi trung tâm lực.

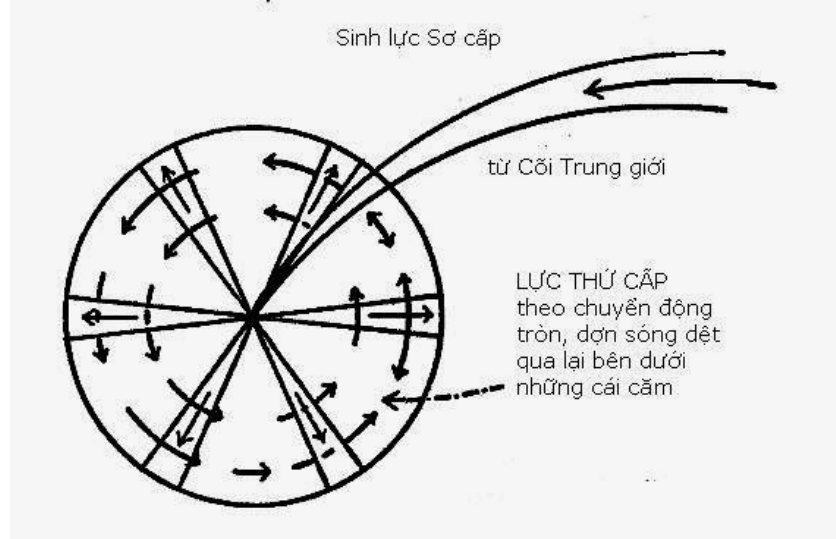
Những cái cắm chia luân xa ta thành một số phân đoạn, giống như các cánh hoa trong một đóa hoa; vì thế cho nên trong sách vở Ấn Độ, các luân xa thường được miêu tả là giống như các đóa hoa.

Thế mà khá giống như một thanh nam châm dứt vào một cuộn dây ắt tạo nên hoặc “cảm ứng” ra một dòng điện trong cuộn dây vuông góc với trục nam châm; cũng vậy, lực sơ cấp của Prana nhập vào luân xa tạo nên hoặc cảm ứng các lực thứ cấp trên cõi của luân xa. Những lực thứ cấp này xoáy tròn quanh luân xa, chuyển qua bên dưới những cái cắm giống như vật liệu ở đáy của một cái giỏ hình tròn chuyển qua bên dưới những khung của cái rổ xạ ra từ trung tâm điểm.

Mỗi một trong những thứ lực này quét tròn xung quanh luân xa, có bước sóng đặc trưng riêng của mình, và hơn nữa không phải chuyển động theo đường thẳng mà theo những dợn sóng tương đối lớn, mỗi một trong những thứ ấy là một bội số của bước sóng bên trong nó. Các bước sóng ấy rất nhỏ và có lẽ hàng ngàn những bước sóng ấy cũng rất nhỏ chỉ được bao gồm trong một dợn sóng, mặc dù tỉ lệ chính xác còn chưa được xác định. Tác dụng tổng quát là sáng lấp lánh và chiếu tia ngũ sắc như xà cừ hoặc một biến thể thủy tinh nào đó.

SƠ ĐỒ III

CẤU TRÚC CỦA TRUNG TÂM LỰC (4) Tạo thành lực thứ cấp



Những luân xa thường được nói là tương ứng với một vài cơ quan thể chất; thật ra thì những cơ quan này ở gần chúng nhất; nhưng như ta đã nêu trên, bản thân các luân xa không ở bên trong cơ thể mà ở trên bề mặt của Thể Phách.

Danh sách của các Luân xa và tên gọi của chúng là như sau:

Số	Cơ quan thể chất gần nhất	Tên gọi tiếng Bắc phạn
1	Chót xương sống	Mulhadhara
2	Rún	Manipura
3	Lá lách	Svadhithana
4	Tim	Anahata
5	Họng	Visuddha
6	Giữa chân mày	Ajna
7	Đỉnh đầu	Sahasrara Brahmarandhara
8	Các cơ quan hạ đẳng	
9		
10		

Các con số 8, 9 và 10 liên quan tới các cơ quan hạ đẳng của thể xác, không được học viên “pháp thuật chánh đạo” sử dụng, mặc dù có một vài trường phái đang tồn tại vẫn sử dụng chúng. Nguyên cơ liên quan tới chúng nghiêm trọng đến nỗi chúng tôi coi việc khơi hoạt chúng là điều bất hạnh lớn lao nhất.

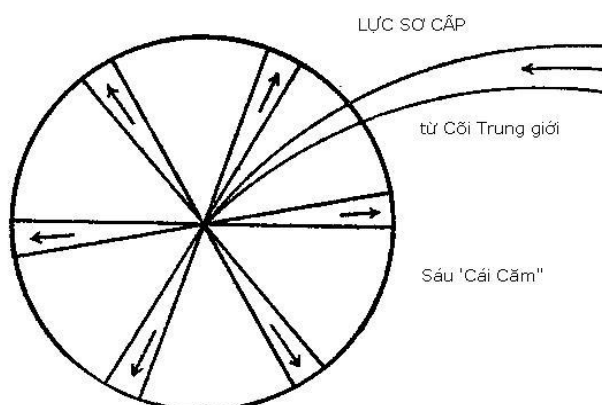
Việc sinh lực tuôn đổ vào hoặc thông qua bất kỳ luân xa nào là hoàn toàn riêng biệt và riêng rẽ đối với việc phát triển luân xa do việc khơi hoạt Kundalini mà ra, điều này sẽ được miêu tả trong Chương XIII.

Chúng tôi hiện nay sẽ tiến hành lần lượt nghiên cứu mỗi một trong bảy luân xa, khảo sát cấu trúc, dáng vẻ, chức năng và những năng khiếu liên quan tới nó. Vì những lý do sẽ xuất hiện ngay sau đây, ta nên bắt đầu bằng trung tâm lực thứ ba vốn ở gần lá lách.

CHƯƠNG IV TRUNG TÂM LỰC LÁ LÁCH

Trung tâm lực lá lách có 6 cái cãm và do đó có cùng số cánh hoa hoặc đường dợn sóng. Xét theo bề ngoài thì nó đặc biệt là chói sáng, rực rỡ giống như mặt trời.

SƠ ĐỒ IV Trung tâm lực Lá lách (1) Cấu trúc



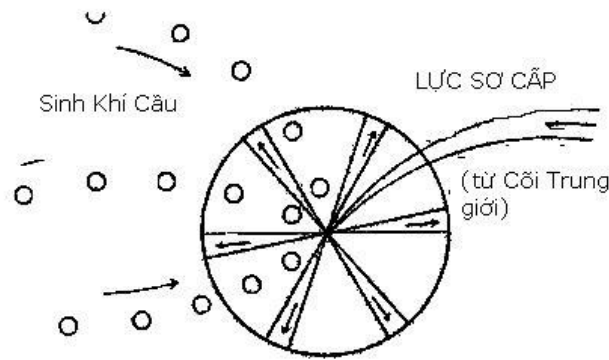
Dáng vẽ tổng quát “Rực rỡ giống như mặt trời”

Chức năng của Trung tâm lực Thể Vía: làm linh hoạt thể Vía, Năng lực vân du một cách ý thức

Chức năng của Trung tâm lực Thể Phách: làm linh hoạt Thể xác, Ký ức về các cuộc vân du trên cõi Trung giới

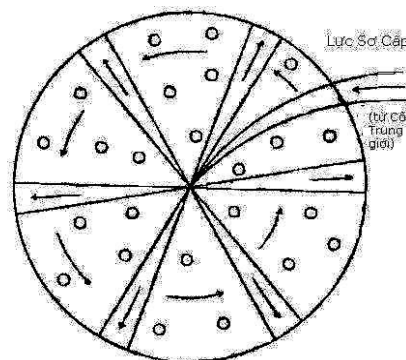
Trung tâm lực này có tính chất độc nhất vô nhị ở chỗ nó có chức năng tối quan trọng là hấp thụ các Sinh khí cầu từ bầu khí quyển, phân rải chúng và phân phối các nguyên tử có tích được Prana chuyển hóa và chuyên biệt hóa tới tận đủ thứ bộ phận của cơ thể. Ta sẽ dễ dàng theo dõi được quá trình này nhờ vào sơ đồ IV (2), (3) và (4).

SƠ ĐỒ IV
Trung tâm lực Lá lách
(2) Hấp thụ các Sinh khí cầu-



Các Sinh khí cầu được thu hút vào trung tâm của trung tâm lực

SƠ ĐỒ IV
Trung tâm lực Lá lách
(3) Phân giải các Sinh khí cầu



Sau khi được thu hút vào Trung tâm, các Sinh khí cầu được phân giải và các hạt cầu tạo được cuốn tròn do các “Lực Thứ cấp”.

Trước hết các Sinh khí cầu được thu rút vào trung tâm lực lá lách: thế rồi chúng được phân bổ ra thành 7 nguyên tử cấu tạo, 7 nguyên tử được tích một trong 7 biến thái của Prana: thế rồi các nguyên tử này được các lực thứ cấp xoay tròn bắt giữ và được quay vòng quanh luân xa.

Như vậy 7 loại Prana có 7 màu sắc sau đây:

Tím – Xanh lơ – Xanh lục – Vàng – Cam – Đỏ sậm – Đỏ hồng.

Ta ắt nhận xét thấy rằng những phép phân chia này không chính xác giống như những thứ ta quen thuộc trong quang phổ mặt trời mà khá giống như sự sắp xếp các màu sắc trong các cảnh cao của thể Thượng trí, thể Hạ trí và thể Vía. Quang phổ màu chàm được phân

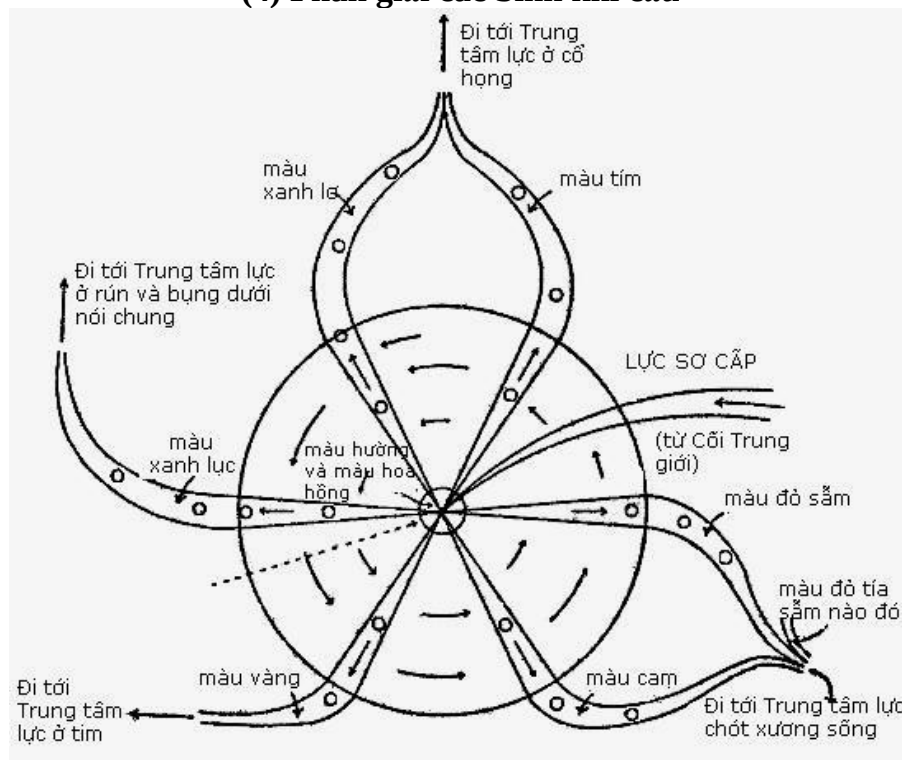
chia giữa tia màu tím và màu xanh lơ của Prana, trong khi quang phổ màu đỏ được tách ra thành Prana màu đỏ sậm và Prana màu đỏ hoa hồng.

Thế rồi, mỗi một trong sáu cái cắm lại vớ lấy một biến thái của nguyên tử rồi gởi chúng đi tới các luân xa hoặc bộ phận trong cơ thể mà nó cần thiết. Điều này chỉ giải thích được sáu loại nguyên tử: biến thái thứ 7 là loại có màu hương và màu hoa hồng được phóng gởi qua trục hoặc trung tâm của chính luân xa lá lách, rồi từ đó nó được phân bố qua trọn cả thần kinh hệ. Những nguyên tử màu hoa hồng này là những nguyên tử nguyên thủy, trước hết thu hút về xung quanh mình sáu nguyên tử khác để tạo thành Sinh khí cầu.

Các nguyên tử Prana màu hoa hồng rõ rệt là sự sống của thần kinh hệ và chính biến thái này của Prana là thứ mà người ta có thể tặng cho người khác, theo như được miêu tả ở Chương XIII. Nếu các dây thần kinh không được cung cấp đầy đủ loại Prana màu hoa hồng này thì chúng trở nên rất nhạy cảm và rất dễ bị kích thích: bệnh nhân thấy mình bị bứt rứt và chỉ một tiếng động hoặc sự va chạm nhỏ nhất cũng khiến cho y cảm thấy nhức nhối. Một người khỏe mạnh nào đó có thể khiến cho y ngay tức khắc được dễ chịu bằng cách làm tràn ngập toàn thể hệ thần kinh của y một lượng cung cấp Prana màu hoa hồng.

Mặc dù có bảy loại Prana khác nhau, nhưng chỉ có năm luồng chính yếu theo như sự mô tả của sách vở Ấn độ, bởi vì sau khi xuất phát từ trung tâm lực lá lách, màu xanh lơ và màu tím kết hợp lại thành một luồng duy nhất, còn màu cam và màu đỏ sậm cũng kết hợp lại thành một luồng khác. Các luồng rời trung tâm lực lá lách trên mặt phẳng nằm ngang.

SƠ ĐỒ IV Trung tâm lực Lá lách (4) Phân giải các Sinh khí cầu



Quá trình:

1. Các Sinh khí cầu thu hút vào Trung tâm lực
2. Các Sinh khí cầu được phân giải thành ra các hạt

3. Các hạt sinh khí bị các lực “thứ cấp” cuốn tròn

4. Các hạt sinh khí bị “cái cầm” thích hợp bắt giữ rồi được phóng đi đến nơi chốn đã định.

CHÚ Ý: Các nguyên tử màu hường hoa hồng là những nguyên tử nguyên thủy thoát nhiên thu rút xung quanh mình 6 nguyên tử khác để tạo thành sinh khí cầu.

Màu sắc của các luồng và nơi đến của chúng được trình bày trong bảng sau đây:

Số	Luồng	Nơi đến
1	Tím – Xanh lơ	Trung tâm lực ở họng
2	Xanh lục	Trung tâm lực ở rốn và bụng dưới nói chung
3	Màu vàng	Trung tâm lực ở tim
4	Màu cam – Đỏ sậm (và một màu đỏ tím sậm nào đó)	Trung tâm lực ở chót xương sống
5	Đỏ hoa hồng	Thần kinh hệ

Vì đủ thứ Prana, là các nguyên tử đã tích Prana được phân phối đến nơi cần thiết, cho nên tích lượng Prana được rút ra từ đó chính xác giống như ta có thể rút ra điện tích. Prana mang lại sự sống cho Thể Phách và thông qua Thể Phách mang lại sự sống cho thể xác; mức độ sức khỏe của các bộ phận trong cơ thể phần lớn được xác định bởi khối Prana được phân phối. Mỗi quan hệ của sự kiện có ý nghĩa này đối với việc duy trì sức khỏe của thể xác và sự chữa bệnh rõ ràng là rất quan trọng và sẽ được xem xét đầy đủ hơn trong tiết dành cho sự Chữa bệnh và thuật thôi miên Mesmer.

Các nguyên tử mang Prana màu hoa hồng dần dần trở nên lợt đi khi chúng được cuốn theo các dây thần kinh đem theo nội hàm Prana. Chúng rốt cuộc được phóng thích ra khỏi cơ thể qua các lỗ chân lông (cũng như theo các đường khác) tạo thành cái gọi là hào quang sức khỏe, một sự phóng phát màu trắng xanh lơ lợt, được trình bày trong một kính bản của quyển *Con Người Vô Hình và Hữu Hình*, trang 128.

Nơi một người có sức khỏe dồi dào thì lá lách làm việc tràn đầy nhựa sống đến nỗi có khá nhiều hạt được tích Prana hiện diện nhiều hơn mức cần thiết để sử dụng cho riêng mình. Những hạt không được dùng tới này được phóng thích ra khỏi cơ thể theo mọi hướng thông qua hào quang sức khỏe cùng với những hạt mà Prana bị trích ly lấy hết rồi. Một người như vậy là một nguồn sức khỏe và sức mạnh đối với người xung quanh, thường xuyên (mặc dù vô ý thức) ban rải sinh khí cho bất cứ ai đến gần mình. Tiến trình này có thể được tăng cường đáng kể bởi những người nào đã dứt khoát tự đào luyện mình để chữa bệnh cho những người khác bằng những thủ pháp mesmer và những cách khác mà ta sẽ thấy đầy đủ hơn trong một chương sau này.

Ngoài những hạt vừa nêu ra, ta cũng nên biết rõ ràng các hạt nhỏ bằng chất hồng trần thô trực thường xuyên bị phóng rải ra khỏi cơ thể con người qua sự tiết mồ hôi không thấy rõ và bằng những đường khác. Một nhà thần nhãn thấy những hạt này là những đám sương mù lơ lơ màu xám. Nhiều hạt này có dạng tinh thể và có thể xuất hiện dưới dạng hình kỷ hà học; một trong những hạt thông dụng nhất là muối, tức sodium chloride có dạng hình khối vuông.

Mặt khác, một người vì lý do nào đó không thể chuyên biệt hóa đủ lượng Prana cho mình dùng thì thường (và cũng một cách vô ý thức) đóng vai trò là một cái bông đá, tinh linh ngũ hành thể xác của y hút sinh khí từ bất cứ người nhạy cảm nào ngẫu nhiên gần đó để cho mình lợi ích nhất thời, nhưng thường gây thiệt hại nghiêm trọng cho nạn nhân. Hiện tượng này phần lớn giải thích cho những cảm giác mệt mỏi và uể oải mà người ta cảm thấy

sau khi ở gần những người nào vì không được khỏe mạnh lắm cho nên có cái năng lực bất hạnh giống như ma cà rồng này chuyên rút rĩa sinh khí của người khác. Điều ấy cũng xảy ra thường là dưới dạng nghiêm trọng hơn trong những buổi lên đồng của thần linh học.

Giới thực vật cũng hấp thu sinh khí, nhưng trong hầu hết trường hợp chúng dường như chỉ sử dụng một phần nhỏ sinh khí. Nhiều loại cây, nhất là cây thông và cây khuynh diệp, rút ra các sinh khí cầu hầu như chính xác có thành phần cấu tạo giống hệt như bộ phận cao cấp trong Thể Phách của con người, rồi gặt bỏ bất cứ nguyên tử dư thừa nào có tích Prana màu hoa hồng mà bản thân chúng không cần tới. Vì thế cho nên ở lân cận loại cây ấy cực kỳ có lợi cho những ai đang bị suy nhược thần kinh.

Hào quang sức khỏe, bao gồm các hạt được phóng ra từ cơ thể phục vụ cho mục đích hữu ích là bảo vệ con người chống lại sự xâm nhập của các mầm bệnh. Nơi người khỏe mạnh, các hạt được phóng ra qua các lỗ chân lông theo đường thẳng, vuông góc với bề mặt của cơ thể, tạo ra hiệu ứng có sọc trong hào quang của sức khỏe. Chừng nào các đường vạch còn rần rởi và ngay thẳng thì cơ thể dường như hầu hết là hoàn toàn được bảo vệ khỏi sự tấn công của các ảnh hưởng tà vạy trên cõi trần, chẳng hạn như các mầm bệnh, các vi trùng thực sự bị đẩy lùi và cuốn đi do lực Prana sấn tới. Nhưng khi do yếu mệt, quá đuối sức, bị thương, tinh thần sa sút hoặc do sinh hoạt không điều độ quá trớn thì người ta cần một lượng Prana lớn bất thường để sửa chữa những hao mòn hư hỏng bên trong cơ thể; vì vậy lượng Prana tỏa ra giảm sút nghiêm trọng, các đường vạch của hào quang sức khỏe sụp xuống, trở nên chệch choạc và rối loạn, hệ thống phòng thủ bị suy yếu, thế là tương đối dễ dàng cho các mầm bệnh chết người xâm nhập vào (xem quyển *Con Người Hữu Hình và Vô Hình*, trang 132, kinh bản XXV).

Trong quyển *Khoa Học về Hơi Thở* do Rama Prasad dịch thuật, người ta có nêu rõ rằng độ dài tự nhiên từ cơ thể tới ngoại vi hào quang Prana là 10 “đốt ngón tay” trong khi hít vào, 12 đốt ngón tay trong khi thở ra. Có những lúc khác độ dài này được nêu rõ như sau: khi ăn và nói chuyện, 18; khi đi bộ, 24; khi chạy, 42; khi ở cùng nhau, 65; khi ngủ, 100. Nghe đâu việc giảm chiều dài ấy là kết quả của việc con người khắc phục được ham muốn, đạt tám loại thần thông Siddhis. Dường như có lẽ (mặc dù tuyệt nhiên không có chắc chắn) là “hào quang” nói ở đây chính là hào quang sức khỏe. Theo phương pháp tính toán được sử dụng ở Ấn độ thì thuật ngữ “đốt ngón tay” ở đây không có nghĩa là chiều dài của ngón tay mà là chiều rộng của nó.

Cả chất dĩ thái và Prana đều dễ dàng tuân theo ý chí của con người. Vì vậy ta có thể bảo vệ mình một đáng kể chống lại những ảnh hưởng thù địch nêu trên bằng cách nỗ lực ý chí kiểm soát sự bức xạ sinh khí ở mép ngoài của hào quang sức khỏe, xây dựng chỗ ấy thành một bức vách hoặc một vỏ mà các mầm bệnh không thể xuyên thủng được, nó cũng ngăn cản không cho sinh khí bị bất cứ ai ở gần đó rút rĩa theo khuynh hướng ma cà rồng.

Chỉ cần ta cố gắng thêm một chút thì có thể khiến cho lớp vỏ ấy không chịu ảnh hưởng cõi trung giới hoặc cõi hạ trí.

Vấn đề các lớp vỏ dĩ thái quan trọng đến nỗi ở phần sau này trong quyển sách, ta cần đi sâu thêm nữa đầy đủ hơn hiện nay, vì ở đây ta chỉ bàn thuần túy về hào quang sức khỏe.

Sự phát triển của trung tâm lực lá lách khiến cho con người nhớ được những cuộc vân du trên cõi trung giới, mặc dù đôi khi chỉ nhớ một phần, năng lực liên kết với trung tâm lực tương ứng của thể Vía là năng lực vân du một cách hữu thức trong thể Vía. Những ký ức mơ hồ này mà hầu hết chúng ta đều có là những chuyến bay cực lạc đi qua không khí thường do tình cờ kích thích nhẹ nhàng vào trung tâm lực của lá lách.

Nhân tiện xin nói, ta có thể nêu rõ rằng trung tâm lực thuộc thể Vía tương ứng với lá lách cũng có chức năng cung cấp sinh lực cho toàn bộ thể Vía.

CHƯƠNG V

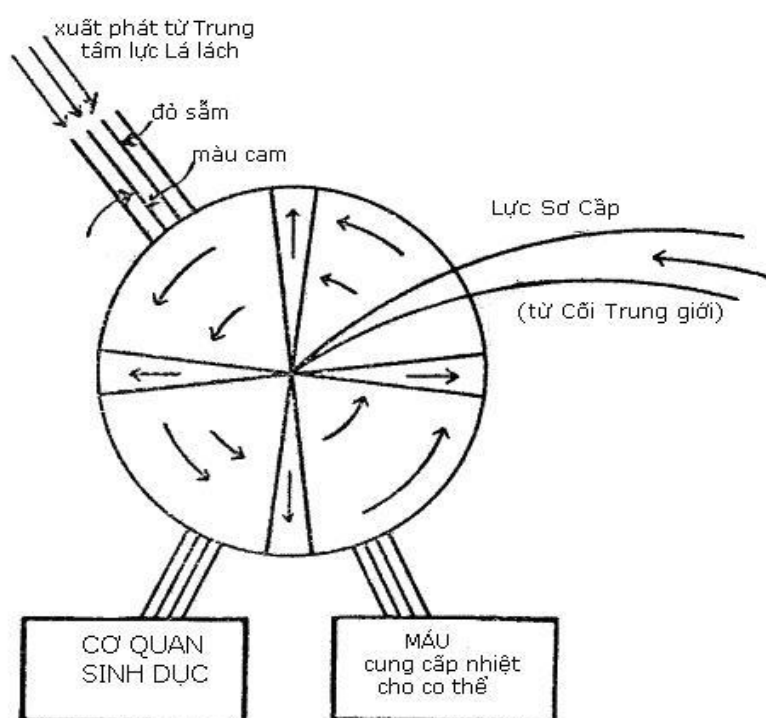
TRUNG TÂM LỰC CHÓT XƯƠNG SỐNG

Trung tâm lực, tức luân xa đầu tiên chót xương sống có một lực sơ cấp tỏa ra bốn cái cắm khiến cho trung tâm lực có vẻ được phân chia thành các góc phần tư mà phần lõm ở giữa chúng giống như một cái chữ thập, là biểu tượng thường được dùng để biểu diễn trung tâm lực này.

SƠ ĐỒ IV

TRUNG TÂM LỰC CHÓT XƯƠNG SỐNG

(a) Người bình thường



Chức năng của Trung tâm lực thể Vía: nơi cư trú của Kundalini

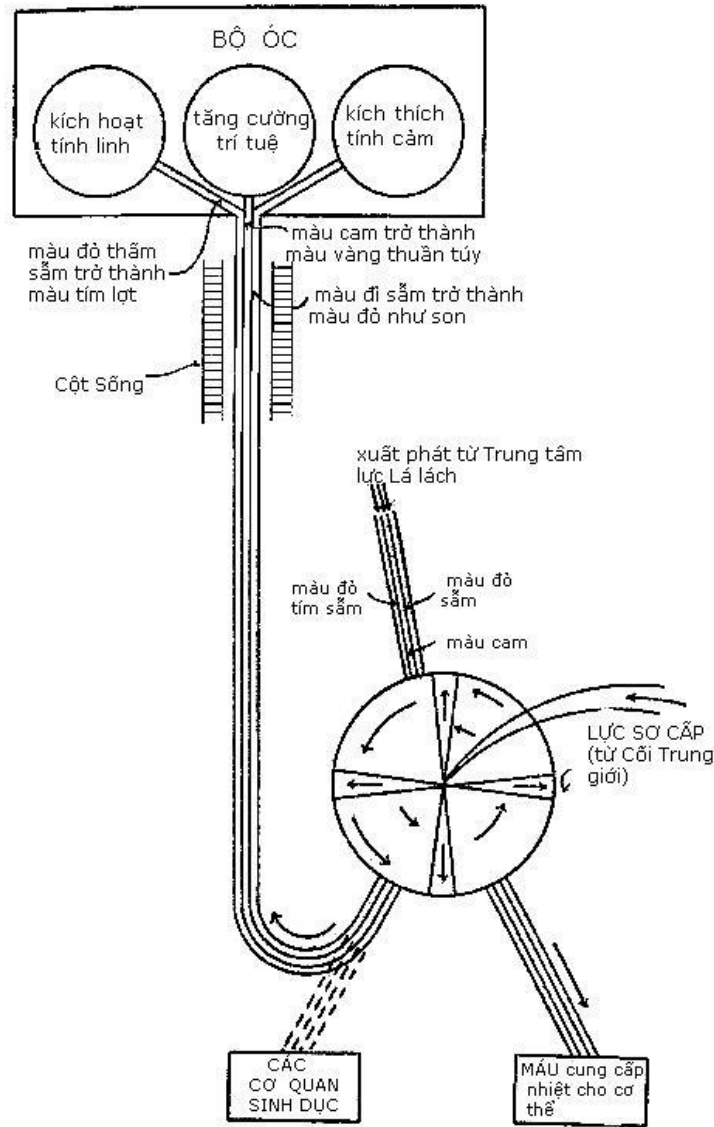
Chức năng của Trung tâm lực thể Phách: nơi cư trú của Kundalini

Dáng vẽ: “Màu đỏ da cam giống như lửa”, số “cái cắm” là bốn.

CHÚ Ý: Kundalini có bảy lớp hoặc bảy mức độ thần lực

Khi được kích hoạt đến mức hoàn toàn, trung tâm lực có màu đỏ da cam này giống như lửa, tương ứng mật thiết với luồng sinh khí màu da cam và đỏ sẫm từ trung tâm lực lá lách đến với nó. Ta có thể nêu rõ rằng trong mọi trường hợp đều có một sự tương ứng giống như vậy giữa màu của luồng sinh khí chảy vào một trung tâm lực và màu của chính trung tâm lực.

SƠ ĐỒ V
TRUNG TÂM LỰC CHÓT XƯƠNG SỐNG
(b) Người đã phát triển



Ngoài màu cam và màu đỏ sẫm ra còn có một loại sinh khí màu đỏ tía sẫm chạy vào trung tâm lực này, khá giống như thể quang phổ uốn cong thành một vòng tròn và màu sắc lại bắt đầu ở một bát độ thấp hơn.

Từ trung tâm lực này tia màu đỏ cam chảy tới các cơ quan sinh dục, cấp năng lực cho bản chất tính dục: nó dường như cũng nhập vào dòng máu và duy trì nhiệt trong cơ thể.

Một hiệu ứng quan trọng rất đáng chú ý có thể được tạo ra từ bởi người nào kiên trì từ chối chiều theo bản năng thấp hèn. Nhờ vào một sự nỗ lực lâu dài và xác định tia màu đỏ cam có thể được chuyển hướng lên tới bộ óc nơi mà cả ba thành phần cấu tạo trải qua một sự biến hóa sâu sắc. Màu cam được nâng lên thành ra màu vàng thuần túy và tăng cường được năng lực trí tuệ. Màu đỏ sẫm trở thành đỏ như son và tăng cường năng lực của tình

cảm vị tha; màu đỏ tía sẫm được chuyển hóa thành ra màu tím lợt rất đẹp, kích động bộ phận tâm linh của bản chất.

Chỗ trú của Kundalini, tức Hỏa xà vốn ở nơi trung tâm lực chót xương sống. Ta sẽ bàn tới việc này trong một chương sau; bây giờ thì ta chỉ cần lưu ý rằng người nào đã thành tựu được việc chuyển hóa nêu trên ắt thấy rằng sự ham muốn tình dục không còn quấy nhiễu mình nữa và khi cần phải khơi động Hỏa xà thì y sẽ thoát khỏi những nguy cơ nghiêm trọng nhất của quá trình ấy. Khi người ta đã rốt cục hoàn tất được sự thay đổi thì tia màu đỏ cam chuyển thẳng vào trung tâm lực ở chót xương sống, rồi từ đó chạy lên trên đi qua phần rỗng trong cột sống để lên tới bộ óc.

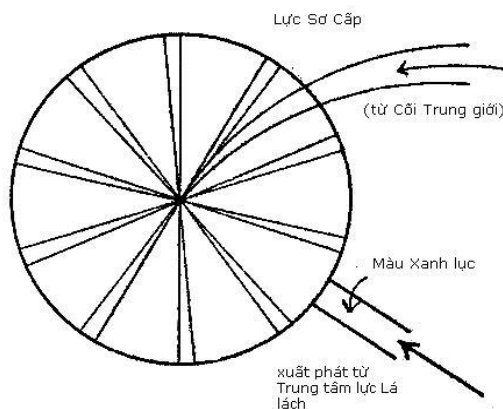
Một hình chữ thập bốc lửa là một biểu tượng đôi khi được sử dụng để diễn tả Hỏa xà ngự tại nơi trung tâm lực chót xương sống.

CHƯƠNG VI TRUNG TÂM LỰC Ở RÚN

Trung tâm lực thứ nhì ở rún, tức Tùng thái dương, tiếp nhận một lực sơ cấp tỏa ra theo nhiều hướng, có mười lần sóng rung động hoặc cánh hoa.

Màu sắc chủ yếu của nó là sự hòa lẫn kỳ diệu đủ thứ sắc thái màu đỏ, mặc dù trong đó cũng có nhiều màu xanh lục. Nó tiếp nhận tia xanh lục từ trung tâm lực lá lách, cái tia ấy cũng tràn ngập bụng dưới, làm linh hoạt gan, thận, ruột và bộ máy tiêu hóa nói chung, đặc biệt tập trung vào nhật tùng.

SƠ ĐỒ VI TRUNG TÂM LỰC Ở RÚN



Chức năng của Trung tâm lực thể Vía: xúc cảm: sự thụ cảm nói chung

Chức năng của Trung tâm lực thể Phách: cảm nhận các ảnh hưởng của cối trung giới

Dáng vẽ: đủ thứ sắc thái màu đỏ cùng với nhiều màu xanh lục

Số cảm: 10

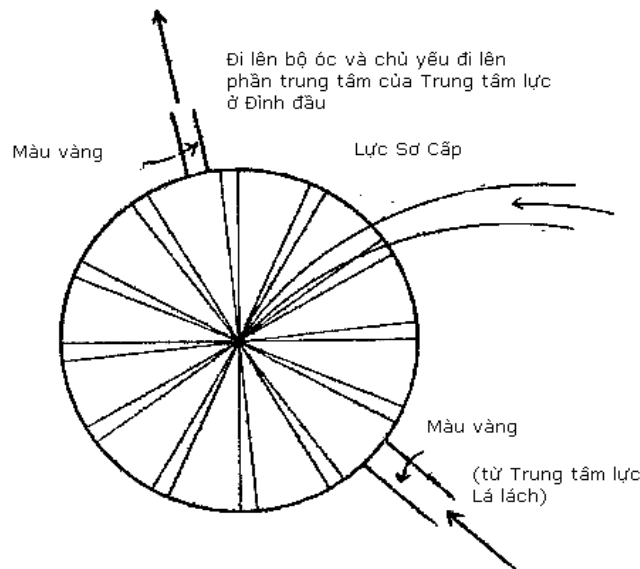
Trung tâm lực này có liên hệ mật thiết với các xúc cảm và đủ thứ xúc động. Khi được khơi hoạt, trung tâm lực thể Vía tương ứng cung cấp cho ta năng lực cảm nhận, một sự thụ cảm đối với đủ thứ ảnh hưởng, mặc dù cho tới nay không hề có bất cứ điều gì như sự hiểu biết xác định xuất phát từ những năng khiếu tương ứng với việc nhìn thấy hoặc nghe thấy. Do đó, khi trung tâm lực dĩ thái trở nên hoạt động thì con người ở trong thể xác bắt đầu có ý thức về các ảnh hưởng của cối trung giới, mơ hồ cảm thấy sự thân hữu hoặc thù địch, hoặc một số nơi dễ chịu và những nơi khác khó chịu mà tuyệt nhiên chẳng biết tại sao.

Tên gọi bằng tiếng Bắc phạn trung tâm lực này là Manipura.

CHƯƠNG VII TRUNG TÂM LỰC Ở TIM

Sau khi đã bàn tới trung tâm lực thứ ba ở gần lá lách, kế tiếp ta bàn tới trung tâm lực ở tim.

SƠ ĐỒ VII TRUNG TÂM LỰC Ở TIM



Chú ý: Tia màu vàng thấm nhuần máu và được đưa tới khắp cơ thể.

Chức năng của Trung tâm lực thể Vía: thông hiểu các rung động của cõi trung giới

Chức năng của Trung tâm lực thể Phách: có ý thức về những xúc cảm của những người khác

Dáng vẻ bên ngoài: màu hoàng kim chói sáng

Số cấm: 12

Luân xa này có 12 cái cắm hoặc 12 tia bức xạ, và có màu hoàng kim chói sáng. Nó tiếp nhận tia màu vàng từ trung tâm lực lá lách; khi dòng tia này đầy đủ và mạnh mẽ thì nó tạo ra sức mạnh và sự đều đặn nơi bộ phận ở tim. Khi chảy vòng quanh luân xa ở tim, tia màu vàng cũng thâm nhập vào dòng máu và thế là được mang đi khắp cơ thể. Nó cũng chuyển lên đến bộ óc và thấm nhuần nó, mặc dù điều khiển mình chính yếu đi tới đóa hoa 12 cánh ở giữa trung tâm lực thứ bảy cao nhất. Nơi bộ óc, nó ban cho ta năng lực có tư duy triết học cao cấp và siêu hình học.

Khi được khơi hoạt, trung tâm lực tương ứng của thể Vía phú cho con người khả năng thấu hiểu và đồng cảm, cũng như thông cảm theo bản năng với xúc cảm của các thực thể khác trên cõi trung giới.

Vì vậy trung tâm lực dĩ thái khiến cho con người trong ý thức tỉnh táo nơi cõi trần biết được niềm vui và nỗi buồn của những người khác, đôi khi thậm chí khiến cho y mô phỏng lại nơi bản thân những sự đau đớn thể xác và đau khổ tâm hồn của họ qua việc đồng cảm.

Luân xa này tiếng Bắc phạt là Anahata.

Sự khởi hoạt trung tâm lực tương ứng của thể Vía cung cấp cho ta năng lực nghe trên cõi trung giới, nghĩa là năng lực tạo ra trong cõi trung giới những hiệu ứng giống như cái trên cõi hồng trần mà ta gọi là sự nghe thấy.

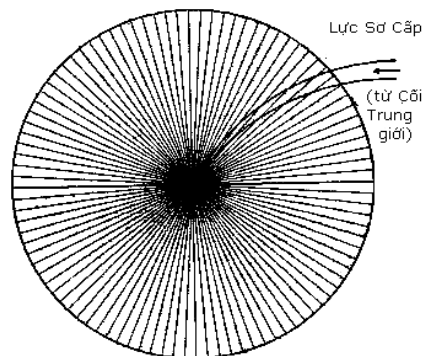
Khi trung tâm ở Thể Phách được khởi hoạt thì con người trong ý thức trên cõi hồng trần nghe được những tiếng nói đôi khi nêu đủ thứ gợi ý cho ý. Ý có thể nghe được âm nhạc hoặc những âm thanh ít dễ chịu hơn. Khi hoạt động đầy đủ, nó khiến cho người ta có thần nhĩ xét về cõi trung giới và cõi dĩ thái.

Trung tâm lực được gọi là Visuddha theo tiếng Bắc phạn.

CHƯƠNG IX TRUNG TÂM LỰC GIỮA HAI CHÂN MÀY

Trung tâm lực thứ sáu, ở giữa hai chân mày có 96 căn, tuy nhiên trong kinh sách Ấn độ người ta bảo là nó chỉ có hai cánh hoa, điều này có lẽ là do sự kiện nó phô ra đáng vẽ được chia làm hai nửa. Trong số đó một nửa chủ yếu màu hoa hồng, mặc dù có nhiều màu vàng trong ấy, còn một nửa kia chủ yếu là màu xanh lơ hơi tím tím.

SƠ ĐỒ IX TRUNG TÂM LỰC GIỮA HAI CHÂN MÀY



Chức năng của Trung tâm lực thể Vía: nhìn thấy

Chức năng của Trung tâm lực thể Phách: thần nhãn, khuếch đại.

Đáng vẽ bề ngoài: một nửa chủ yếu là màu hoa hồng có nhiều màu vàng. Một nửa chủ yếu là màu xanh lơ tím tím.

Số cái căn: 96

Tác giả đã không thể tìm ra bất kỳ sự mô tả chuyên nghiệp nào về cội nguồn Prana chảy vào trung tâm năng lực này, mặc dù nó được đề cập trong quyển *Đời sống Nội giới*, trang 449, theo đó đáng vẽ màu xanh lơ tím tím của một nửa trung tâm lực ăn khớp mật thiết với màu sắc của loại sinh khí đặc biệt làm linh hoạt nó. Điều này ắt dường như biểu thị tia (màu xanh lơ đậm và màu tím) chỉ chuyển qua trung tâm lực ở họng để đi lên bộ óc.

Sự phát triển của trung tâm lực tương ứng nơi thể Vía cung cấp cho ta năng lực nhận thức dứt khoát được bản chất và hình dáng của các sự vật trên cõi trung giới, thay vì chỉ mơ hồ cảm thấy sự hiện diện của chúng.

Sự khơi hoạt của trung tâm lực dĩ thái khiến cho con người nhìn thấy sự vật và có đủ thứ linh ảnh trong lúc tỉnh thức về nơi chốn hoặc người ngọm. Khi vừa mới bắt đầu được khơi hoạt, thì người ta chỉ nhận thức được một phần phong cảnh và các đám mây màu sắc. Khi được phát triển trọn vẹn thì nó tạo ra thần nhãn.

Năng lực đáng chú ý khuếch đại được tầm nhìn hoặc ngược lại có liên kết trung tâm lực này và sẽ được miêu tả ở chương bàn về sự Thấu thị Dĩ thái.

Trung tâm lực này được gọi là Ajnā trong tiếng Bắc phạn.

CHƯƠNG X

TRUNG TÂM LỰC Ở ĐỈNH ĐẦU

Trung tâm lực thứ bảy này ở ngay đỉnh đầu, có kiến tạo hơi khác với sáu trung tâm lực kia. Sách vở Ấn độ miêu tả nó là hoa sen ngàn cánh, mặc dù con số tia bức xạ thực sự của lực sơ cấp chỉ là 960. Ngoài ra, nó còn có một loại xoáy lực phụ trợ tức hoạt động thứ yếu ở bộ phận trung tâm, tự thân của bộ phận này có 12 lần sóng rung động.

Khi được linh hoạt trọn vẹn, thì luân xa này có lẽ là chói sáng nhất trong tất cả, đầy những tác động màu sắc không thể miêu tả được và rung động với sự nhanh chóng hầu như không thể quan niệm được. Phần trung tâm sáng trắng, ở ngay giữa tâm bùng lên màu hoàng kim.

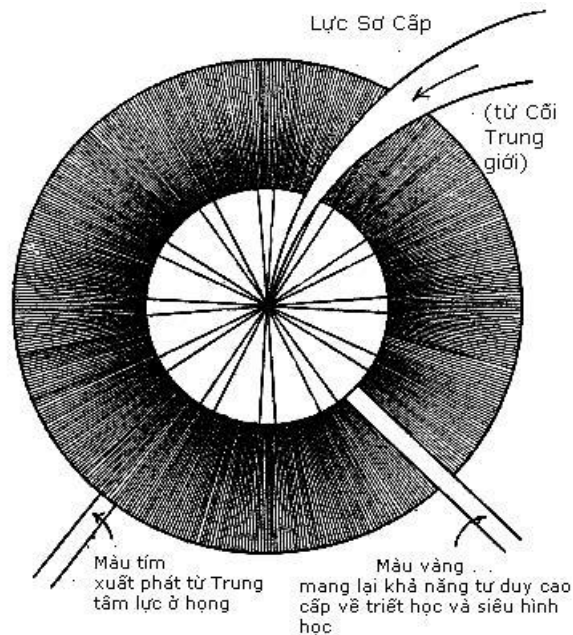
Bộ phận bên ngoài của trung tâm lực này tiếp nhận tia màu tím quá cảnh qua trung tâm lực ở họng, trong khi bộ phận ở trung tâm tiếp nhận tia màu vàng xuất phát từ trung tâm lực ở tim.

Sự khơi hoạt ở trung tâm lực tương ứng nơi thể Vía bổ sung và làm hoàn chỉnh sinh hoạt trên cõi trung giới, phú cho con người sự hoàn thiện các năng lực của mình.

Đối với một loại hình cá nhân thì các luân xa ở thể Vía tương ứng với các luân xa thứ 6 và thứ 7 của Thể Phách, cả hai đều hội tụ vào tuyến yên; tuyến yên thực tế là cầu nối trực tiếp và duy nhất giữa cõi hồng trần và những cõi cao hơn.

Tuy nhiên với một loại hình người khác, trong khi luân xa thứ sáu vẫn còn gắn liền với tuyến yên thì luân xa thứ bảy lại bị uốn cong hoặc đi xiên xiên cho đến khi nó trùng với cơ quan đã bị teo tóp mà ta gọi là tuyến tùng, đối với người thuộc loại hình này thì tuyến tùng trở thành một đường giao tiếp trực tiếp với cõi hạ trí mà xét theo biểu kiến là không đi bằng ngang cõi trung giới nằm ở giữa theo thông lệ. Điều này giải thích việc đôi khi người ta chú trọng tới việc phát triển tuyến tùng.

SƠ ĐỒ X TRUNG TÂM LỰC ĐỈNH ĐẦU



Dáng vẽ bên ngoài:

Bộ phận trung tâm: sáng trắng, rực lên màu hoàng kim

Bộ phận bên ngoài: lấp lánh nhất trong tất cả, đầy những tác dụng màu sắc không thể miêu tả được

Số cái cãm: bộ phận trung tâm là 12, bộ phận bên ngoài 960

Chức năng của Trung tâm lực thuộc thể Vía: hoàn chỉnh và bổ sung các năng khiếu

Chức năng của Trung tâm lực thuộc thể Phách: mang lại sự liên tục của tâm thức

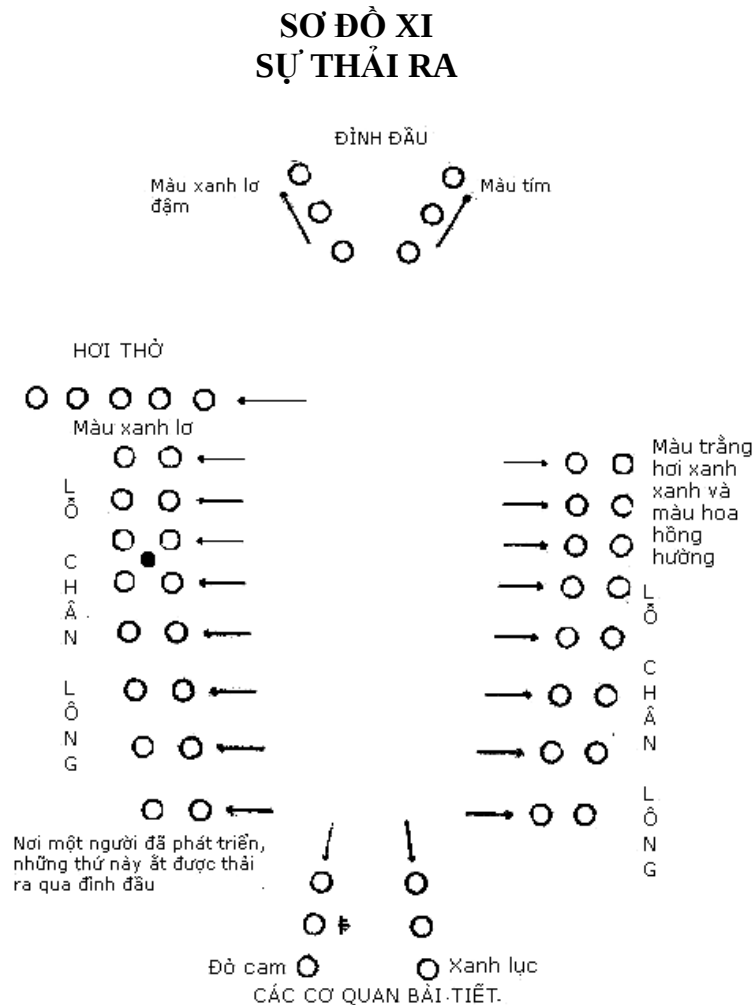
Sự khơi hoạt của trung tâm lực dĩ thái khiến cho một người đi xuyên qua nó rồi bỏ xác phàm với ý thức hoàn toàn tỉnh táo cũng như nhập trở lại vào xác phàm mà ý thức không bị gián đoạn theo thông lệ sao cho tâm thức của y được liên tục suốt ngày đêm.

Lý do thực sự của việc cạo đầu theo phép thực hành của Giáo hội La mã là để cho luân xa Brahmarandra không được che phủ, sao cho thậm chí không có sự chướng ngại nhỏ nhất nào cản đường lực thông linh mà ứng viên có ý định cố gắng khơi hoạt trong lúc tham thiền.

CHƯƠNG XI SỰ THẢI RA

Cũng giống như xác phàm khi sử dụng hết vật liệu thì thải các chất dư qua năm cơ quan bài tiết – da, phổi, gan, mật và thận - ; cũng vậy Thể Phách khi dùng hết vật liệu được cung cấp thông qua thực phẩm trên cõi trần và việc hấp thụ Sinh khí cầu thì Thể Phách cũng thải các hạt còn dư qua đủ thứ cách khác nhau.

Đính kèm theo đây là một Biểu đồ về những sự thải ra này với những kết quả được trình bày và miêu tả như sau.



Chú thích: Một số các hạt khi mất hết sinh khí, được tận dụng cho kiến tạo hoặc nuôi dưỡng Thể Phách.

Thông qua hơi thở và các lỗ chân lông người ta trực xuất ra cả các hạt có màu trắng xanh lơ – Prana được trích ra từ đó, những hạt này vẫn còn tích Prana màu hoa hồng vốn dư thừa đối với nhu cầu của cơ thể sử dụng lẫn những nguyên tử của các tia màu xanh lơ do trung tâm lực ở họng.

Các nguyên tử trống rỗng của tia màu xanh lục đi qua các cơ quan bài tiết xuất phát từ hệ tiêu hóa và trong trường hợp người thường còn có các nguyên tử trống rỗng của tia màu đỏ cam.

Các nguyên tử thuộc các tia màu xanh lơ sẫm và màu tím đi qua đỉnh đầu.

Tuy nhiên nơi một người đã phát triển, vốn đã thành tựu được việc nghịch chuyển tia màu đỏ da cam lên trên thì các hạt của tia này được thải ra qua đỉnh đầu. Những hạt này tạo thành một thác bốc lửa, thường được trình bày là một ngọn lửa trong các pho tượng cổ của Đức Phật và các vị thánh khác.

Các nguyên tử đã bị trống rỗng hết Prana một lần nữa lại trở nên chính xác giống như bất kỳ nguyên tử nào khác. Một số nguyên tử được cơ thể hấp thu và nhập vào đủ thứ tổ hợp vốn thường xuyên được tạo nên, trong khi những nguyên tử khác không cần thiết đều được thải ra qua bất kỳ kênh dẫn thuận tiện nào.

Thêm vào phần trên, vật chất của chính Thê Phách cũng thường xuyên được thải ra khỏi cơ thể thông qua các lỗ chân lông cũng giống như vật chất ở thể khí. Vì vậy, người nào ở gần người khác thì có thể hấp thụ sự phóng phát chất dĩ thái của nhau.

Bức xạ vật chất dĩ thái mạnh nhất ở đầu mút của ngón tay và ngón chân. Vì thế cho nên việc sạch sẽ chu đáo của các bộ phận này trong cơ thể là rất quan trọng; một người mà móng tay cấu bản chẳng hạn, thì thường xuyên tuôn ra một luồng tác dụng không lành mạnh đối với thể giới dĩ thái.

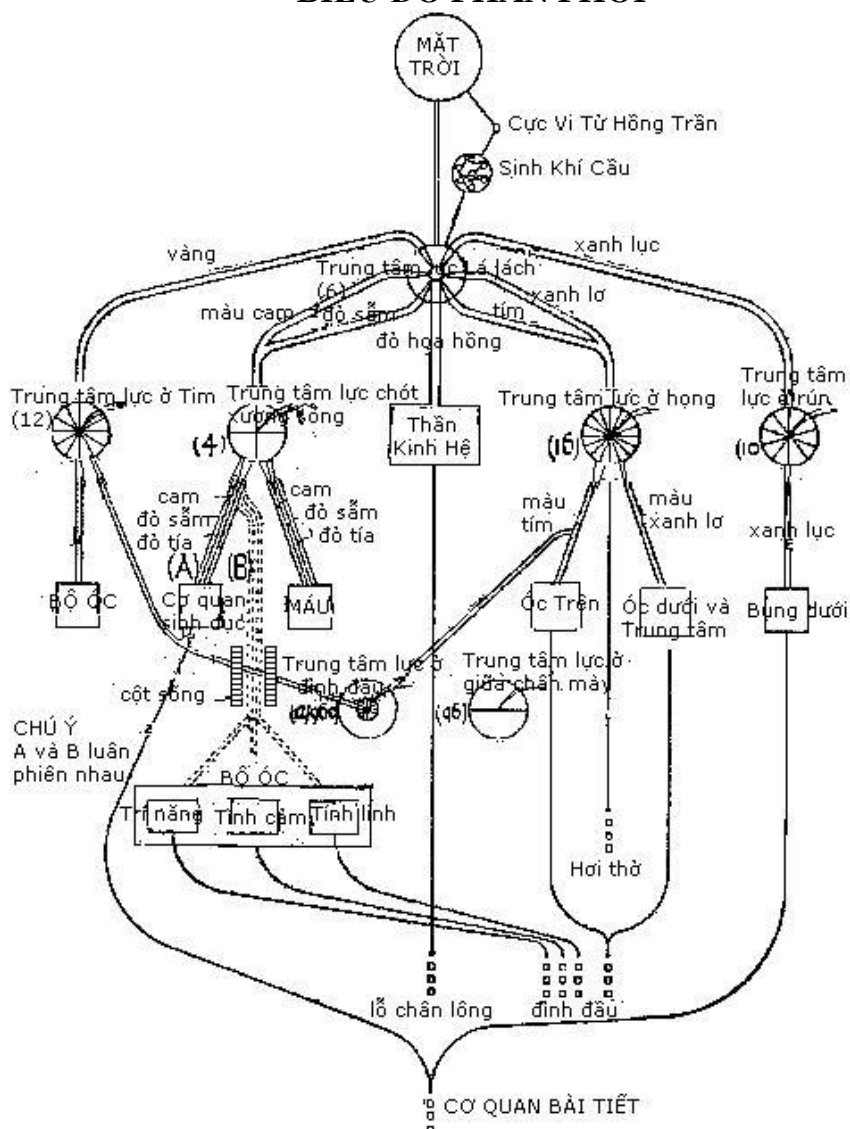
Những sự phóng phát thể chất của cơ thể phần lớn bao gồm các loại muối đã được phân chia ra tinh vi, nó xuất hiện trước quan sát thần nhãn dưới vô số hình dáng nho nhỏ chẳng hạn như hạt xúc xắc, ngôi sao, và các kim tự tháp kép. Tính chất của những hạt nho nhỏ này có thể chịu ảnh hưởng của việc mất sức khỏe, của một làn sóng rung động xúc cảm hoặc ngay cả một luồng tư tưởng nhất định. Về vấn đề này, nghe đâu Giáo sư Gates có tường trình rằng (a) – các sự phóng phát vật chất của cơ thể sống khác nhau tùy theo các trạng thái tâm trí cũng như các tình huống sức khỏe của thể xác; (b) – những sự phóng phát này có thể được trắc nghiệm bởi những phản ứng hóa học của một số loại muối selenium; (c) – những phản ứng này được đặc trưng bởi đủ thứ sắc thái hoặc màu sắc tùy theo bản chất của các ấn tượng trí tuệ; (d) – 40 sản phẩm xúc cảm khác nhau (theo như ông ta gọi) đã được thu lượm.

CHƯƠNG XII

KẾT QUẢ TRÌNH BÀY DƯỚI DẠNG BẢNG BIỂU

Để cho học viên dễ dàng tham khảo thuận tiện, ta miêu tả một bảng tổng kết của các quá trình.

SƠ ĐỒ XII BIỂU ĐỒ PHÂN PHỐI



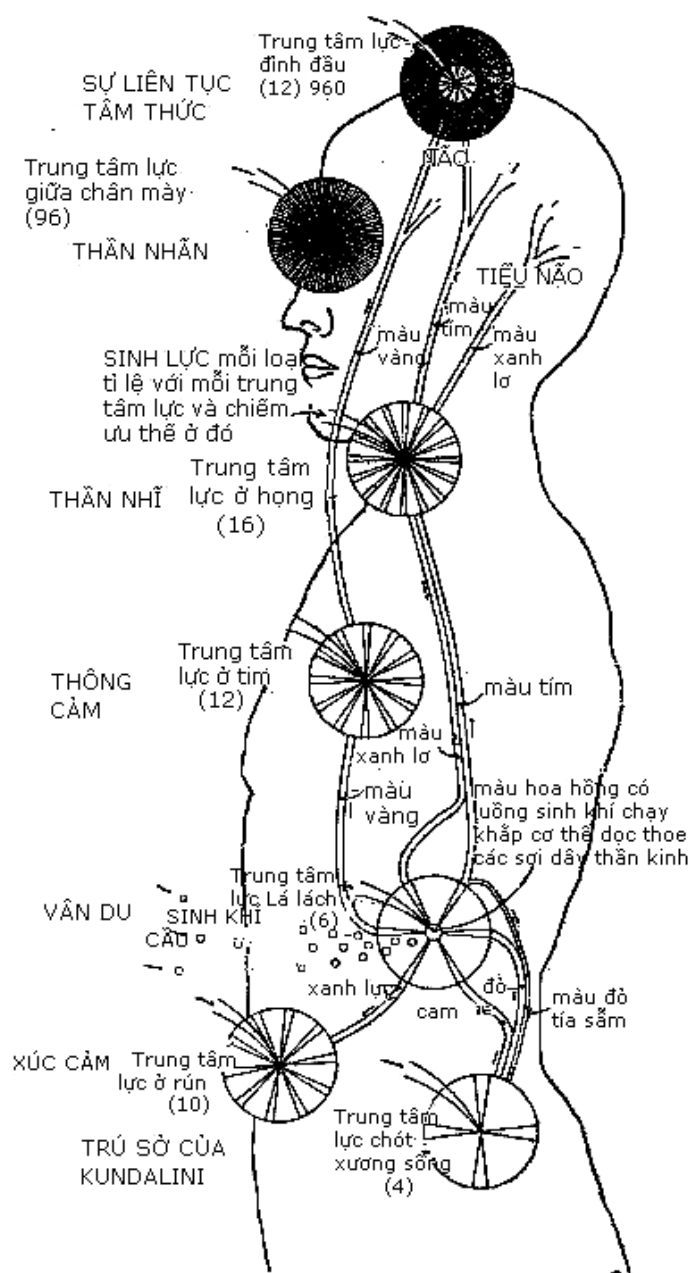
Số	Vị trí	Số cãm	Dáng vẽ bề ngoài	Sinh khí nhận được	Sinh khí phóng ra	Vùng được cấp sinh khí	Chức năng của Trung tâm lực thể Vía	Chức năng của Trung tâm lực thể Phách
1	Chót xương sống	4	Màu đỏ cam giống như lửa	Màu cam và đỏ xuất phát từ Trung tâm lực lá lách cũng như màu đỏ tía sẫm	“	Các cơ quan sinh dục, Máu cho nhiệt độ của cơ thể	Nơi chốn của Kundalini Kundalini lần lượt đi đến mỗi Trung tâm và làm linh hoạt nó	Nơi chốn của Kundalini Kundalini lần lượt đi đến mỗi Trung tâm và làm linh hoạt nó
2	Rún	10	Đủ thứ sắc thái màu đỏ với nhiều màu xanh lục	Màu xanh lục xuất phát từ Trung tâm lực lá lách	“	Trung tâm lực Nhật tùng, Gan, Thận , Ruột và Bụng dưới nói chung	Xúc cảm: sự nhạy cảm nói chung	Cảm nhận được ảnh hưởng của cõi Trung giới
3	Lá lách	6	Chói sáng giống như mặt trời		(1) màu tím xanh lơ đi tới cổ họng (2) màu vàng đi tới tim (3) màu xanh lục đi tới Tùng Thái dương (4) màu hoa hồng đi tới thần kinh hệ (5) màu cam đỏ đi tới chót xương sống với một màu		Làm linh hoạt thể Vía Năng lực vận du một cách hữu thức	Làm linh hoạt xác phàm Nhớ được các cuộc vận du trên cõi Trung giới

					đỏ tía nào đó			
4	Tim	12	Màu hoàng kim chói sáng	Màu vàng xuất phát từ Trung tâm lực lá lách	Màu vàng đi tới dòng máu, bộ óc và phần trung tâm của Trung tâm lực đỉnh đầu	Tim	Hiểu được các rung động trên cõi Trung giới	Ý thức được xúc cảm của người khác
5	Họng	16	Chói sáng như bạc với nhiều màu xanh lơ	Màu tím xanh lơ xuất phát từ Trung tâm lực lá lách	Màu xanh lơ sẫm đi tới Óc dưới và Óc trung tâm Màu tím đi tới Óc trên và bộ phận bên ngoài của Trung tâm lực đỉnh đầu	“	Thính giác	Nghe được trên cõi Dĩ thái và cõi Trung giới
6	Giữa Chân mày	96	Một nửa là màu hồng với nhiều màu vàng Một nửa là màu xanh lơ hơi tím tím	“	“	”	Thị giác	Thần nhãn Khuếch đại
7	Đỉnh đầu	12 960	Ở phần trung tâm trắng sáng và hoàng kim Bộ phận bên ngoài: đầy tác dụng màu sắc không thể miêu tả được	Màu vàng xuất phát từ Trung tâm lực ở tim Màu tím xuất phát từ Trung tâm lực ở họng	“	”	Hoàn chỉnh và bổ túc những năng khiếu	Sự liên tục của tâm thức
8	Không được dùng trong “pháp thuật chánh đạo”							

9	
10	

Nơi những người đã phát triển Chót xương sống	4 cằm	Màu đỏ cam giống như lửa	Màu cam và đỏ Xuất phát từ Trung tâm lực lá lách nà màu đỏ tía sẫm nào đó	Màu cam thông qua cột sống lên tới bộ óc trở thành màu vàng và kích thích trí năng. Màu đỏ sẫm thông qua cột sống lên tới bộ óc trở thành đỏ như son và kích thích tình cảm Màu đỏ tía sẫm thông qua cột sống đi lên tới bộ óc trở thành màu tím lợt kích thích tính linh
---	-------	-----------------------------	---	---

SƠ ĐỒ XIII



Các chương từ II tới XI được trình bày dưới dạng bảng biểu đính kèm theo đây.

Cũng một thông tin ấy được trình bày dưới dạng một Biểu đồ Phân phối, vốn cung ứng một sự tổng hợp những tiến trình này dưới dạng bảng biểu, do sự phóng phát của Prana từ mặt trời tới phần thải ra từ cơ thể bao gồm các hạt đã bị rút hết Prana.

Trong một biểu đồ sau này nữa có trình bày phác họa cơ thể con người với vị trí gần đúng của các trung tâm lực dĩ thái, các luồng sinh khí và các thông tin hữu dụng khác.

CHƯƠNG XIII KUNDALINI

Như ta đã thấy, Kundalini tức Hỏa xà là một trong các lực xuất phát từ mặt trời và hoàn toàn riêng rẽ, phân biệt đối với Fohat và Prana, theo như chúng tôi biết cho đến nay thì chúng không thể được chuyển hóa ra thành bất kỳ dạng nào của các lực khác.

Kundalini đã được gọi bằng nhiều tên khác nhau là Hỏa Xà, Hỏa Năng và Đức Mẹ Thế Giới. Thần nhãn cho thấy nó xuất hiện rất đích thực giống như lửa lỏng khi nó chạy qua cơ thể và lộ trình mà nó phải đi qua đó là một đường xoắn ốc giống như những vòng cuộn của một con rắn. Tên gọi Đức Mẹ Thế Giới cũng thích hợp bởi vì nhờ có nó mà đủ thứ hiện thể mới được làm linh hoạt.

Một biểu tượng cổ truyền của cột sống và Kundalini là cây thần trượng thần Mercure, vốn mà một cây gậy ở phía trên đỉnh có một hình nón giống trái thông. Ở Ấn độ ta cũng thấy biểu tượng ấy, nhưng thay vì là một cây gậy ba ton thì đó là một cây gậy tre có bảy đốt, các đốt tre dĩ nhiên biểu diễn bảy luân xa tức bảy trung tâm lực. Trong một số biến thái của các bí pháp thì người ta dùng một cây gậy sắt trống rỗng, nghe đâu có chứa lửa bên trong, thay thế cho thần trượng thần Mercure. Người ta bảo rằng cây cột quảng cáo hiện đại của tiệm hớt tóc cũng có ý nghĩa tương tự, cây cột này chắc chắn là một biểu tượng rất xưa với những dải xoắn ốc và một cái núp ở phần tận cùng; tiệm hớt tóc thời nay bắt nguồn từ những nhà phẫu thuật thời xưa, họ cũng thực hành khoa luyện kim đan, một khoa học nguyên thủy mang tính tâm linh hơn là mang tính vật chất.

Kundalini tồn tại trên mọi cõi mà ta chẳng biết gì và nó dường như cũng có bảy lớp gồm các mức độ thần lực.

Thể Vía thoát tiên là một khối gần như trơ, chỉ có ý thức mơ hồ nhất, không có khả năng xác định được bất cứ điều gì và không có sự hiểu biết rõ rệt về thế giới xung quanh. Kundalini bấy giờ được khơi hoạt ở mức cõi trung giới, nơi trung tâm lực tương ứng với trung tâm lực ở chót xương sống. Nó di chuyển tới trung tâm lực thứ nhì ở gần rún, làm linh hoạt trung tâm lực này, nhờ đó khơi dậy trong thể Vía năng lực xúc cảm, và sự nhạy cảm mà không thấu hiểu rõ rệt.

Bấy giờ Kundalini chuyển sang lần lượt là trung tâm lực thứ ba (lá lách), thứ tư (tim), thứ năm (họng), thứ sáu (giữa chân mày) và thứ bảy (đỉnh đầu), khơi dậy nơi mỗi một trung tâm lực này đủ thứ quyền năng mà ta đã miêu tả ở các chương trước.

Cơ chế nhờ vào đó chúng ta biết được các diễn biến trên cõi trung giới, thật là thú vị và học viên nên hiểu rõ điều ấy. Mặc dù trong thể xác ta có những cơ quan chuyên biệt, mỗi cơ quan tọa lạc ở một bộ phận xác định và cố định trong cơ thể để nhìn thấy, nghe thấy v.v., tuy nhiên trong thể Vía lại có sự sắp xếp khác hẳn, không cần có các cơ quan được chuyên biệt hóa để đạt được kết quả mà ta nhắm tới.

Vật chất của thể Vía ở tình trạng thường xuyên vận động, các hạt chạy đi chạy lại giống như hạt nước sôi và tất cả các hạt đều lần lượt đi qua mỗi một trong các trung tâm lực. Thế là mỗi một trong các trung tâm lực này đều có khả năng khơi dậy từ các hạt trong thể Vía năng lực đáp ứng với một tập hợp rung động nào đó, tương ứng với cái mà trong cõi hồng trần ta gọi là các rung động ánh sáng, âm thanh, nhiệt v.v... Do đó, khi các trung tâm lực của thể Vía được làm cho linh hoạt và hoạt động theo thứ tự thì chúng cung ứng đủ thứ quyền năng cho toàn bộ vật chất của thể Vía sao cho thể Vía có thể vận dụng năng lực ấy ở bất cứ bộ phận nào của mình. Vì vậy, một người hoạt động trong thể Vía có thể thấy rõ rệt những sự vật ở phía trước mình, phía đằng sau mình, phía trên đầu mình và phía dưới chân

mình giống như nhau. Do đó, ta có thể miêu tả các luân xa hoặc trung tâm lực là các cơ quan cảm giác theo ý nghĩa thông thường của thuật ngữ này, mặc dù chúng truyền thụ các quyền năng của giác quan cho thể Vía.

Nhưng ngay cả khi các giác quan của thể Vía này đã được khơi hoạt trọn vẹn thì tuyệt nhiên ta không được suy ra rằng con người có thể đưa vào trong thể xác của mình bất cứ ý thức nào về tác động của các giác quan ấy. Thật vậy, trong ý thức trên cõi trần y có thể chẳng biết gì về điều ấy. Cách thức duy nhất khiến cho ý thức về các trải nghiệm trên cõi trung giới này có thể được đưa vào bộ óc phàm, chính là nhờ thông qua các trung tâm lực tương ứng của Thể Phách vốn phải được làm linh hoạt và khởi động trước.

Phương pháp khởi động giống hệt như phương pháp mà ta chọn dùng trong thể Vía, nghĩa là bằng cách khơi dậy Kundalini, vốn tiềm tàng trong vật chất dĩ thái ở trung tâm gần chót xương sống.

Sự khơi hoạt này được thành tựu do nỗ lực xác định và kéo dài liên tục của ý chí, đưa trung tâm lực ở chót xương sống bước vào hoạt động, thật ra đó chính là việc khơi hoạt Kundalini. Một khi nó được khơi hoạt thì nhờ sức mạnh ghê gớm của mình, đến lượt nó cũng làm linh hoạt các trung tâm lực khác. Tác dụng trên các trung tâm lực là đưa vào trong ý thức trên cõi trần những quyền năng vốn được khơi hoạt do sự phát triển của các trung tâm lực tương ứng nơi thể Vía.

Tuy nhiên, để tạo ra những kết quả này, Hỏa xà cần di chuyển tới những luân xa theo một trật tự nào đó và một cách thức nào đó, điều này thay đổi tùy theo những loại người khác nhau. Các huyền bí gia hiểu được những vấn đề này nhờ tri thức trực tiếp đều luôn luôn cực kỳ cẩn trọng không đưa ra manh mối về thứ tự mà Hỏa xà phải đi qua trung tâm lực. Lý do là vì có những nguy cơ rất nghiêm trọng mà mức độ trầm trọng của nó hầu như không thể bị phóng đại đang chờ đón những kẻ nào ngẫu nhiên khơi dậy Kundalini quá sớm. Người ta đưa ra những lời cảnh báo nghiêm trọng nhất đối với bất kỳ loại toan tính khơi hoạt nào cho đến khi đã chín muồi và trừ phi có sự dẫn dắt của một Chơn Sư hoặc một huyền bí gia lão luyện.

Trước khi Kundalini được khơi hoạt thì tuyệt đối cần có một giai đoạn nhất định đạt được sự trong sạch về đạo đức và có đủ sức mạnh ý chí để kiểm soát được lực này. Một số nguy cơ liên quan tới Hỏa xà vốn thuần túy là mang tính thể chất. Sự vận động không kiểm soát được của nó thường tạo ra sự đau đớn vô ngần về thể chất, nó có thể dễ dàng xé toạc các mô và thậm chí tiêu diệt được sự sống của xác phàm. Nó cũng có thể gây thiệt hại thường xuyên cho các hiện thể cao cả hơn xác phàm.

Một tác dụng rất thông thường của việc khơi hoạt sớm Kundalini là việc nó chạy xuống vào các trung tâm lực hạ đẳng trong cơ thể thay vì đi lên, tạo nên sự kích thích những đam mê bất hảo nhất, vốn thường được tăng cường tới mức con người hoàn toàn không thể chống cự được chúng. Trong cái vòng kèm kẹp của lực ấy, y cũng chơi với giống như một người thợ lặn trong hàm của một con cá mập. Những người ấy trở thành quỉ râu xanh, quái vật truy lạc vì buông thả theo một lực vượt ngoài tầm tay đối với sức đề kháng của con người. Họ có thể đạt được một vài quyền năng siêu phàm nhưng những thứ này chỉ đưa họ bước vào tiếp xúc với những sinh linh dưới nhân loại mà theo dự tính là loài người không nên giao tiếp, và muốn thoát khỏi nanh vuốt của nó thì có thể phải mất nhiều hơn một kiếp. Có một trường phái ma thuật vốn cố tình dùng quyền năng này theo cách ấy, nhưng các trung tâm lực hạ đẳng ở trong trường phái này đều được sử dụng thì lại luôn luôn bị triệt để cấm tuyệt do những người theo Chánh Pháp hoặc pháp thuật Chánh Đạo.

Sự khơi dậy sớm Kundalini, cũng làm tăng cường mọi thứ trong bản chất con người và quả thật đạt tới những thói xấu thấp hèn dễ dàng hơn các đức tính. Chẳng hạn như tham vọng nơi thể trí được khơi hoạt rất dễ dàng và tăng trưởng tới một mức vô độ. Cùng với sự tăng cường lớn lao của trí năng, người ta sẽ có lòng ngã mạn bất thường giống như quỉ sa tăng. Lực Kundalini không phải là lực bình thường mà là một điều gì đó vô địch. Nếu một người thiếu hiểu biết lỡ đại khơi hoạt nó thì y nên ngay tức khắc tham vấn một người nào đó hiểu biết trọn vẹn về những vấn đề này. Trong Hathayogapradipika có nói: “Nó mang lại sự giải thoát cho các đạo sĩ Yoga và sự ràng buộc cho những kẻ điên cuồng”.

Có một số trường hợp mà Kundalini được khơi hoạt tự phát, sao cho người ta cảm thấy có một luồng âm âm: nó có thể thậm chí (mặc dù hiếm khi) bắt đầu di chuyển nữa. Trong trường hợp này, nó có thể gây ra sự đau đớn nhức nhối vì đường thông thương chưa được chuẩn bị cho nó, nên nó phải dọn đường bằng cách thật sự thiêu rụi nhiều chất cặn bã dĩ thái vốn là một quá trình tất nhiên là đau đớn. Trong những trường hợp như thế, lực thường xông lên ở bên trong cột sống, thay vì đi theo đường xoắn ốc mà nhà huyền bí học được rèn luyện để dẫn dắt. Nếu có thể ta nên cố gắng dùng ý chí chặn đứng sự bốc lên trên ấy, nhưng nếu điều đó tỏ ra không thể được (hầu như rất có thể là vậy) thì nó có lẽ sẽ vọt ra đi qua đầu rồi thoát vào trong bầu không khí mà có lẽ chẳng làm hại gì nhiều hơn là khiến người ta yếu sức đi một chút. Nó cũng có thể gây ra việc tạm thời mất ý thức. Tuy nhiên, những nguy cơ thật sự nghiêm trọng có liên quan không phải với việc bốc lên trên mà là với việc chạy xuống dưới.

Như ta đã đề cập ngắn gọn, chức năng chủ yếu của Kundalini trong việc phát triển huyền bí học là trải qua các trung tâm lực của Thể Phách và làm linh hoạt những trung tâm lực này sao cho chúng đưa các trải nghiệm trên cõi trung giới vào trong ý thức trên cõi trần. Như vậy, quyển *Tiếng Nói Vô Thình* dạy rằng việc làm linh hoạt trung tâm lực giữa chân mày theo cách này khiến cho người ta có thể nghe được tiếng nói của Chơn sư, tức là tiếng nói của Chơn ngã. Điều này được giải thích qua việc tuyên yên khi hoạt động đầy đủ ắt cung ứng mối liên kết hoàn toàn giữa tâm thức trên cõi trung giới và ý thức trên cõi trần.

Việc làm chủ Kundalini phải được lập lại trong mỗi kiếp bởi vì mỗi kiếp đều có những cơ thể mới, nhưng sau khi người ta đã thành tựu rốt ráo được nó thì sự lập lại trở thành một vấn đề dễ dàng.

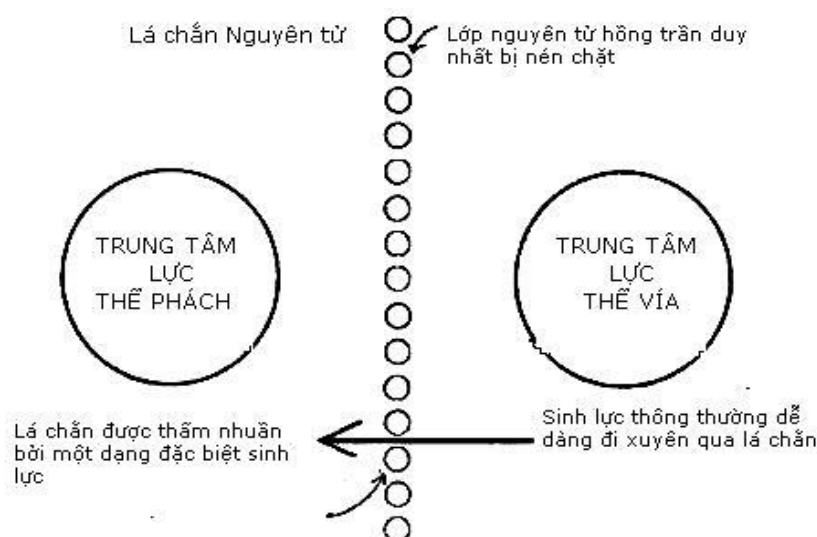
Việc tạo nên mối liên kết giữa ý thức trên cõi trần và tâm thức của Chơn ngã cũng có phản tương ứng nơi các cảnh giới cao, nghĩa là Chơn ngã liên kết với tâm thức của Chơn thần, còn Chơn thần liên kết với tâm thức của Thượng Đế.

Tuổi tác dường như có vẻ không ảnh hưởng gì tới sự phát triển các luân xa nhờ vào Kundalini, nhưng sức khỏe là cần thiết vì chỉ một cơ thể cường tráng mới có thể chịu đựng được sự căng thẳng.

CHƯƠNG XIV MẠNG LƯỚI NGUYÊN TỬ

Chúng ta đã thấy rằng có một mối liên kết rất mật thiết giữa các luân xa trong thể Vía và các luân xa trong Thể Phách. Giữa hai tập hợp trung tâm lực này và xuyên thấu chúng theo một cách thức không dễ gì miêu tả được, có một mạng lưới hoặc lớp vỏ, bao gồm chỉ một lớp nguyên tử hồng trần thôi, chúng đan xen mật thiết với nhau, ép chặt vào nhau và được một biến thể đặc biệt của Prana thấm nhuần qua đó. Prana bình thường đi từ cõi trung giới xuống cõi hồng trần sao cho nó có thể dễ dàng xuyên qua lá chắn nguyên tử, nhưng lá chắn ấy là một hàng rào tuyệt đối ngăn chặn mọi lực khác vốn không thể sử dụng vật chất nguyên tử của cả hai cõi.

SƠ ĐỒ XIV LÁ CHẮN NGUYÊN TỬ



Chức năng của lá chắn: ngăn cản những ảnh hưởng của cõi trung giới không xâm nhập quá sớm vào ý thức trên cõi trần.

Các cách thức gây thiệt hại cho lá chắn: (1) – Những xúc động choáng váng nghĩa là giận dữ, sợ hãi. (2) – rượu. (3) – ma túy, chẳng hạn như thuốc lá. (4) – ngồi luyện thân thông.

Như vậy, lá chắn là một thứ được thiên nhiên cung cấp để ngăn cản không cho có sự thông thương quá sớm giữa các cõi trung giới và cõi hồng trần. Nếu không có sự cung ứng minh triết này thì mọi loại trải nghiệm trên cõi trung giới có thể tuôn đổ vào ý thức trên cõi trần, mà trong trường hợp hầu hết mọi người thì điều này có thể tạo ra chẳng có gì khác hơn là sự tai hại.

Vào bất cứ lúc nào thì một thực thể trên cõi trung giới cũng có thể du nhập các lực mà người thường vốn hoàn toàn không được chuẩn bị để đối đầu, và nằm ngoài tầm đối phó của y. Người ta ắt dễ bị ám bởi bất cứ thực thể trung giới nào muốn chiếm xác của mình.

Như vậy, lá chắn nguyên tử được dùng làm một lớp phòng vệ hữu hiệu chống lại những diễn biến không đáng mong muốn ấy. Trong tình huống bình thường, nó cũng được dùng để phòng ngừa việc nhớ rõ được sinh hoạt trong giấc ngủ đạt tới ý thức của óc phàm

và nó cũng giải thích cho việc tạm thời mất ý thức luôn luôn xảy ra vào lúc chết. Đôi khi thể Vía trở về thành công gây một ấn tượng nhất thời lên Thể Phách và xác phạm sao cho khi xác phạm thức dậy thì cũng có được chút ít kỷ niệm sống động. Điều này thường nhanh chóng tan biến đi, việc cố gắng nhớ lại nó khiến cho càng không thể thành công được, bởi vì mỗi nỗ lực đều lập nên những rung động trong óc phạm vốn có khuynh hướng thẳng lướt được những rung động tinh vi hơn của cõi trung giới.

Vì vậy, rõ ràng là bất cứ sự gây tổn hại nào cho lá chắn đều là một tai họa nghiêm trọng. Sự tổn thương ấy có thể diễn ra theo nhiều cách. Bất cứ cơn xúc động sống sờ nào, hoặc bất cứ xúc động mạnh mẽ nào có tính cách ác độc tạo ra một loại bùng nổ trong thể Vía, đều có thể gây ra một tác dụng như thế, xé toạc mạng lưới mong manh và ta bảo rằng khiến cho người ấy phát điên. Một sự sợ hãi khủng khiếp hoặc một cơn giận bùng nổ cũng có thể gây ra như thế.

Ngôi luyện thần thông theo cách gọi qui trình này của các nhà thần linh học cũng có thể gây hại cho mạng lưới và mở toang những cánh cửa mà thiên nhiên dự tính khép kín.

Một vài loại thuốc, nhất là rượu và mọi thứ ma túy, trong đó có cả thuốc lá đều chứa một hoạt chất mà khi bốc hơi phân giải thì phần nào sẽ được chuyển từ cõi trần sang trạng thái cõi trung giới. Những người nghiên cứu về khoa tiết thực, nhất là những người nghiên cứu tác dụng của độc tố ất quan tâm học biết rằng ngay cả trà và cà phê cũng có chứa hoạt chất vừa nêu, mặc dù có số lượng nhỏ đến nỗi chỉ sau khi đã liên tục lạm dụng lâu dài thì tác dụng ấy mới biểu hiện. Khi điều này xảy ra thì những chất cấu tạo nên thành phần hoạt chất ấy chạy qua các luân xa theo hướng ngược với hướng lẽ ra được dự tính và sau khi lập đi lập lại qui trình ấy thì chúng gây tổn thương và cuối cùng hủy hoại mạng lưới tinh vi.

Chỉ có hai cách thức tạo ra sự suy đồi hoặc hủy hoại ấy tùy theo loại hình người hữu quan và tỉ lệ thành phần cấu tạo trong thể Vía và Thể Phách. Trong loại hình đầu tiên thì vật chất bay hơi tuôn tràn qua thực sự làm cho mạng lưới bị cháy và như vậy phá tan bức hàng rào của thiên nhiên.

Trong loại hình thứ hai thì các chất cấu tạo dễ bay hơi làm cho nguyên tử cứng rắn lại, không chế và làm què quặt sự mạch động của chúng sao cho nó chẳng còn có thể chuyển tải dạng Prana đặc biệt vốn gắn chặt nó vào mạng lưới. Như vậy mạng lưới đâm ra đường như thể bị cốt hóa sao cho thay vì có quá nhiều chất đi từ cõi này sang cõi kia thì ta lại có rất ít bất kỳ loại chất nào đi qua đi lại.

Ta có thể dễ dàng nhận ra được hai loại hình này. Trong trường hợp đầu tiên thì ta có những ví dụ về sự mê sảng do nghiện rượu, quí ám và một số dạng điên khùng. Trong trường hợp thứ nhì mà cho đến nay thì thông thường hơn, chúng tôi lưu ý thấy nói chung có khuynh hướng làm chết mòn những xúc động và đức tính cao thượng với hậu quả là thói duy vật, tàn bạo, đầy thú tính và mất tự chủ. Người ta thừa biết rằng những kẻ nào cực kỳ sa đà vào ma túy, chẳng hạn như thuốc lá, ất kiên trì với sự phóng dật ấy ngay cả khi gây thiệt hại là đau khổ hoặc khó chịu cho người lân cận. Tính thụ cảm tinh tế của họ đã bị cùn nhụt đi rất nhiều.

Vì tâm thức của người thường thông thường không thể vận dụng được vật chất nguyên tử hoặc là trên cõi trần hoặc là trên cõi trung giới, cho nên thông thường không thể có sự giao tiếp hữu thức giữa hai cõi. Tuy nhiên, khi người ta tẩy trừ các hiện thể của mình thì y đâm ra có thể hoạt động qua vật chất nguyên tử và bấy giờ y có thể đưa tâm thức của mình trực tiếp đi từ cảnh giới nguyên tử cõi này sang cảnh giới nguyên tử cõi kia. Trong trường hợp ấy thì mạng lưới nguyên tử giữ lại trọn vẹn vị trí và hoạt động của mình, khiến cho tâm thức đi từ cõi này sang cõi khác trong khi đồng thời nó làm tròn mục đích của mình là ngăn

cảm sự tiếp xúc mật thiết với các cảnh hạ đẳng mà ở đó có thể có đủ thứ ảnh hưởng không đáng mong muốn.

Vì vậy cách thức an toàn duy nhất đối với các học viên chân chính về huyền bí học là đừng cưỡng chế việc phát triển thần thông theo một cách nào đó, mà hãy chờ đợi những thứ này được triển khai ra vì chúng sẽ được triển khai trong lộ trình tiến hóa bình thường. Nhờ vậy người ta sẽ đạt được đủ mọi lợi ích và tránh được mọi điều nguy hiểm.

CHƯƠNG XV SỰ SINH RA

Thật hữu ích khi bây giờ người ta nên nghiên cứu Thử Phách trong quan hệ với việc sinh ra và chết đi của thể xác.

Những người nào nghiên cứu cơ chế tái sinh luân hồi ắt quen thuộc với sự kiện là trong trường hợp Thử Phách thì có một yếu tố bước vào tác động vốn không tác động trong trường hợp thể Vía hoặc thể Trí. Thử Phách quả thật được kiến tạo trước khi Chơn ngã giáng lâm, nhờ công của một tinh linh ngũ hành vốn là hình tư tượng liên hợp của bốn vị Tứ đại Thiên vương (Devarājas), mỗi vị Thiên vương chủ trì một trong bốn cảnh dĩ thái của cõi hồng trần. Nhiệm vụ căn bản của tinh linh ngũ hành kiến tạo này là xây dựng cái khuôn dĩ thái để cho các hạt nguyên tử hồng trần của thể xác đấng trẻ sơ sinh phải được xây dựng vào trong cái khuôn.

Hình dáng và màu sắc của tinh linh ngũ hành này biến thiên trong nhiều trường hợp khác nhau. Thoạt đầu thì nó biểu hiện chính xác hình dáng và kích thước của cơ thể đấng trẻ mà nó phải kiến tạo; các nhà thần nhãn đôi khi thấy hình tượng giống như con búp bê này lớn vồn xung quanh và sau đó phát phơ bên trong cơ thể bà mẹ, và đôi khi họ đã nhầm lẫn nó là linh hồn của đấng trẻ sắp sinh ra đời thay vì nó chỉ là cái khuôn cho thể xác của đấng trẻ.

Ngay khi phôi thai đã lớn lên bằng kích thước của cái khuôn và sẵn sàng chào đời thì hình tượng của giai đoạn kế tiếp mà nó nhắm tới ắt được triển khai: kích thước, hình dạng và tình trạng của cơ thể nói chung xét về công việc của tinh linh ngũ hành, vào lúc mà nó đề nghị sẽ rời bỏ xác ấy. Sau khi tinh linh ngũ hành đã rút lui thì mọi sự tăng trưởng thêm nữa của thể xác là dưới quyền kiểm soát của chính Chơn ngã.

Trong cả hai trường hợp thì tinh linh ngũ hành đều tự biến mình thành cái khuôn. Màu sắc của nó phần lớn là biểu diễn những phẩm tính cần thiết của cơ thể mà nó phải xây dựng. Còn hình tượng của nó thì thường thường cũng đã dành sẵn cho nó rồi. Ngay khi nó hoàn tất công việc thì không còn năng lượng nào giữ các hạt của nó lại với nhau cho nên tinh linh ngũ hành bèn tan rã.

Khi xác định phẩm chất của chất dĩ thái được dùng để xây dựng Thử Phách ta có hai điều cần xét tới: một là loại vật chất được xem xét theo quan điểm bảy Cung tức cách phân chia theo *chiều dọc*, và hai là phẩm tính của vật chất được xét theo quan điểm thô hoặc tinh, tức cách phân chia theo *chiều ngang*. Cách phân chia theo chiều dọc tức loại hình tia, được xác định bởi nguyên tử trường tồn của thể xác vốn chịu ảnh hưởng của loại hình và phân-loại hình. Cách phân chia theo chiều ngang được xác định bởi nghiệp quả trong quá khứ của con người, tinh linh ngũ hành kiến tạo chịu trách nhiệm tạo ra loại hình thể xác thích hợp với yêu cầu của con người. Thật vậy, tinh linh ngũ hành bao gồm cái bộ phận tức nghiệp (*karma*) của cá thể vốn phải biểu diễn ra trong thể xác. Tùy theo sự tuyển lựa tinh linh ngũ hành kiến tạo mà chẳng hạn như thể xác sẽ tự nhiên là khéo léo hoặc ngu đần, bình tĩnh hoặc ưa nổi quạo, nhiều nghị lực hoặc lơ đãng, nhạy cảm hoặc không nhiệt tình. Tiềm năng di truyền vốn ẩn tàng trong trứng của bà mẹ và tinh trùng của người cha; tinh linh ngũ hành rút ra từ đó sự tuyển lựa theo yêu cầu của trường hợp này.

Mặc dù tinh linh ngũ hành chịu trách nhiệm về cơ thể đấng trẻ ngay từ đầu, Chơn ngã chỉ tiếp xúc với chỗ trú tương lai của mình mãi về sau này, cách một khoảng nào đó trước khi sinh ra trên cõi trần. Nếu những đặc trưng mà tinh linh ngũ hành phải áp đặt lên thể xác chỉ có số lượng ít ỏi thôi thì nó có thể rút lui sớm và dành cho Chơn ngã việc kiểm soát trọn

ven thể xác. Tuy nhiên, khi người ta cần nhiều thời giờ để phát triển những điều hạn chế cần thiết, thì tinh linh ngũ hành có thể giữ lại địa vị của mình mãi đến khi thể xác được bảy tuổi.

Chất dĩ thái dành cho cơ thể đứa trẻ được rút ra từ cơ thể bà mẹ; vì thế cho nên bà mẹ có tầm quan trọng trong việc tự cấp dưỡng cho mình chỉ bằng những loại vật thực tinh khiết nhất. Trừ phi tinh linh ngũ hành chịu trách nhiệm phát triển đặc biệt nào đó theo đường lối của các đặc tính, chẳng hạn như đẹp tuyệt vời hoặc xấu hết mức, còn thì tác nhân chính hoạt động theo hướng này ắt là tư tưởng của bà mẹ và hình tư tưởng trôi nổi xung quanh bà.

Thẻ Vía mới mở bước vào tiếp xúc với Thẻ Phách vào giai đoạn rất sơ khai, gây ảnh hưởng đáng kể lên việc tạo dựng Thẻ Phách, còn thẻ Trí cũng tác động lên tổ chức thân kinh thông qua Thẻ Phách.

CHƯƠNG XVI SỰ CHẾT

Trước kia ta đã thấy rằng trong một vài tình huống thì Thể Phách có thể tách rời khỏi thể xác, mặc dù nó luôn luôn liên kết với thể xác bằng một sợi chỉ hoặc sợi dây bằng chất dĩ thái. Khi chết, Thể Phách chót hết rút ra khỏi xác phàm và ta có thể thấy nó là một đám sương mù màu tím, dần dần ngưng tụ lại thành ra một hình hài vốn là đối thể của con người vừa trút hơi thở cuối cùng, nó vẫn gắn liền với xác phàm bằng một sợi chỉ sáng lấp lánh. Sợi chỉ hoặc tuyến từ điện này bị cắt đứt vào lúc từ trần.

Khi sinh võng (life web) - màn lưới sinh tồn - bằng chất bồ đề có kèm theo Prana được gỡ ra khỏi vật chất xác phàm vào lúc lâm chung, nó được thu rút về phía tim xung quanh nguyên tử trường tồn. Bây giờ nguyên tử trường tồn, màn lưới sinh tồn và Prana bốc lên dọc theo tuyến Sushumna thứ cấp nhập vào não thất thứ ba, rồi từ đó chuyển sang giao điểm của đường khớp chẩm đỉnh, để cuối cùng rời khỏi xác phàm. Màn lưới sinh tồn ấy vẫn bao bọc nguyên tử trường tồn thể xác, trong nội bộ thể nguyên nhân, mãi cho đến khi một thể xác mới được kiến tạo.

Việc Thể Phách rút lui và tất nhiên Prana cũng rút lui ắt làm hủy hoại tính thống nhất toàn vẹn của thể xác, do đó bỏ mặc nó chỉ còn là một mớ hỗn độn các tế bào độc lập. Sự Sống của bản thân các tế bào riêng rẽ vẫn tiếp tục, bằng chứng là một sự kiện ai cũng biết lông tóc trên xác chết đôi khi vẫn tiếp tục mọc ra.

Lúc mà Thể Phách triệt thoái và do đó Prana không còn lưu hành nữa thì các sinh linh hạ đẳng, nghĩa là các tế bào chạy lòng lên và bắt đầu phá vỡ cái cho đến nay dứt khoát là một cơ thể có tổ chức. Như vậy cơ thể chưa bao giờ linh hoạt hơn so với khi nó đã chết. Nhưng nó linh hoạt về các đơn vị còn tổng thể thì đã chết; nó linh hoạt về mặt các đoàn khối nhưng cơ thể thì đã chết. Eliphas Levi nói như sau: “Xác chết ắt không bị phân rã nếu nó đã chết rồi; mọi phân tử cấu thành nó đều đang sống động và phấn đấu để tách rời nhau.” (*Nữ thần Isis lộ diện*, I, trang 480).

Khi Thể Phách cuối cùng rời bỏ thể xác thì nó không đi xa mà thường trôi nổi bên trên thể xác. Trong tình huống này nó được gọi là hồn ma bóng quế và đôi khi xuất hiện trước mặt những kẻ mà nó có liên hệ mật thiết dưới dạng một hình lơ mơ, có ý thức rất lơ mơ và không nói được. Nếu không bị xáo trộn bởi sự phiền não thác loạn hoặc xúc động mạnh, thì trạng thái tâm thức là lơ mơ và yên bình.

Chính trong khi Thể Phách triệt thoái, cũng như sau đó, khi toàn thể kiếp sống đã qua của con người được duyệt lại nhanh chóng trước mắt Chơn ngã, thì mọi xó xỉnh và góc ngách đã từng bị quên lãng trong ký ức đều bị xỏ ra những điều bí mật của mình, từng ảnh một, từng diễn biến một. Trong những phút giây ngắn ngủi này, Chơn ngã sống trở lại trọn cuộc đời mình, nhìn thấy những thất bại và thành công của mình, những niềm yêu thương và oán hận của mình. Nó nhận thức được khuynh hướng chủ yếu của toàn thể và tư tưởng thống lĩnh cuộc sống bền được khẳng định, đánh dấu cái cội mà phần chính yếu của sinh hoạt sau khi chết sẽ diễn ra ở đó. Theo sự miêu tả của *Kaushitakopanishat*, khi chết Prana thu thập mọi thứ lại và triệt thoái ra khỏi cơ thể, giao nộp mọi thứ cho Chủ thể Tri thức, vốn là đáng tiếp nhận tất cả.

Giai đoạn này thường được nối tiếp bởi một thời kỳ ngắn ngủi vô ý thức yên bình do vật chất dĩ thái bị triệt thoái nhưng vẫn còn bị vướng víu vào Thê Vía, do đó ngăn cản con người không hoạt động được nơi cõi trần hoặc cõi trung giới. Một số người có thể rũ thoát khỏi lớp vỏ dĩ thái chỉ trong một vài phút giây; những người khác vẫn ở bên trong Thể

Phách nhiều giờ, nhiều ngày, hoặc ngay cả nhiều tuần lễ, mặc dù quá trình này thường không xảy ra lâu hơn một vài tiếng đồng hồ.

Khi ngày tháng trôi qua, các nguyên khí cao dần dần được gỡ bỏ ra khỏi Thể Phách, bảy giờ đến lượt Thể Phách trở thành một xác chết dĩ thái, vốn vẫn còn ở gần thể xác, cả hai cùng nhau tan rã. Những hồn ma dĩ thái này thường được nhìn thấy ở nghĩa trang, đôi khi là đám sương mù hoặc ánh sáng màu tím hay màu trắng xanh xanh, nhưng nó thường biểu diễn thành một hình dáng khó chịu vì phải trải qua đủ thứ giai đoạn phân rã.

Một trong những lợi ích lớn của việc thiêu xác là nhờ thiêu hủy được xác phàm cho nên Thể Phách cũng bị mất đi sào huyệt của mình và do đó nhanh chóng tan rã.

Nếu một người bị dẫn dắt sai lạc đến nỗi muốn bám vào sự sống trên cõi trần và thậm chí bám vào xác chết của chính mình thì sự bảo toàn xác chết hoặc là bằng cách chôn cất hay là ướp xác ắt có một cảm dỗ nhất định đối với y, và làm dễ dàng rất nhiều cho mục đích không may của y. Sự thiêu xác hoàn toàn ngăn cản bất kỳ toan tính nào nhằm tạm thời hiệp nhất một phần các nguyên khí một cách thiếu tự nhiên. Hơn nữa, có một vài dạng tà thuật không dễ chịu, rất may là ít ra cũng hiếm có ở phương Tây, nó vận dụng xác phàm đang tan rã; Thể Phách của một người đã chết cũng có thể được sử dụng như vậy theo nhiều cách thức khác nhau. Người ta tránh được tất cả những khả năng này bằng cách thực hành lành mạnh việc thiêu xác. Một người đã chết hoàn toàn không thể cảm thấy những hiệu lực của lửa đối với cơ thể đã bị vứt bỏ của mình, bởi vì xét về sự chết thì vật chất Thể Vía và Thể Phách đã hoàn toàn tách rời khỏi xác phàm.

Mặc dù một người đã chết hoàn toàn không thể nhập trở lại vào xác chết của mình, thế nhưng trong trường hợp người chẳng biết thứ gì ngoài sinh hoạt thuần túy trên cõi trần và sợ phát điên lên vì hoàn toàn bị cắt đứt khỏi cõi trần, thì trong nỗ lực điên cuồng để vẫn còn tiếp tục sinh hoạt trên cõi trần, y có thể bám víu lấy chất dĩ thái trong thể xác đã bị vứt bỏ và lôi kéo nó bao bọc quanh mình. Đây có thể là nguyên nhân của sự đau khổ lớn lao hoàn toàn không cần thiết, và dễ dàng tránh được bằng cách thực hành việc thiêu xác.

Trong trường hợp những người tuyệt vọng bám lấy sự sống trên cõi trần, thì Thể Vía không thể hoàn toàn tách rời khỏi Thể Phách và chúng vẫn còn tỉnh thức nhưng bị vật chất dĩ thái bao xung quanh. Tình huống này rất khó chịu và bởi vì người ấy bị khép kín khỏi cõi Trung giới do lớp vỏ bằng chất dĩ thái, đồng thời việc bị mất các cơ quan cảm giác của thể xác lại ngăn cản y không hoàn toàn tiếp xúc được với sự sống trên cõi trần. Do đó y cứ dật dờ, cô đơn, cảm lạnh và hãi hùng trong một đám sương mù dày đặc u ám, không thể giao tiếp với cõi Trung giới cũng như cõi Hồng trần.

Theo thời gian lớp vỏ dĩ thái mòn đi bất chấp sự phấn đấu của y, mặc dù thường thường việc này không xảy ra mãi sau khi y đã chịu đau khổ kịch liệt. Những người tử tế trong đám người chết và những người khác cố gắng trợ giúp lớp người được miêu tả nhưng chẳng mấy khi được thành công.

Đôi khi một người trong tình huống này có thể nỗ lực tiếp xúc trở lại một lần nữa với cõi hồng trần thông qua một người đồng cốt, mặc dù “những vong linh hướng dẫn” người đồng cốt thường nghiêm cấm họ làm như thế, vì biết rằng người đồng cốt có nguy cơ bị ám hoặc phát điên. Đôi khi một người đồng cốt vô ý thức – thường thường là một cô gái trẻ nhạy cảm – có thể bị nhập, nhưng toan tính này chỉ có thể thành tựu khi Chơn ngã của cô gái đã nói lỏng sự kiểm soát các hạ thể bằng cách sa đà vào các đam mê và tư tưởng không đáng mong muốn. Đôi khi một hồn người cũng có thể lang thang trong thể giới u linh này, nó có thể thành công trong việc ám một phần con thú; những con thú thường bị ám là những loài kém tiến hóa như trâu bò, cừu hoặc heo; mặc dù chó, mèo hoặc khi cũng có thể bị sử

dụng theo cách này. Điều này có vẻ là điều thay thế - trong Giồng dân hiện đại thứ Năm - cho sinh hoạt dễ sợ về ma cà rồng mà ta đã thấy trong những người thuộc Giồng dân thứ Tư. Một khi đã vướng mắc vào một con thú, thì nó chỉ có thể được tháo gỡ ra dần dần qua những nỗ lực đáng kể, có lẽ mở rộng ra trong nhiều ngày. Tự do thường chỉ xảy ra vào lúc con thú chết, và ngay cả khi đó thì vẫn còn có một sự vướng mắc vào Thẻ Vía cần phải được rũ bỏ.

CHƯƠNG XVII CHỮA BỆNH

Chúng ta đã thấy rằng một người đang sung sức đều liên tục phóng ra từ cơ thể mình những sự phóng phát sinh khí mà những người khác có thể hấp thụ được. Bằng cách này những người khác sẽ được tăng cường và có thể được chữa khỏi những bệnh lật vật hoặc ít ra thì việc hồi phục cũng được nhanh chóng hơn.

Tuy nhiên, vì các dòng Prana phải tuân phục theo ý chí cho nên con người có thể điều động các luồng sinh khí từ mình tuôn ra một cách hữu thức, cũng như gia tăng lớn lao sự tuôn chảy tự nhiên của chúng. Khi điều động các dòng này tác động lên một bệnh nhân đã bị kiệt sức do sự kiện lá lách của y không làm việc thỏa đáng, thì người ta có thể trợ giúp đáng kể cho việc phục hồi sinh khí bổ sung mà nhà chữa bệnh tuôn vào, giữ cho bộ máy cơ thể bệnh nhân vẫn hoạt động cho đến khi nó được phục hồi đầy đủ để cấp dưỡng chính Prana.

Như vậy trong một vài trường hợp, việc người mạnh có thể chữa được cho người yếu đơn thuần được thực hành bằng cách gần gũi nhau trên cõi trần, qui trình này hoặc là hoàn toàn vô ý thức và tự động, hoặc là nó có thể được trợ giúp và đẩy nhanh tới hầu như bất kỳ mức nào qua nỗ lực hữu thức. Người ta thường có thể đạt được nhiều lợi ích bằng cách tuôn đổ vào bệnh nhân các luồng sinh khí dồi dào, điều này làm tràn ngập hệ thống của bệnh nhân bằng năng lượng cấp sinh khí; hoặc là người thao tác có thể điều động luồng này đi tới phần bộ phận trong cơ thể vốn đang ẻo uột. Chỉ cần gia tăng sự chu lưu của Prana cũng đã chữa trị nhiều bệnh lật vật. Mọi bệnh thần kinh hàm ý một tình huống Thể Phách đang chạy cộc cạch, và điều đó cũng là nguyên nhân của những xáo trộn tiêu hóa và sự mất ngủ. Sự nhức đầu thường được gây ra do xung huyết hoặc là luồng sinh khí mà đôi khi ta gọi là từ khí. Một dòng mạnh mẽ mà người chữa bệnh điều động đi xuyên qua đầu của bệnh nhân ắt quét sạch chất bị nghẽn mạch và chứng nhức đầu sẽ biến mất.

Những phương pháp này tương đối đơn giản và không hề khó áp dụng, mặc dù một người chữa bệnh tài ba, nhất là nếu có thần nhãn ắt có thể cải tiến chúng vô cùng. Một sự cải tiến như thế vốn đòi hỏi người ta hiểu biết giải phẫu cơ thể và sinh lý học, ắt phải tạo ra một hình tư tưởng của cơ quan bị bệnh, thế rồi lại hình dung nó là đang khỏe mạnh. Tư tưởng mạnh mẽ sẽ uốn nắn vật chất dĩ thái thành ra hình tướng như mong muốn, điều này sẽ giúp cho thiên nhiên kiến tạo cho ta những mô mới nhanh hơn hẳn so với mức có thể làm được bằng cách khác.

Một phương pháp khác còn rõ rệt hơn nữa là tạo ra cơ quan ấy trong vật chất cõi trí tuệ: thế rồi kiến tạo nó thành ra vật chất cõi trung giới: những thứ này bây giờ sẽ được thô trực hóa bằng chất dĩ thái, rồi cuối cùng được xây dựng thành cái khuôn chất đặc, chất lỏng và chất hơi, sử dụng những vật liệu sẵn có trong cơ thể và được cung ứng từ bên ngoài nếu thiếu sót.

Một phương pháp hữu hiệu để khởi sự công tác chữa bệnh bằng từ khí là như sau: bệnh nhân ở một vị trí dễ chịu hoặc là ngồi hoặc là nằm xuống, và được lệnh phải thư giãn hoàn toàn đến mức tối đa. Một phương pháp rất thuận tiện cho bệnh nhân là ngồi trên một cái ghế ngả lưng được với tay ghế phẳng và vững chắc, người thao tác ngồi ghé vào trên tay ghế như vậy là hơi ở phía trên bệnh nhân một chút. Bây giờ người thao tác làm những thủ pháp trên cơ thể bệnh nhân hoặc trên cái bộ phận mà y đề nghị chữa trị bằng từ điện, vận dụng nỗ lực ý chí để rút ra khỏi bệnh nhân thứ chất dĩ thái bệnh hoạn hoặc bị nghẽn mạch. Người ta có thể thực hiện những thủ pháp này mà không thật sự chạm vào bệnh nhân, mặc

dù việc đặt trọn cả bàn tay nhẹ nhàng và êm dịu trên lớp da thường trợ giúp đáng kể. Sau mỗi thủ pháp người thao tác phải cẩn thận vớt bỏ khỏi bản thân chất dĩ thái mà mình đã triệt thoái, bằng không thì một số chất ấy có thể vẫn còn tồn đọng trong hệ thống của chính y và hiện nay y có thể thấy mình mắc phải một chứng bệnh giống như bệnh mà y đã chữa khỏi cho bệnh nhân. Người ta đã ghi chép được nhiều trường hợp thuộc loại này; như vậy một người thao tác có thể lấy đi sự đau đớn nơi răng hoặc cùi chỏ của bệnh nhân để rồi lại thấy bản thân mình bị đau răng hoặc đau ở chính cùi chỏ. Trong một số trường hợp, khi người ta trình bày những điều chữa trị lập đi lập lại, thì một người thao tác không chú ý tới việc vớt bỏ vật chất bị bệnh mà mình đã rút ra khỏi bệnh nhân, thì có thể biến bản thân thành ra bị đau ốm nặng và ngay cả bị bệnh mãn tính.

A. P. Sinnett có trình bày một trường hợp kỳ lạ, một mệnh phụ được chữa khỏi bệnh thấp khớp mãn tính, thế rồi đi tới sống trong một vùng ở Âu châu khác hơn vùng người thao tác thời miên mesmer cư trú. Bốn năm sau người thao tác này chết đi, và bệnh thấp khớp xưa cũ ngay tức khắc trở về với vị mệnh phụ cũng độc hại y hết như trước. Trong trường hợp này thì dường như từ khí không lành mạnh mà người thao tác rút ra từ bệnh nhân nhưng chưa hủy diệt đi, suốt bao nhiêu năm và đeo bám vào hào quang của người thao tác, và đến khi y chết thì ngay tức khắc nó lại bay về nơi mà nó đã từng xuất phát.

Thường thường chỉ cần phẩy bàn tay mạnh xuống dưới hoặc rời xa cơ thể, hoặc từ khí có thể xả vào trong một bồn nước, sau đó nước dĩ nhiên sẽ được dội đi. Quá trình này có thể được trợ giúp sau phần mở đầu của việc chữa bệnh là việc kết thúc bằng cách rửa tay trong nước trước khi bắt đầu một bộ phận kế tiếp cực hơn trong phép chữa bệnh.

Người ta cũng nói là mình có thể điều động luồng từ khí không lành mạnh tới tận một vài lớp tinh linh ngũ hành, nơi mà nó sẽ tìm thấy phạm vi thích hợp. Dụ ngôn trong Kinh thánh về bày heo có thể là cách miêu tả ẩn dụ về quá trình này. Dường như chắc chắn là nên làm điều gì đó thuộc loại này đối với loại từ khí không lành mạnh hơn là để cho nó trôi nổi gần hào quang của người chữa bệnh hoặc những người khác có thể ngẫu nhiên đến gần đó.

Một biến thể nhỏ nhỏ của phương pháp nêu trên, đặc biệt hữu dụng trong trường hợp nghẽn mạch cục bộ, là đặt các bàn tay mỗi bàn tay ở một bên của vùng bị bệnh rồi điều động luồng từ khí tẩy trừ chạy từ tay phải sang tay trái, luồng từ khí này sẽ trực xuất được vật liệu bị nghẽn mạch trong cơ thể bệnh nhân.

Sau khi đã dọn đường thì giai đoạn kế tiếp là tuôn đổ vào bên trong bệnh nhân lưu chất từ khí và Prana của chính mình. Điều này được thực hiện bằng cách tạo ra những thủ pháp tương tự, mặc dù lần này có một nỗ lực ý chí mạnh mẽ nhằm tuôn đổ thần lực của chính mình vào trong bệnh nhân. Cũng như trước, ta có thể thực hiện điều này nhờ vào những thủ pháp dài quét qua toàn bộ cơ thể hoặc những thủ pháp ngắn hơn lướt qua một vùng đặc biệt: hoặc lại nữa, ta có thể dùng hai bàn tay, để dòng từ khí được chuyển từ tay phải sang tay trái đi ngang qua vùng cần được chữa bệnh.

Học viên ắt dễ dàng nhận thấy bản thân người chữa bệnh cần phải hoàn toàn khỏe mạnh, bởi vì bằng không thì y có thể trút vào bệnh nhân một số từ khí không được lành mạnh của mình.

Ta nên lưu ý rằng trong việc chữa bệnh bằng từ khí thì quần áo cũng gây chướng ngại chút ít, trong trường hợp này thì tơ lụa là tồi tệ nhất. Vì vậy, tùy theo hoàn cảnh bệnh nhân nên mặc càng ít quần áo càng tốt.

Do sự kiện là một vài dạng điện vốn chịu sự khiếm khuyết trong bộ óc của Thể Phách, cho nên các hạt của nó không tương ứng toàn bích với các hạt của xác phàm, do đó không

thể chuyển vận những rung động thích đáng từ các thể cao, cho nên chúng tôi phỏng đoán rằng những trường hợp như vậy có thể chữa được bằng từ khí.

Dĩ nhiên có những phương pháp khác cũng ảnh hưởng tới Thể Phách bởi vì mối liên hệ giữa các thể hạ trí, thể vía và thể phách là mật thiết đến nỗi bất kỳ thể nào trong ba thể này đều ảnh hưởng được tới thể kia.

Nói chung thì ta có thể bảo rằng bất cứ thứ gì làm tăng tiến sức khỏe của thể xác cũng đều phản ứng thuận lợi đối với các thể cao. Chẳng hạn như các cơ bắp không được sử dụng, không chỉ có khuynh hướng bị suy thoái mà còn tạo ra một sự nghẽn mạch từ khí: điều này có nghĩa là một chỗ yếu trong Thể Phách thông qua đó những mầm bệnh khó chịu, chẳng hạn như mầm bệnh truyền nhiễm có thể xâm nhập.

Tương tự như vậy, bệnh tật về thể hạ trí hoặc thể vía hầu như chắc chắn sớm muộn gì cũng được phản ánh thành ra bệnh tật thể xác. Một người “khó tính khó nết” về thất tình lục dục, nghĩa là buông thả cho thể Vía phí phạm sức lực đối với những xúc động còn con nhỏ nhặt, những bận tâm và âu lo, chẳng những thường tạo ra những tác dụng khó chịu và gây xáo trộn đối với thể Vía của những người nhạy cảm khác mà sự xáo trộn thường của thể Vía ấy hay phản ứng lại thông qua Thể Phách tác động lên xác phàm và tạo ra đủ thứ bệnh thần kinh.

Gần như mọi bệnh thần kinh chẳng hạn, đều là kết quả trực tiếp của sự lo âu và xúc động không cần thiết, chẳng bao lâu nó sẽ biến đi nếu người ta có thể dạy cho bệnh nhân giữ cho các hạ thể của mình được tịch lặng và yên bình. Phép chữa bệnh bằng từ khí hầu như hòa lẫn vào thuật thôi miên mesmer mà ta không nhận biết được, vì vậy ta sẽ tiến hành khảo sát thuật thôi miên mesmer.

CHƯƠNG XVIII

THUẬT THÔI MIÊN MESMER

Học viên ắt nhận ra sự phân biệt hoàn toàn rõ ràng và xác định giữa thôi miên và thôi miên mesmer. Thôi miên có từ nguyên tiếng Hi Lạp là *hypnos* nghĩa là ngủ; theo sát nghĩa thôi miên biểu diễn thuật dẫn dụ cho người ta ngủ. Nó thường có kết quả do sự tê liệt thần kinh tạo ra bởi một sự căng thẳng nhẹ nhẹ hoặc là các dây thần kinh mất hoặc là bằng một cách nào khác. Bản thân nó không phải là một trạng thái có hại, mặc dù cố nhiên nó có thể phục vụ cho các cứu cánh tốt hoặc xấu. Nó thường khiến cho đối tượng không bị đau đớn và nó có thể giúp cho thần kinh hệ được nghỉ ngơi và điều này có thể rất có lợi. Đó chủ yếu là tình trạng tự kỷ ám thị: kết quả chính yếu của nó là thường đặt đối tượng vào sự kiểm soát ít nhiều của người thao tác; trong phạm vi biến thiên tùy theo bản chất và tính tình của đối tượng, mức độ thôi miên cũng như quyền năng và tài khéo của người thao tác; đối tượng có thể bị bắt buộc phải làm điều mà nhà thao tác muốn.

Thuật thôi miên mesmer tùy thuộc vào một nguyên lý khác hẳn. Bản thân từ ngữ này bắt nguồn từ Frederick Mesmer (1734 – 1815), một vị bác sĩ ở Vienna; vào khoảng cuối thế kỷ 18, ông đã phát hiện ra rằng mình có thể thực hiện những sự chữa bệnh nhờ vào những ảnh hưởng bắt nguồn từ bàn tay mà ông gọi là “từ khí động vật”. Bản chất của thôi miên mesmer là việc nhà thao tác trực xuất từ khí hoặc lưu chất sinh khí của chính bệnh nhân, rồi thay thế nó bằng lưu chất của chính mình. Tác dụng tự nhiên của điều này là bệnh nhân hết những xúc cảm ở nơi bộ phận cơ thể mà dòng lưu xuất của chính mình đã bị trực xuất. Trước kia ông đã thấy rằng khả năng xúc cảm tùy thuộc vào việc truyền các tiếp xúc tới cho các trung tâm lực của thể Vía thông qua vật chất của Thể Phách. Do đó, khi vật chất dĩ thái bị lấy đi thì mối liên hệ giữa xác phàm và thể Vía bị cắt đứt do đó người ta không còn trải nghiệm được cảm giác.

Sự triệt thoái của lưu chất sinh khí tuyệt nhiên không can thiệp vào sự tuần hoàn của dòng máu, bởi vì bộ phận cơ thể hữu quan vẫn còn ảm áp.

Như thế người ta có thể trực xuất chất dĩ thái của chính bệnh nhân ra khỏi chẳng hạn như một cánh tay hoặc một cẳng chân sao cho kết quả là việc hoàn toàn bị tê mê nơi tứ chi. Quá trình thôi miên mesmer là trường hợp thuần túy cục bộ, bệnh nhân vẫn còn giữ được trọn vẹn ý thức bình thường trong bộ óc, mọi điều diễn ra là một chất thuốc tê mê cục bộ đã được áp vào chi thể hữu quan. Trong những cuộc giải phẫu được gây tê mê theo mesmer, người ta đã tiến hành những cuộc đại phẫu và tiểu phẫu. Có lẽ tập hợp nổi tiếng nhất về những cuộc giải phẫu như thế được ghi lại trong quyển sách *Khoa thôi miên Mesmer ở Ấn độ*, được bác sĩ Esdaile xuất bản lần đầu tiên năm 1842. Một y sĩ giải phẫu khác là bác sĩ Elliotson cũng tiến hành một số lớn cuộc phẫu thuật tê mê bằng thôi miên mesmer ở Luân đôn cách đây vào khoảng $\frac{3}{4}$ thế kỷ. Vào lúc này người ta chưa biết tới chất chloroform và mọi phòng mổ đều là một phòng tra tấn. Những bài tường thuật thi vị và thú vị về công trình của hai nhà tiên phong này có xuất hiện trong tác phẩm *Cơ sở Lý luận của khoa Thôi miên Mesmer*, tác giả A. P. Sinnett, đây là một tác phẩm mà học viên rất nên tham khảo.

Quá trình thôi miên mesmer có thể được thúc đẩy thêm nữa tới mức trực xuất lưu chất từ khí của chính đối tượng ra khỏi bộ óc và thay thế nó bằng lưu chất từ khí của nhà thao tác. Trong trường hợp này, đối tượng hoàn toàn mất kiểm soát cơ thể của mình và sự kiểm soát chuyển sang cho người thao tác, bấy giờ người này có thể khiến cho cơ thể của đối tượng thực hiện điều mà nhà thao tác mong muốn.

Một hậu quả thú vị của việc thay thế lưu chất từ khí của đối tượng bằng lưu chất từ khí của nhà thao tác chính là việc một kích thích áp lên nhà thao tác có thể dường như được đối tượng cảm thấy, hoặc mặt khác một sự kích thích áp lên đối tượng có thể được nhà thao tác cảm thấy.

Thế là chẳng hạn như, giả sử rằng một cánh tay đã được thôi miên mesmer thì lưu chất từ khí của chính đối tượng ắt được thay thế bởi lưu chất từ khí của nhà thao tác. Thế là nếu người ta cù vào bàn tay của người thao tác thì đối tượng có thể tiếp nhận cảm giác này do sự kiện chất ether thần kinh của người thao tác đã được nối liền với bộ óc của đối tượng: vì vậy đối tượng tiếp nhận thông điệp từ ether thần kinh của người thao tác, giả sử nó bắt nguồn từ ether thần kinh của chính mình và thế là cứ đáp ứng theo như vậy. Hiện tượng này thường được gọi là sự đồng cảm đồng khí tương cầu và ta có thể đọc được nhiều trường hợp về đề tài này có trong kho tài liệu.

Để thôi miên mesmer thì không cần phải dùng thủ pháp bằng tay. Công dụng duy nhất của bàn tay là tập trung lưu chất và có lẽ để giúp cho óc tưởng tượng của người thao tác, bất cứ điều gì trợ giúp cho óc tưởng tượng đều khiến cho ta dễ tin mà tác động của ý chí lại tùy thuộc quá nhiều vào điều ấy. Tuy nhiên nhà thôi miên mesmer tài ba có thể xoay trở hoàn toàn mà không có bất kỳ thủ pháp nào, thành tựu được các kết quả của mình bằng cách nhìn vào đối tượng và sử dụng ý chí của mình.

Dường như cơ chế dĩ thái của cơ thể gồm có hai phân bộ riêng biệt; một đẳng vô ý thức và có liên quan tới thần kinh giao cảm; một đẳng có ý thức và tự ý, có liên quan tới hệ thần kinh não tủy; và ta có thể thôi miên mesmer hệ thần kinh não tủy chứ không phải là hệ thần kinh giao cảm. Vì vậy, nhà thôi miên mesmer thường không thể can thiệp vào những quá trình mang tầm quan trọng sống còn thông thường trong cơ thể bệnh nhân, chẳng hạn như việc thở và sự tuần hoàn của máu.

Điều này có thể là lời giải thích về phát triển trong tác phẩm *Thông Thiên Học* theo đó Prana tồn tại dưới hai dạng chính yếu trong cơ thể: Prana cấp năng lượng tồn tại trong Thể Phách và Prana Tự động tồn tại trong xác phàm.

Cũng như trong trường hợp trị bệnh bằng từ điện, rõ rệt hiển nhiên đáng mong muốn là một nhà thôi miên mesmer phải khỏe mạnh về thể xác. Đó là vì một người chữa bệnh hoặc chữa bệnh bằng từ khí chẳng những tuôn đổ Prana vào trong bệnh nhân mà còn vào trong các sự phóng phát của chính mình, và bằng cách này người thao tác có thể truyền bệnh thể xác cho đối tượng. Hơn nữa, vì vật chất thể vía và thể trí cũng bị trút vào đối tượng, cho nên các bệnh đạo đức và tâm thần cũng có thể được truyền nhiễm.

Vì những lý do tương tự, do đó một nhà thôi miên mesmer có thể thu được ảnh hưởng lớn lao thậm chí một cách vô ý thức đối với đối tượng của mình – là một quyền năng lớn lao hơn nhiều so với mức ta thường biết. Bất kỳ tính chất nào về tâm hồn hoặc tâm trí của nhà thôi miên mesmer cũng được rất nhanh chóng truyền lại cho đối tượng, vì thế cho nên hiển nhiên có những con đường nguy hiểm khả hữu về vấn đề này.

Thuật thôi miên mesmer thuần túy về mục đích chữa bệnh, do những kẻ luôn rõ điều mình đang làm và có thể được tin cậy sẽ không lạm dụng quyền năng, ắt có nhiều điều cần phải nói tới; còn thuật thôi miên mesmer vì những mục đích khác ắt không rõ ràng là không đáng khuyến khích.

Một điều thuận lợi mà thuật thôi miên mesmer có ưu thế so với việc chữa bệnh bằng ý chí, đó là khi lực ý chí được tuôn đổ vào trong thể xác thì có nguy cơ đẩy lùi bệnh tật trở lại vào trong các thể tinh vi mà nó xuất phát từ đó, như vậy là ức chế sự thể hiện cuối cùng của

điều ác trên cõi hồng trần, điều ác này vốn bắt nguồn từ tâm trí và xúc động. Thôi miên mesmer để chữa bệnh không có nguy cơ ấy.

Một ví dụ thú vị về cách chữa bệnh bằng từ khí hoặc thôi miên mesmer là nghi lễ Paritta hoặc Pirit của Phật giáo (theo sát nghĩa là “ban phước”), trong đó tu sĩ ngồi trong một vòng tròn hoặc hình vuông hôm và cầm trên tay một sợi dây thừng dày như một dây phơi quần áo, từ đó có những sợi chỉ chạy tới một cái xô nước lớn. Các đoàn tiếp sức tu sĩ tụng kinh trong nhiều ngày liên tiếp, nhớ kỹ trong tâm trí ý chí ban phước. Nước được tích từ khí rất nhiều và bấy giờ nó bèn được phân phối cho người ta hoặc một người đau ốm có thể cầm một sợi chỉ gắn liền với sợi dây thừng.

Nhân tiện xin nói, ta có thể lưu ý là việc thôi miên mesmer cây cỏ và tìm được những kết quả chuyên biệt riêng rẽ qua việc kích thích sự tăng trưởng của chúng. Có lẽ rất ít người có thể thực hành điều này một cách có ý thức, ít ra ở các xứ phương Tây, mặc dù sự thật là một số người “có tay” trồng cây và hoa v.v..., có lẽ phần nào được giải thích theo đường lối nêu trên. Tuy nhiên có một nguyên nhân thông thường hơn về những hiện tượng như thế liên quan tới thành phần cấu tạo của Thể Phách và các thể khác, cũng như một quan hệ của con người với các tinh linh ngũ hành, các tinh linh thân hữu nhất với y là những tinh linh có các hành chiếm ưu thế nơi các hiện thể của y.

Các tinh linh thiên nhiên vốn có ít ý thức trách nhiệm và sẽ không được phát triển mạnh mẽ, thường có thể bị khống chế dễ dàng bằng khoa thôi miên mesmer và bấy giờ y có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau để thi hành ý chí của pháp sư: chừng nào mà các nhiệm vụ dành cho chúng còn ở trong tầm quyền năng của mình thì chúng còn chấp hành một cách trung thành và chắc chắn.

Cũng có thể thôi miên mesmer những người nào vừa mới chết và vẫn còn lớn vồn xung quanh chúng ta trong các thể Vía của họ.

CHƯƠNG XIX CÁC LỚP VỎ VÀ LÁ CHẨN

Có một vài trường hợp trong đó người ta có thể và nên tạo ra một lớp vỏ hoặc một lá chắn bằng chất dĩ thái để che chở cho bản thân hoặc cho những người khác khỏi chịu đủ thứ tác dụng không hay.

Vậy là chẳng hạn như trong một đám đông hỗn tạp thì rất có thể có mặt một số từ khí thể chất nào đó dễ sợ, nếu không phải dứt khoát là có hại đối với học viên huyền bí học. Một số người, bản thân họ cũng có sinh khí thiếu sót, thường có năng lực vô ý thức rút của những người lân cận về kho chứa Prana. Miễn là những người giống như ma cà rồng này chỉ bòn rút những người khác các hạt dĩ thái không cần thiết và thường được trục xuất ra khỏi cơ thể, thì chẳng có điều gì tai hại xảy ra; nhưng thường thì sự bòn rút mạnh mẽ đến nỗi toàn thể sự lưu hành chất Prana bên trong nạn nhân bị thúc đẩy nhanh lên, các hạt màu hồng cũng được rút ra khỏi hệ thống trước khi nội dung Prana của họ đã bị chủ nhân ông đồng hóa. Một con ma cà rồng khả hữu như vậy có thể rút cạn mọi sức lực của người chỉ nội trong vài phút.

Ma cà rồng không có lợi ích bao nhiêu nhờ sinh khí mà mình cướp bóc được của người khác, bởi vì hệ thống của chính y có khuynh hướng phung phí điều mà y thủ đắc được nhưng chưa đồng hóa được bao nhiêu. Một người trong tình trạng này cần được trị liệu bằng khoa thôi miên mesmer, hạn chế nghiêm ngặt lượng Prana cung cấp cho y đến khi tính đàn hồi của Thể Phách đã được phục hồi, sao cho sự bòn rút và sự rò rỉ không còn nữa. Sự rò rỉ sinh khí diễn ra thông qua mỗi lỗ chân lông trong cơ thể hơn là thông qua bất kỳ bộ phận nào trong cơ thể.

Trong một vài trường hợp bất bình thường thì một thực thể khác có thể toan tính chiếm hữu hoặc ám thể xác của người khác. Hoặc lại nữa, nó có thể cần phải ngủ, nghĩa là trong một toa xe lửa, ở lân cận những người thuộc loại ma cà rồng có sự phóng phát thô trực và không đáng mong muốn; hoặc học viên có thể viếng thăm những người hoặc những nơi mà bệnh tật hoành hành.

Một số người cũng nhạy cảm đến nỗi họ thường mô phỏng lại trong cơ thể của chính mình các triệu chứng của những người khác vốn yếu ớt và bệnh hoạn; những người khác lại chịu đau khổ đáng kể do việc không ngừng tác động những rung động đa tạp của một thành thị ồn ào náo nhiệt.

Trong tất cả những trường hợp này, ta có thể thuận lợi sử dụng một lớp vỏ dĩ thái để che chở cho bản thân. Tuy nhiên ta nên lưu ý rằng, một lớp vỏ dĩ thái giữ cho chất dĩ thái không *thoát ra* thì cũng giữ cho chất dĩ thái không *nhập vào* được và vì vậy những sự phóng phát dĩ thái của chính mình (nhiều thứ giống như chất độc) ắt được duy trì bên trong lớp vỏ.

Lớp vỏ được thực hiện bằng một nỗ lực ý chí và tưởng tượng. Nó có thể được thực hiện theo hai cách. Hoặc là ngoại biên của hào quang dĩ thái vốn bám theo hình dáng và hơi lớn hơn thể xác một chút, có thể được làm cho cô đặc lại hoặc người ta có thể chế ra một lớp vỏ chất dĩ thái hình giống quả trứng từ bầu không khí ở xung quanh. Lớp vỏ này nên thực hiện mặc dù nó đòi hỏi phải vận dụng ý chí lớn lao hơn nhiều và hiểu biết dứt khoát hơn về đường lối uốn nắn vật chất trên cõi trần.

Học viên nào muốn bảo vệ thể xác của mình trong lúc ngủ nhờ vào một lớp vỏ bằng chất dĩ thái ắt phải cẩn thận khiến cho lớp vỏ này làm bằng chất dĩ thái không phải chất của cõi trung giới. Ta ghi lại trường hợp một học viên đã phạm lỗi với hậu quả là thể xác bị bỏ cho hoàn toàn không được bảo vệ, trong khi bản thân y trôi nổi bên trong một lớp vỏ bằng

chất côi trung giới không thể xuyên thấu được, nó khiến cho không điều gì xuyên qua được để đến với tâm thức bị giam nhốt bên trong.

Việc tạo ra một lớp vỏ bằng chất dĩ thái trước khi đi ngủ có thể góp phần giúp cho những trải nghiệm của Chơn ngã xâm nhập vào ý thức tỉnh táo bằng cách ngăn ngừa những tư tưởng luôn luôn trôi nổi trong thế giới dĩ thái và thường xuyên tấn công các hạ thể, khỏi nhập vào bộ óc dĩ thái đang thiu thiu ngủ rồi bị trộn lẫn với những tư tưởng của chính bộ óc dĩ thái ấy.

Bộ phận dĩ thái của bộ óc, vốn là sân chơi của óc tưởng tượng sáng tạo, đóng một vai trò tích cực trong những giấc mơ, nhất là những giấc mơ gây ra do những ấn tượng từ bên ngoài, hoặc do bất kỳ áp lực bên trong nào xuất phát từ các mạch máu của bộ óc. Các giấc mơ thường mang đầy kịch tính, bởi vì nó rút tĩa những nội dung đã tích lũy trong óc phàm, sắp xếp, phân rã, rồi tái tổ hợp những thứ này theo óc hoang tưởng của riêng mình, thế là sáng tạo ra thế giới hạ đẳng của giấc mơ.

Phương pháp tốt nhất để cho trong khi thức tỉnh, thực tế vẫn không chịu tác động tư tưởng xuất phát từ bên ngoài đó là việc giữ cho bộ óc được sử dụng hết công suất thay vì bỏ cho nó vô công rồi nghề, cánh cửa ắt mở rộng cho các luồng tư tưởng hỗn loạn tiền hậu bất nhất tuôn đổ vào.

Trong khi ngủ, bộ phận dĩ thái của bộ óc dĩ nhiên còn chịu ảnh hưởng nhiều hơn nữa của những dòng tư tưởng bên ngoài. Nhờ vào những phương cách nêu trên, học viên ắt có thể giữ cho mình thoát khỏi những chuyện rối rắm ấy. Trong một số trường hợp thì ta không cần tạo ra một lớp vỏ bao xung quanh toàn bộ cơ thể mà chỉ cần một lá chắn cục bộ nhỏ nhỏ để giữ cho cơ thể không tiếp xúc với một loại đặc biệt.

Thế là một số người nhạy cảm ắt đau khổ cực kỳ chỉ vì bắt tay những người khác. Trong những trường hợp như thế, ta có thể tạo ra một lá chắn nhất thời bằng chất dĩ thái, dùng nỗ lực của ý chí và óc tưởng tượng để hoàn toàn ngăn ngừa cho bàn tay và cánh tay khỏi sự xâm nhập của một hạt có tích đầy từ khí không đáng mong muốn.

Những lá chắn giống như thế còn được dùng để ngăn ngừa chống lại lửa, mặc dù muốn đạt mục đích ấy thì ta cần có sự hiểu biết lớn lao hơn nhiều về khoa pháp thuật thực hành. Những lá chắn bằng chất dĩ thái mà lớp mỏng nhất có thể bị điều chế sao cho hoàn toàn cách nhiệt, những lá chắn ấy có thể được phủ trên bàn tay, bàn chân hoặc trên đá nóng bỏng hay những chất khác được sử dụng trong những buổi lễ đi trên đám lửa mà người ta vẫn còn thực hành ở một số nơi trên thế giới. Ta cũng đôi khi thấy có hiện tượng này trong những buổi lên đồng thần linh học, người lên đồng có thể cầm những cục than cháy đỏ mà không bị tổn hại.

Có nhiên, ta ắt nhận thấy rằng những lớp vỏ và lá chắn mà ta đang nói tới là thuần túy thuộc chất dĩ thái, vì vậy không có tác dụng ngăn ngừa các ảnh hưởng của côi trung giới hoặc côi trí tuệ, vì mục đích ấy ta phải sử dụng những lớp vỏ bằng vật liệu của các côi này; tuy nhiên ở đây ta không bàn tới những thứ ấy.

CHƯƠNG XX THUẬT ĐỒNG CỐT

Một người đồng cốt là một người có cơ thể được tổ chức bất bình thường sao cho Thể Phách và Thể Xác dễ dàng tách rời ra khỏi nhau. Khi bị trục xuất ra thì Thể Phách phần lớn là cung cấp cơ sở vật lý cho “sự hiện hình”.

Những hình dáng hiện ra như thế thường được hạn chế ngay ở lân cận người đồng cốt, vật chất cấu tạo thành chúng chịu một sức hút thường xuyên lôi kéo nó trở lại cơ thể phát xuất ra nó, sao cho nó nếu bị giữ cách quá xa người đồng cốt thì hình thể ấy sẽ suy sụp, vật chất cấu tạo thành nó ngay tức khắc dội trở về nguồn gốc.

Những hình thể như vậy chỉ có thể tồn tại trong vài phút giây ngắn ngủi ở giữa những rung động mãnh liệt của ánh sáng chói chang.

Tình trạng đồng cốt nói chung là nguy hiểm và may thay tương đối hiếm hoi: nó làm nảy sinh ra sự căng thẳng thần kinh và rối loạn ghê gớm. Khi Thể Phách bị trục xuất thì Thể Phách bị xé toạc ra làm đôi, toàn bộ Thể Phách không thể bị tách rời khỏi xác phàm mà không gây ra sự chết, bởi vì Sinh lực tức Prana không thể lưu hành nếu không có chất dĩ thái. Ngay cả việc Thể Phách bị triệt thoái một phần cũng tạo ra cho thể xác sự hôn thụy và hầu như tạm ngưng các hoạt động mang tính sống còn: tình huống nguy hiểm này thường được nối tiếp theo sau bằng sự kiệt quệ tột độ. (Xem Chương I trang 5).

Sự cạn kiệt khủng khiếp về sinh khí do phương tiện giúp cho Prana lưu hành bị triệt thoái chính là lý do khiến các đồng cốt thường xuyên ở trạng thái suy sụp sau mỗi buổi lên đồng mà cũng như lý do biết bao nhiêu người đồng cốt rút cuộc trở nên kẻ nghiện rượu; chất kích thích ấy được hấp thụ vào để thỏa mãn lòng khao khát khủng khiếp được trợ lực do đột ngột bị mất sức.

Ở trang 41 của tác phẩm *Những Cuộc Khảo Cứu*, ngài William Crookes có viết: “Sau khi chứng kiến tình trạng khốn khổ kiệt quệ thể xác và thần kinh mà một số cuộc thí nghiệm đối với ông Home đã để lại di chứng nơi ông – sau khi thấy ông nằm mọp trong tình trạng hầu như là ngất xỉu trên sàn nhà, xanh mét và không nói được nên lời – thì tôi hầu như chẳng còn nghi ngờ gì nữa là sự tiến triển của cái lực thông linh ấy có kèm theo sự bòn rút sinh lực tương ứng”.

Tình hình này gần giống như tình trạng sốc tiếp theo sau một cuộc giải phẫu.

Trong một buổi lên đồng Thần linh học, nhà thần nhãn có thể thấy Thể Phách thường rịn ra từ phía bên trái của người đồng cốt, mặc dù đôi khi từ khắp cả bề mặt trên cơ thể, và chính thứ này thường xuất hiện thành “vong linh hiện hình”, dễ bị uốn nắn bởi tư tưởng của người đồng cốt thành ra đủ thứ hình dạng và có được sức mạnh cũng như sinh lực khi người đồng cốt đắm chìm vào sự xuất thần sâu. Dĩ nhiên thì điều này thường xảy ra mà không có bất kỳ nỗ lực hữu thức nào về phần người lên đồng; tuy nhiên nó có thể được thành tựu một cách cố ý. Vì thế, H. P. Blavatsky đã phát biểu rằng trong các hiện tượng lạ đáng chú ý ở nông trại Eddy, bà đã cố tình uốn nắn hình dạng “vong linh” xuất hiện thành đủ thứ hình dáng mà những người ngồi đồng có mặt nhìn thấy được.

Mặc dù vật chất dĩ thái được uốn nắn thành các hình dạng “vong linh” như thể vốn vô hình đối với mắt phàm; tuy nhiên nó có thể ảnh hưởng tới kính ảnh (photographic plate), kính ảnh bén nhạy đối với một vài bước sóng mà mắt người không chịu ảnh hưởng. Đây là cơ sở lý luận của nhiều trường hợp được ghi chép lại khi “hình dáng các vong linh” xuất hiện trên âm bản của một bức ảnh chân dung thông thường.

Hơn nữa, xét về vật chất thuộc Thể Phách của người đồng cốt thì trong các buổi lên đồng thường xảy ra việc vật chất dĩ thái cũng bị rút ra khỏi cơ thể của người ngồi đồng: vì thế cho nên những người tham gia buổi lên đồng thường cảm thấy mệt mỏi.

Chỉ trong tình huống hoàn toàn thụ động thì người ta mới có thể rút ra nhiều vật chất từ thể xác mà không gây nguy hiểm cho tính mạng. Mặc dù người đồng cốt lúc nào cũng có ý thức xét về bối cảnh, thể nhưng bất kỳ toan tính nào nhằm khẳng định cá tính hoặc suy nghĩ mạch lạc đều tức khắc làm yếu đi hình dáng đã hiện hình hoặc khiến cho nó bị lùi về “phòng kín”. Một sự xúc động đột ngột hoặc xáo trộn hoặc bất kỳ toan tính nào nhằm tóm lấy “hình dáng của vong linh” thường gây ra nguy hiểm ở mức cao nhất hoặc thậm chí có thể gây chết người.

Ngoài việc phóng xuất chất dĩ thái, trong nhiều trường hợp vật chất của xác phàm có lẽ chủ yếu là chất khí và chất lỏng đồng thời cũng bị lấy ra khỏi cơ thể của người đồng cốt. Có nhiều trường hợp được ghi chép lại khi trong lúc hiện hình, cơ thể của người đồng cốt nhăn nhúm lại thấy rõ, nghe đầu đang vể co quắp nhăn nheo của khuôn mặt đặc biệt mang tính ma quái và thật không dễ nhìn. Khi thật sự được cân lên thì người ta thấy thể xác của người đồng cốt giảm đi tới mức 40 cân Anh so với mức bình thường, trong khi trọng lượng của hình dáng hiện ra ít nhất cũng bị giảm đi bằng mức suy giảm của người đồng cốt, và thường nhiều hơn thế vì giả định rằng nó còn rút ra một số vật chất thô trực từ cơ thể của người ngồi đồng. Trong một trường hợp nổi tiếng thì hình dáng hiện ra mang theo cơ thể đã bị suy giảm của người đồng cốt là ông Eglington.

Đối với một thực thể cõi Trung giới muốn “biểu lộ” hoặc tạo ra một hiện tượng nào đó trên cõi trần thì một người đồng cốt phục vụ cho mục đích cung ứng chất dĩ thái cần thiết vốn đóng vai trò trung gian truyền đạt lực cõi Trung giới biến thành vật chất trên cõi trần.

Một quá trình hơi giống như vậy xảy ra khi một người nghiện rượu đã chết lờn xung quanh một quán rượu, khoác lấy xung quanh mình một lớp vỏ bằng chất dĩ thái để cho y có thể hấp thụ mùi vị rượu mà y đã thèm khát. Vì không thể nếm rượu theo cách thông thường như chúng ta, cho nên y ra sức xúi giục người khác uống rượu để cho y có thể xâm nhập phần nào vào thể xác của người ấy; như vậy một lần nữa trực tiếp trải nghiệm sự nếm trải ấy cũng như các cảm giác khác mà y ham muốn mãnh liệt xiết bao.

Đôi khi chỉ có đủ chất dĩ thái bị rút ra khỏi một đồng cốt để tạo nên một bàn tay dĩ thái hoặc thậm chí cũng đủ cho các ngón tay cầm lấy bút chì và viết, hoặc khiến cho những “tiếng gõ” có thể được thực hiện, lật úp các vật hoặc di chuyển các đồ vật v.v. . . Thường thường thì chất dĩ thái cũng như chất hồng trần thô trực được rút ra từ người đồng cốt và dùng để che lên một hình dáng cõi Trung giới vừa đủ để khiến cho hình dáng ấy được những người ngồi đồng nhìn thấy, hình dáng được nhìn thấy như vậy không phải là hình nổi đặc mà chỉ là một lớp màn mỏng.

Tuy nhiên, lớp vải trải giường của “vong linh” rất thông dụng trong các buổi lên đồng thường được làm từ quần áo của người đồng cốt hoặc một người lên đồng. Kết cấu có thể hoàn toàn thô thiển hoặc cực kỳ tinh vi; thật vậy còn tinh xảo hơn bất kỳ sản phẩm nào của khung cửi Đông phương. Đôi khi vải trải giường như thế có thể được rút ra từ phòng lên đồng, có lúc tồn tại được hằng năm, có lúc mờ nhạt đi chỉ trong một tiếng đồng hồ hoặc thậm chí chỉ trong vòng vài phút.

Ngoại trừ trường hợp rất hiếm hoi khi người ta đã tiến hành mọi sự phòng ngừa có thể, thì chắc chắn là việc thực hành thuật đồng cốt là tai hại và có thể cực kỳ nguy hiểm. Song lẽ ta phải thừa nhận rằng nhờ thuật đồng cốt mà một số lớn người đã biết được hoặc tin tưởng vào thực tại của thế giới vô hình cũng như vong linh còn tiếp tục sinh hoạt sau khi chết. Mặt

khác ta có thể lập luận rằng kiến thức và niềm tin ấy cũng có thể đạt được bằng những phương pháp khác ít tai hại hơn.

Chẳng hạn như một huyền bí gia lão luyện liên kết với bất kỳ trường phái “pháp thuật chánh đạo” nào, ắt chẳng bao giờ can thiệp vào Thể Phách của bất cứ người nào nhằm tạo ra một sự hiện hình; ông cũng chẳng làm xáo trộn Thể Phách của chính mình nếu ông muốn cho mình được người khác nhìn thấy ở cách xa. Ông chỉ việc ngưng tụ lại và xây dựng vào xung quanh Thể Vía của mình một lượng đầy đủ chất dĩ thái ở xung quanh để hiện hình ra được, rồi giữ cho nó ở dưới hình dạng ấy bằng một nỗ lực ý chí chừng nào mà mình còn cần tới.

Hầu hết các vong linh hướng dẫn đều thừa biết những nguy hiểm mà người đồng cốt phải chịu, cho nên cũng áp dụng những biện pháp phòng ngừa trong quyền năng của mình để che chở cho người đồng cốt. Ngay cả các “vong linh” cũng bị tổn thương khi chẳng hạn như một hình dáng hiện ra bị đánh đập hoặc bị thương do môi quan hệ mật thiết được xác lập giữa chất dĩ thái của hình thái được hiện ra và chất trung giới trong cơ thể của “vong linh”.

Dĩ nhiên, thật đúng là không một vũ khí trên cõi trần nào có thể ảnh hưởng tới một Thể Vía, nhưng việc làm tổn thương hình dáng hiện ra có thể được truyền tới cho Thể Vía qua hiện tượng mà ta gọi là “sự phản kích”.

Do sự kiện là trong khi hiện hình, vật chất có thể được vay mượn từ mọi người lên đồng hiện diện cũng như từ người đồng cốt, cho nên sự pha trộn đáng kể vật chất như thế có thể xảy ra, do đó những phẩm chất bất hảo hoặc thói xấu nơi bất cứ người lên đồng nào cũng có thể phản tác động lên những người khác và nhất là lên người đồng cốt; y bị thu hút nhiều nhất và hầu như chắc chắn là người nhạy cảm nhất đang có mặt. Chất độc nicotine và rượu đường như đặc biệt có thể tạo ra những tác dụng tai hại về mặt này. Những người đồng cốt cấp thấp tất nhiên thu hút những thực thể trung giới rõ rệt là bất hảo, chúng có thể tăng cường sinh khí của chính mình mà gây thiệt hại cho người đồng cốt và người lên đồng. Một “âm ma” như thế thậm chí có thể đeo bám theo bất cứ người nào hiện diện có trình độ thấp kém với hậu quả rất đáng quan ngại.

Người ta biết có những trường hợp một thực thể ngoại lai nào đó hoặc đang nhập thể hoặc không nhập thể, đã chiếm xác của một người đang ngủ, sử dụng nó cho mục đích của riêng mình, có lẽ trong khi mộng du. Điều này rất có thể xảy ra đối với một người mang tính đồng cốt.

CHƯƠNG XXI

CÔNG TRÌNH CỦA BÁC SĨ WALTER J. KILNER

Trong tác phẩm tên là *Bầu Hào quang của Con người* (năm 1911), Bác sĩ W. J. Kilner mô tả những cuộc khảo cứu được ông thực hiện đối với hào quang của con người nhờ vào những bức màn có nhuộm màu. Những nguyên tắc chính yếu và khám phá của bác sĩ Kilner được tóm tắt ở chương này. Muốn biết chi tiết hơn, nhất là cách thức sử dụng những bức màn, xin bạn đọc hãy tham chiếu quyển sách vừa nêu.

Thật thú vị mà lưu ý rằng bác sĩ Kilner công khai chối bỏ mọi năng lực thần nhãn và thậm chí không hề đọc những bài tường thuật về hào quang mãi cho tới khi ông đã khảo sát hơn 60 bệnh nhân. Ông rêu rao rằng phương pháp của mình thuần túy là vật lý và bất cứ ai mắt công đều có thể sử dụng phương pháp này thành công.

Những bức màn là những ve thủy tinh mỏng và giẹp, có chứa chất nhuộm dicyanin pha vào rượu. Người ta sử dụng đủ thứ màu sắc với đủ thứ mục đích khác nhau, chẳng hạn như màu son sẫm và lợt, màu xanh lơ, xanh lục và vàng.

Người thao tác nhìn qua một bức màn sẫm có ánh sáng trong vòng nửa phút hoặc lâu hơn thế, rồi nhìn vào bệnh nhân qua một bức màn lợt thì thấy mình có thể nhận thức được hào quang. Việc dùng những bức màn dường như ảnh hưởng tới cặp mắt, thoát đầu chỉ tạm thời rồi sau này là vĩnh viễn, sao cho sau một thời gian thì người thao tác có thể nhận thức được hào quang mà thậm chí không cần tới các bức màn vì mắt có khuynh hướng trở nên rất đau đớn.

Người ta nên dùng một ánh sáng phân tán lờ mờ chỉ từ một hướng thôi, tốt nhất là phía đằng sau người quan sát, thường thường đủ khiến cho có thể thấy được cơ thể rõ ràng. Người ta thường cần tới bối cảnh màu trắng. Người được quan sát nên đứng phía trước bối cảnh chừng 12 phân Anh để tránh các bóng chiều và những ảo giác quang học khác.

Ngoài những bức màn màu ra, bác sĩ Kilner còn dùng một phương pháp tài tình khác nhằm khảo cứu hào quang mà ông gọi là Bỏ sung Màu sắc. Ông nhìn chăm chú vào một dải màu sắc, mỗi bên là hai phân Anh đã được chiếu sáng rất rõ trong vòng từ 30 tới 60 giây. Việc này có tác dụng làm mỗi khả năng nhận thức đối với màu đặc biệt ấy, hơn nữa người ta thấy mắt trở nên nhạy cảm bất thường đối với những màu khác. Thế rồi khi người ta chuyển một tấm gạc cho bệnh nhân thì người ta thấy có một dải băng màu phụ trợ cùng kích thước và hình dáng với dải băng nguyên thủy: “bóng ma” này chỉ tồn tại một thời gian ngắn. Về thực hành thì người ta thấy rằng màu sắc thay đổi trong hào quang tạo ra hiệu ứng làm thay đổi dáng vẻ của dải băng Màu Bỏ sung. Nhờ phương pháp ấy qua tay của những người khéo léo, người ta có thể nhận biết được một số sự kiện về hào quang mà chỉ dùng các bức màn không thôi thì vẫn không dò ra được. Các màu mà bác sĩ Kilner sử dụng là:

- 1- Màu thư hoàng có dải băng màu Xanh lơ Phổ là Màu Bỏ sung.
- 2- Màu xanh lơ Antwerp có màu Thư hoàng là Màu Bỏ sung.
- 3- Màu đỏ son có màu xanh lục ngọc bích trong suốt là Màu Bỏ sung.
- 4- Màu xanh lục ngọc bích có màu đỏ son là Màu Bỏ sung.

Hào quang quan sát được bao gồm ba bộ phận riêng biệt mà bác sĩ Kilner gọi là:

- 1- Thể Phách
- 2- Nội Hào quang
- 3- Ngoại Hào quang

Thể Phách xuất hiện thông qua các bức màn là một dải băng sẫm cận kề và theo sát đường viền của thể xác. Bề rộng của nó đồng nhất khắp nơi thường bằng 1/16 tới 3/16 của

một phân Anh. Kích thước của nó biến thiên theo những người khác nhau, cũng như biến thiên theo cùng một người trong những tình huống thay đổi. Nó có vẻ hoàn toàn trong suốt, rõ rệt có vân gồm những đường tinh vi màu hoa hồng rất đẹp, những đường này có vẻ chiếm những phần ở bên giữa các vân. Màu hoa hồng chắc chắn chứa đựng màu xanh lơ hơn là màu đỏ son. Những đường này dường như có lẽ tự chiếu sáng. Mãi cho tới nay thì người ta chưa tìm ra được những thuộc tính hoặc những biến đổi nào trong Thở Phách có thể giúp cho việc chẩn đoán bệnh.

Nội Hào quang bắt đầu từ mép ngoài của Thở Phách, mặc dù dường như nó tiếp xúc với chính thể xác. Nó thường là một dải rộng đồng đều từ 2 tới 4 phân Anh ở khắp nơi, mặc dù đôi khi hơi hẹp lại ở phần tứ chi, và nó bám theo đường viền của cơ thể. Nó tương đối rộng hơn ở trẻ con so với người lớn. Cấu trúc của nó có dạng hạt, các hạt này cực kỳ mịn và được sắp xếp sao cho có vẻ có vân. Các vân song song với nhau và vuông góc với cơ thể, họp lại thành bó, vân dài nhất ở trung tâm, vân ngắn nhất ở ngoại biên có chu vi hình tròn. Các bó xếp lại với nhau tạo thành đường viền có khía của hào quang. Người ta không quan sát thấy những vân này có màu gì. Khi đau yếu thì các vân không rõ rệt như lúc khỏe mạnh.

Nội Hào quang là bộ phận thô nhất của chính hào quang. Nó thường có chu vi rõ rệt hơn và rộng rãi hơn nơi những người khỏe mạnh cường tráng.

Ngoại Hào quang bắt đầu từ mép ngoài của *Nội Hào quang* và không giống như *Nội Hào quang*, nó biến thiên đáng kể về kích thước. Xung quanh đầu nó thường trải rộng ra vào khoảng hai phân Anh vượt quá vai; ở hai bên sườn và phía sau lưng thân người thì nó rộng khoảng 4 hay 5 phân Anh, ở phía trước thân người thì nó hơi hẹp hơn một chút. Nó bám sát đường viền của cơ thể, đôi khi hơi hẹp hơn khi ở các hạ chi. Xung quanh cánh tay thì nó tương ứng với vùng bao quanh cẳng chân, nhưng nó thường rộng hơn xung quanh bàn tay và thường phóng ra một khoảng cách dài từ đầu mút ngón tay. Đường nét của nó không hoàn toàn sắc sảo mà dần dần biến mất tan hòa vào không gian. *Ngoại Hào quang* dường như không có cấu trúc và không chiếu sáng. Phần bên trong của *Ngoại Hào quang* có những hạt lớn hơn phần bên ngoài, những kích thước khác nhau được phân bậc không nhận ra được đan xen vào nhau.

Hào quang của bé trai và bé gái mãi tới tuổi 12 hay 13 dường như giống nhau, ngoại trừ sự kiện kết cấu của hào quang nữ thường mịn hơn kết cấu của hào quang nam. Từ tuổi thanh niên trở đi, hào quang nam và nữ phân biệt với nhau: tuy nhiên nơi cả hai vẫn có những đặc điểm đáng kể. Hào quang nữ thường rộng hơn ở hai bên sườn cơ thể, bề rộng tối đa ở thắt lưng, ở phía sau lưng cũng rộng hơn phía trước mặt, phần rộng nhất ở phía lưng bị uốn vào nơi mà nó lại thường phình ra.

Bác sĩ Kilner xét thấy một hình dáng gần giống như hình bầu dục hoặc quả trứng là hình dáng hoàn hảo nhất, lệch khỏi hình dáng này thường do kém phát triển. Tính tinh xảo và trong suốt có thể được coi là biểu thị một loại hào quang cao cấp hơn.

Trẻ con có hào quang tương đối rộng hơn so với người lớn xét theo tỉ lệ đối với chiều cao. Trẻ con, nhất là bé trai, cũng có *Nội Hào quang* hầu như rộng bằng *Ngoại Hào quang*, sao cho có thể khó phân biệt được hai hào quang này.

Những người thông minh thường có hào quang rộng lớn hơn những người thiếu trí. Điều này đặc biệt nổi bật xung quanh vùng đầu. Hào quang càng có nhiều màu xám thì chủ nhân càng đàn độn hoặc bị ảnh hưởng tâm thần.

Đôi khi ta có thể thấy một hơi sương mù mờ nhạt trải ra bên ngoài ở khoảng cách rất xa vượt quá *Ngoại Hào quang*. Ta chỉ quan sát được điều này ở nơi hào quang mở rộng bất

bình thường, và nó dường như có lẽ là phần nối tiếp của Ngoại Hào quang. Bác sĩ Kilner gọi nó là Tối Ngoại Hào quang.

Người ta đã quan sát thấy các mảnh sáng, các tia và các luồng xuất phát từ đủ thứ bộ phận trong cơ thể. Đôi khi chúng xuất hiện rồi biến mất nhanh chóng, có khi chúng lại trường tồn. Các mảnh thì chẳng bao giờ thấy có màu, các tia thường cũng không có màu, mặc dù thỉnh thoảng có nhuộm màu sắc thái khác nhau. Khi điều này xảy ra thì hào quang thường thô trực hơn.

Có ba biến thể:

1. Các Tia hoặc các Mảnh lọt lọt hơn hào quang phía xung quanh, hoàn toàn tách rời khỏi nhưng vẫn kề cận cơ thể, xuất hiện trong và bị bao bọc bởi chính hào quang. Dưới dạng thông thường nhất thì chúng thuôn thuôn với trục bề dài song song với cơ thể. Hai phía của chúng thường phân biệt, trùng hợp chính xác với mép của Nội Hào quang, nhưng đầu mút thường co lại và ít sáng sủa hơn, thường mờ nhạt đi lần vào hào quang kế cận.

Nội Hào quang bên trong Tia (nhưng không luôn luôn) thường mất đi đáng kể có vân và trở nên có dạng hạt. Tia càng kéo dài lâu thì các hạt càng trở nên thô hơn.

2. Các Tia xuất phát từ một phần của cơ thể và chạy tới phần khác không cách xa lắm. Những Tia này thường chói sáng nhất. Ta có thể nhận thức chúng chạy chẳng hạn từ cơ thể sang cánh tay hoặc nếu cánh tay bị bẻ cong thì từ nách tới cổ tay.

Nếu người quan sát để tay gần bệnh nhân thì hào quang của cả hai hầu như luôn luôn trở nên sáng hơn xét về cục bộ, và trong một thời gian ngắn có một Tia hoàn chỉnh được tạo thành giữa bàn tay và bộ phận gần nhất của bệnh nhân. Những Tia như thế được tạo thành dễ hơn giữa các điểm so với giữa các bề mặt.

Có một ví dụ là một Tia từ bàn tay của người này chạy sang bàn tay người khác là một Tia màu vàng lọt chuyển thành màu hồng ngọc lỏng.

3. Các Tia phóng ra vuông góc với cơ thể chiếu vào không gian sáng rực hơn xa tới tận và thậm chí vượt quá Ngoại Hào quang. Cạnh của các Tia (mặc dù không luôn luôn) thường song song với nhau và hiếm khi có dạng hình quạt; các đầu mút nhọn hoắt và mờ nhạt dần khi ra xa, nhất là khi phóng ra từ đầu mút ngón tay.

Người ta chưa bao giờ quan sát thấy có Tia nào khác hơn đường thẳng. Hướng thông thường của chúng là vuông góc với cơ thể, nhưng chúng có thể chọn theo bất kỳ hướng nào, chẳng hạn như khi chảy từ đầu mút ngón tay của người này sang đầu mút ngón tay người kia.

Ngoài các màu xám xanh xanh, người ta đã quan sát thấy màu đỏ và màu vàng điểm tô sắc thái cho các Tia. Sự kiện cấu trúc của chúng giống như cấu trúc của Nội Hào quang và người ta chưa bao giờ quan sát thấy chúng làm suy giảm Ngoại Hào quang kế cận về mật độ và độ sáng, biện minh cho kết luận các Tia và Nội Hào quang có một nguồn gốc chung là cơ thể, và vì vậy một Tia chỉ là một bó kéo dài các vân của Nội Hào quang.

Bác sĩ Kilner cũng đã tìm thấy rằng trong những tình huống tương tự (mặc dù khó khăn hơn) ông có thể nhận thức được một vàng hơi sương mù hoặc Hào quang bao xung quanh các nam châm, nhất là ở các cực, có màu xanh xanh: Hào quang màu vàng xung quanh một tinh thể nitrate uranium; Hào quang màu xanh xanh xung quanh cực của các pin điện, xung quanh bất cứ dây dẫn nào nối liền hai cực và ở khoảng trống giữa hai sợi dây nối liền mỗi sợi với một cực và nối liền với nhau.

Từ những sự kiện (1) Nội Hào quang có cấu trúc vân, còn Ngoại Hào quang mờ mờ như tinh vân; (2) Nội Hào quang có một biên được xác định rõ rệt, còn Ngoại Hào quang không có bất kỳ biên nào tương ứng với nó; (3) mép ngoài của Nội Hào quang có khía, còn mép

ngoài của Ngoại Hào quang tuyệt nhiên không tương ứng với nó; (4) các Tia xuất phát từ Nội Hào quang nhưng không có trường hợp nào ta quan sát thấy chúng bắt đầu từ Ngoại Hào quang rồi đi qua Nội Hào quang - Bác sĩ Kilner kết luận rằng: (1) Ngoại Hào quang rất có thể xuất phát từ Nội Hào quang; (2) hai loại Hào quang này rất có thể không phải là sản phẩm của cùng một lực.

Do đó Bác sĩ Kilner nêu định đề như sau: (1) có một Lực Hào quang thứ nhất vốn bắt nguồn từ Nội Hào quang; (2) có một Lực Hào quang thứ nhì bắt nguồn từ Ngoại Hào quang. Lực Hào quang thứ nhất xét theo biểu kiến tác dụng rất mạnh trong nội bộ một vùng được qui định. Do sự tăng cường cục bộ của thần lực, các Tia có thể được phóng chiếu ra một cách hữu thức nhờ vào nỗ lực của ý chí. Lực Hào quang thứ nhì linh động hơn và có tầm tác động rộng rãi hơn so với Lực hào quang thứ nhất. Nó dường như hoàn toàn độc lập với ý chí.

Các trạng thái sức khỏe khác nhau, về mặt tổng quát hoặc cục bộ, đều tác động lên các lực và thông qua chúng tác động lên các Hào quang, mặc dù không nhất thiết theo cùng một cách thức đối với cả Nội Hào quang lẫn Ngoại Hào quang.

Một bệnh cục bộ có thể khiến cho mọi vận biến mất nơi Nội Hào quang, Nội Hào quang trở nên mờ đục hơn và thô đặc hơn, thay đổi màu sắc; nó cũng có thể có vẻ có những Tia hơi thô, theo một cách thức khác hẳn với những vận mịn về sức khỏe hoặc nó có thể tạo thành một khoảng trống không có Nội Hào quang.

Một bệnh tác động lên phần lớn cơ thể có thể khiến cho Nội Hào quang hẹp về một phía của cơ thể so với phía kia; điều này có kèm theo một sự biến đổi kết cấu nơi Nội Hào quang và cũng thường là thay đổi màu sắc.

Những biến thiên về Ngoại Hào quang do hậu quả của Lực Hào quang thứ nhì ít ít hơn trong trường hợp Nội Hào quang. Bề rộng có thể co lại nhưng không bao giờ hoàn toàn biến mất và màu sắc có thể thay đổi. Một sự thay đổi nơi một vùng rộng lớn của cơ thể có thể làm biến đổi hoàn toàn hình dáng của Ngoại Hào quang. Ngoại Hào quang có thể trở nên chật hẹp hơn còn Nội Hào quang không bị ảnh hưởng, nhưng nếu Nội Hào quang co lại thì Ngoại Hào quang cũng co lại theo.

Bệnh tật có thể gây ra những biến đổi về Hào quang. Trong chứng cuồng thần kinh, Ngoại Hào quang rộng lớn hơn ở hai bên thân mình; bề rộng của nó đột nhiên thất lại ở gần xương mu và một chỗ phình lại xảy ra ở phía sau vùng thắt lưng.

Trong bệnh động kinh, một phía của cả Nội Hào quang lẫn Ngoại Hào quang trong suốt cả chiều dài thường bị co lại; Nội Hào quang trở nên mờ đục, kết cấu thô hơn và các đường vận giảm đi hoặc biến mất. Màu sắc thường là màu xám.

Một sự co rút Nội Hào quang luôn luôn hàm ý là bệnh nặng. Đôi khi người ta quan sát thấy Hào quang bị hoàn toàn cắt đứt.

Nội Hào quang không thay đổi nhiều về hình dạng hoặc kích thước mà lại thay đổi đáng kể về kết cấu. Ngoại Hào quang thường thay đổi rộng rãi hơn về hình dạng và kích thước, nhưng hầu như thay đổi không đáng kể về kết cấu.

Trong trường hợp bệnh tật, triệu chứng bệnh sớm nhất là giảm hoặc mất hẳn đường vận; cùng với triệu chứng này, các hạt trở nên thô hơn, xét theo biểu kiến thì hạt thô này là do sự hỗn hợp của các hạt nhỏ hơn.

Sự rối loạn Nội Hào quang có kèm theo sự biến đổi *song hành* của Ngoại Hào quang.

Việc chuẩn bị mắt nhờ vào các màn che khiến cho ta khó thẩm định được chính xác những biến thiên về màu sắc của hào quang. Màu sắc chủ yếu có vẻ chuyển từ màu xanh lơ sang màu xám, màu sắc tùy thuộc vào tính khí và các năng lực tinh thần nhiều hơn tùy thuộc

vào những biến đổi sức khỏe của thể chất. Sức sống về trí tuệ càng lớn thì Hào quang càng có màu xanh lơ, năng lực trí tuệ yếu kém có khuynh hướng khiến cho Hào quang màu xám.

Bác sĩ Kilner tiến hành một vài thí nghiệm chứng tỏ rằng chẳng những các Tia có thể được phóng chiếu ra khỏi nhiều bộ phận trong cơ thể nhờ vào một nỗ lực của ý chí, mà màu sắc của một Tia hoặc một phần của Hào quang cũng có thể biến thiên theo nỗ lực của ý chí. Màu vàng, màu đỏ và xanh lơ đã được tạo ra bằng cách này; ta thấy màu xanh lơ dễ tạo ra nhất còn màu vàng thì khó tạo ra nhất.

Việc nghiên cứu cẩn thận những kết quả của bác sĩ Kilner tiết lộ rằng những kết quả ấy phù hợp chính xác đáng kể với những kết quả thu được bằng thần nhãn. Tuy nhiên, bác sĩ Kilner dường như đã nghiên cứu tỉ mỉ hơn về một số phương diện cấu trúc của Hào quang và những tác dụng của bệnh tật đối với nó. Điều mà bác sĩ Kilner gọi là Thể Phách hiển nhiên đồng nhất với cái mà các nhà thần nhãn cũng miêu tả là Thể Phách. Những đường vân trong Nội Hào quang của bác sĩ Kilner rõ rệt giống như Hào quang sức khỏe (Xem chương IV, trang 32). Đối với người viết tác phẩm này thì điều mà bác sĩ Kilner mô tả là Ngoại Hào quang, dường như bao gồm các hạt dĩ thái đã bị rút hết Prana và vật chất dĩ thái khác bị cơ thể thải ra (Xem chương XI, Sự Thải ra). Học viên nên so sánh những đường nét Hào quang được trình bày trong tác phẩm của bác sĩ Kilner với tấm kính ảnh XXIV, trình bày về Hào quang Sức khỏe trong tác phẩm *Con người Hữu hình và Vô hình*.

Dường như chính đáng khi ta phỏng đoán rằng việc cải tiến thêm nữa các phương pháp của bác sĩ Kilner ắt đưa tới việc nhận thức bằng mắt phàm: (1) các Luân xa của Thể Phách; (2) luồng Prana nhập vào đi xuyên qua cơ thể; (3) bản chất và cấu trúc của Thể Phách *bên trong cơ thể*. Bác sĩ Kilner đã đề cập tới việc khó khăn nhận thức được Hào quang đối với một bối cảnh bằng xương thịt, cho nên người viết tác phẩm này thắc mắc liệu có thể đạt được một bối cảnh thích hợp bằng cách nhuộm màu da của người được quan sát theo một cách nào đó hay chăng.

Bác sĩ Kilner nêu rõ rằng mục tiêu duy nhất của ông khi tiến hành khảo cứu là sử dụng Hào quang để chẩn bệnh. Vì vậy rất có thể là việc khảo cứu thêm nữa ắt tiết lộ những đặc tính của Hào quang, mặc dù có lẽ không ích lợi cho việc chẩn đoán bệnh, song le lại có ích lợi cho khoa học.

Xuất phát từ những sự kiện đã được quan sát: (1) sức khỏe yếu kém làm xáo trộn Hào quang; (2) vật chất dĩ thái của các Hào quang kề cận chảy cùng nhau, tạo thành các Tia; (3) những Tia như thế có thể được tạo lập và điều khiển nhờ vào một nỗ lực của ý chí; (4) ý chí thậm chí có thể xác định màu sắc của các Tia ấy; dường như chỉ còn một bước ngắn ngủi nữa là ta đã tiến tới đề tài về chữa bệnh bằng từ khí và thôi miên mesmer; hy vọng rằng một nhà khảo cứu nào đó sẽ nghiên cứu đề tài quan trọng và thú vị này theo một phong cách cũng tốn công phu như những cuộc khảo cứu của chính bác sĩ Kilner đã có đặc tính ấy.

CHƯƠNG XXII

CÁC NĂNG LỰC CỦA THỂ PHÁCH

Các năng lực của Thể Phách là phần mở rộng những giác quan thông thường của thể xác khiến cho người đạt được năng lực ấy thẩm định được những “rung động” thuộc về bộ phận dĩ thái của cõi hồng trần. Những ấn tượng như thế sẽ được tiếp thu thông qua võng mạc của mắt, dĩ nhiên có ảnh hưởng tới vật chất dĩ thái của mắt.

Trong một số trường hợp bất bình thường thì những bộ phận khác của Thể Phách cũng có thể đáp ứng dễ dàng, hoặc thậm chí còn dễ dàng hơn đôi mắt. Điều này thường do người ta đã phần nào phát triển được thể Vía, những vùng nhạy cảm trong Thể Phách hầu như luôn luôn tương ứng với các luân xa của thể Vía.

Đại khái có hai loại thần nhãn: loại thấp và loại cao. Thần nhãn loại thấp xuất hiện bữa đực bữa cái nơi những người chậm phát triển, chẳng hạn như người dã man ở Trung Phi và là một loại cảm giác tổng thể mơ hồ thuộc về trọn cả Thể Phách hơn là một nhận thức giác quan chính xác và xác định được truyền qua một cơ quan chuyên biệt. Nó hầu như nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Thể Phách có quan hệ cực kỳ mật thiết với hệ thần kinh, bất kỳ tác động nào lên một bên đều nhanh chóng phản tác động lên bên kia. Nơi thần nhãn cấp thấp thì sự xáo trộn thần kinh tương ứng hầu như hoàn toàn ở hệ giao cảm.

Ở những giống dân phát triển hơn thì cái sự nhạy cảm mơ hồ ấy thường biến mất khi các năng khiếu trí tuệ đã phát triển. Về sau này, khi chơn nhơn bắt đầu phát triển thì chơn nhơn có trở lại năng khiếu thần nhãn. Tuy nhiên, lần này năng khiếu ấy là chính xác và đúng mức, chịu sự kiểm soát của ý chí và được vận dụng thông qua một cơ quan cảm giác. Bất kỳ tác động thần kinh nào được lập nên đều hầu như độc quyền thuộc về hệ não tủy.

Các dạng thông linh hạ đẳng rất thường xuất hiện nơi những con thú và những người kém thông minh. Thuật thông linh không được điều khiển tốt mang tính cách cuồng thần kinh là do sự phát triển yếu kém của bộ óc và khi hệ giao cảm chiếm ưu thế các tế bào hạch thần kinh có nhân lớn trong hệ này chứa đựng một tỉ lệ rất lớn chất dĩ thái, do đó dễ dàng chịu ảnh hưởng của các rung động thô trực thuộc thể Vía.

Thần nhãn dĩ thái có thể được nhất thời kích thích, nghĩa là do mê sảng nghiện rượu sao cho nạn nhân có thể thấy các tạo vật thuộc cõi dĩ thái (cũng như cõi trung giới): những con rắn và những vật khủng khiếp khác được nhìn thấy trong những trường hợp như thế hầu như luôn luôn là các tạo vật cấp thấp phê phồn với những hơi rượu nồng nặc bốc ra từ cơ thể người nghiện rượu.

Ta nên lưu ý rằng Thể Phách đặc biệt nhạy cảm với thành phần cấu tạo dễ bay trong rượu.

Năng khiếu thần nhãn đôi khi cũng có thể được bộc lộ do ảnh hưởng của thuật thôi miên mesmer; cũng như do sự gia tăng mức căng thẳng của dây thần kinh mà nguyên nhân là kích động, cuồng thần kinh, sức khỏe yếu kém, nghiện ma túy hoặc một vài nghi lễ gây ra sự tự thôi miên.

Song le, ta không nên để cho mình bị chìm vào giấc ngủ thôi miên mesmer nhằm đạt được những kinh nghiệm về thần nhãn, bởi vì để cho ý chí của người khác chế ngự ý chí của mình có khuynh hướng làm cho ý chí của đối tượng bị bạc nhược đi và thế là có thể bị những người khác tác động lên.

Đôi khi một người may mắn đến mức giao du kết bạn được với các tinh linh thiên nhiên trong cõi dĩ thái; những tạo vật này có thể giúp y đạt được những tia chớp lóe thần nhãn nhất thời để cho người ấy có thể nhìn thấy chúng. Ta nên nhớ rằng muốn trau dồi được

tình bạn như thế thì nên biết các tinh linh thiên nhiên ấy rất nhác và thiếu tin cậy loài người: chúng không ưa những hơi phóng phát ra từ người phàm bao gồm thịt, thuốc lá và rượu; cũng như những xúc cảm thấp hèn ích kỷ, chẳng hạn như dâm dục, giận dữ hoặc chán nản. Những xúc cảm mạnh mẽ, vị tha có bản chất cao thượng tạo ra một loại bầu hào quang mà các tinh linh thiên nhiên thích thú đắm mình trong đó.

Hầu hết mọi tinh linh thiên nhiên đều yêu thích âm nhạc và một số đặc biệt bị hấp dẫn bởi một vài điệu nhạc du dương. C. W. Leadbetter viết rằng ông đã chứng kiến những bé trai chăn chiên ở đảo Sicily chơi nhạc cụ tự chế làm bằng lau sậy, có một đám thính giả ngưỡng mộ gồm các vị tiên tung tăng xung quanh chúng, mà chúng có lẽ không ý thức về họ vì đang hưởng cực lạc. Tuy nhiên thỉnh thoảng thì giới nông dân cũng thấy được các tinh linh thiên nhiên, vì nhiều người khẳng định như vậy trong kho tài liệu dân gian.

Một phương pháp phát triển thần nhãn dĩ thái là dùng tới óc tưởng tượng. Người ta cố gắng “tưởng tượng” xem phần bên trong một vật thể trên cõi trần là gì, chẳng hạn như một hộp đóng kín trông giống như cái gì, nghĩa là cố gắng dùng sự chú ý căng thẳng để “phỏng đoán” xem cái mà mắt phàm không thể nhìn thấy được. Sau nhiều thử nghiệm thì người ta cho rằng việc “phỏng đoán” trở nên chính xác nhiều hơn mức lý thuyết xác suất thừa nhận, thế là giờ đây người ta bắt đầu thật sự nhìn thấy trong cõi dĩ thái điều mà thoát tiền y chỉ tưởng tượng ra thôi. Nghe đâu phép thực hành này được theo đuổi bởi bộ lạc Zuni người da đỏ ở Châu Mỹ (Xem *Tạp chí Phụng sự* số tháng 4 năm 1925, bài viết của Beatrice Wood).

Nếu chịu khó nhìn xem thì trong những tình huống ánh sáng thích hợp đa số mọi người có thể thấy được lưu chất mesmer, nghĩa là chất ether thần kinh tuôn ra từ bàn tay của nhà thôi miên mesmer. Vào giữa thế kỷ 19, Nam tước Reichenbach có ghi lại rằng ông tìm thấy hơn 60 người có thể thấy được những tia phóng phát ấy và một số người cũng có thể thấy được một tia phóng phát hơi giống như thể bắt nguồn từ các nam châm trên cõi trần, từ các tinh thể và từ một sợi dây đồng phơi ra nắng. Những người quan sát thường nhốt mình trong phòng tối vài tiếng đồng hồ để khiến cho võng mạc nhạy cảm hơn.

Người ta tường trình rằng một số nhà khoa học người Pháp bình thường không thấy được tia N, lại có thể thấy được tia này sau khi ngồi trong bóng tối được 3 hay 4 tiếng đồng hồ.

Ở đây ta nên lưu ý rằng tia N là do các rung động của Thể Phách gây ra những làn sóng trong chất dĩ thái ở xung quanh. Học viên ắt nhớ lại rằng tia N do những con thú, các đóa hoa và kim loại phóng ra, nhưng do ảnh hưởng của chất chloroform, những thứ ấy đều không còn phóng ra tia N. Một xác chết không bao giờ phóng ra tia N. Ta cũng nên nhớ lại rằng chất tê mê - chẳng hạn như chất chloroform - trực xuất chất dĩ thái ra khỏi thể xác (xem trang 5) cho nên dĩ nhiên phải ngăn cản sự phóng phát tia N.

Một người có thần nhãn dĩ thái trọn vẹn, kiểm soát được nó ắt có thể nhìn thấy xuyên qua vật chất cõi trần: chẳng hạn như một bức tường gạch có vẻ rắn chắc như một đám sương mù nhẹ; y có thể miêu tả chính xác những gì chứa trong một hộp kín và đọc được một bức thư đã niêm phong; chỉ cần thực tập chút ít là y cũng có thể tìm thấy một đoạn văn trong một quyển sách khép kín.

Khi năng khiếu thần nhãn đã được phát triển trọn vẹn thì người ta hoàn toàn kiểm soát được nó và có thể tùy ý sử dụng hoặc không sử dụng nó. Nghe đâu việc chuyển từ nhìn bằng mắt phàm sang nhìn bằng mắt dĩ thái cũng dễ dàng như thay đổi tiêu điểm của mắt – sự thay đổi ấy thật ra là việc tập trung ý thức.

Thần nhãn dĩ thái trong một chừng mực nào đó nhìn thấy mặt đất trong suốt, sao cho người ta nhìn thấy có một động sâu đáng kể cũng giống như nhìn xuống một vùng nước rất

trong. Do đó y có thể nhìn thấy một tạo vật nằm trong hang dưới đất hoặc một mạch mỏ than hay mỏ kim loại nếu nó không quá xa bề mặt. Môi trường mà ta nhìn xuyên suốt qua đó như vậy là không hoàn toàn trong suốt.

Nói chung thì cơ thể của con người và con thú là trong suốt, sao cho thần nhãn dĩ thái có thể nhìn thấy tác động của các cơ quan nội tại và trong chừng mực nào đó có thể chẩn đoán bệnh bằng cách này.

Thần nhãn dĩ thái giúp ta thấy được nhiều thực thể, chẳng hạn như các tinh linh thiên nhiên cấp thấp có cơ thể bằng chất dĩ thái: thuộc lớp này là hầu hết các vị tiên, thổ địa và thần lùn mà nhiều chuyện thần tiên có kể nơi các vùng sơn cước ở Tô cách lan, Ái nhĩ lan và những xứ khác.

Có một lớp những vị tiên đẹp đẽ có cơ thể bằng chất dĩ thái sống trên mặt đất, họ đã leo lên thang tiến hóa qua loài cây cỏ, ngũ cốc, kiến, ong rồi tới các tinh linh thiên nhiên nhỏ xíu. Sau giai đoạn làm tiên dĩ thái họ trở thành các salamanders tức Hỏa tinh linh rồi tới sylphs tức Phong tinh linh, và mãi về sau chuyển về giới thiên thần.

Hình dáng của các vị tiên thật đa tạp, nhưng hầu hết có hình người nhưng nhỏ hơn một chút, thường là có một đặc điểm đặc thù nào đó hoặc tay chân lớn rất dị dạng. Chất dĩ thái vốn mềm dẻo và dễ được quyền năng tư tưởng uốn nắn, cho nên có thể khoác lấy hầu hết mọi hình dạng bên ngoài tùy ý; tuy nhiên chúng có những hình dáng nhất định của riêng mình mà chúng khoác lấy khi không có lý do đặc biệt nào để khoác lấy hình dáng khác.

Để khoác lấy hình dáng khác hơn hình dáng của riêng mình, một vị tiên phải hình dung nó rõ rệt rồi định trí vào nó: ngay khi tư tưởng của y tán loạn thì y sẽ tức khắc trở lại dáng vẻ tự nhiên.

Chất dĩ thái không tuân theo quyền năng tư tưởng ngay tức khắc như chất côi trung giới. Chúng ta có thể nói rằng chất trí tuệ thay đổi *theo* tư tưởng, chất trung giới thay đổi nhanh chóng theo tư tưởng đến nỗi quan sát viên bình thường khó lòng nhận ra được sự khác nhau, nhưng đối với chất dĩ thái thì người ta có thể theo dõi sự lớn lên hoặc nhỏ đi của nó một cách dễ dàng. Một tinh linh thuộc côi trung giới *léo* lên từ hình dạng này sang hình dạng khác, còn một vị tiên côi dĩ thái phồng ra hoặc xẹp đi nhanh chóng nhưng *không* phải là ngay tức khắc.

Cũng có những giới hạn, mặc dù là rất rộng để cho một vị tiên có thể thay đổi kích thước trong phạm vi đó. Vậy là một vị tiên tự nhiên là cao 12 phân Anh có thể bành trướng lên cao 6 bộ Anh, nhưng chỉ với một sự căng thẳng đáng kể đến nỗi y không thể duy trì được kích thước ấy nhiều hơn một vài phút.

Một trong các luồng sinh hoạt tiến hóa, sau khi rời giới khoáng vật, thay vì chuyển vào giới thực vật thì lại khoác lấy các hiện thể bằng chất dĩ thái rồi cư ngụ phía bên trong trái đất, thật sự sống bên trong các tảng đá rắn chắc, tảng đá ấy không gây chướng ngại chút nào cho sự di chuyển hoặc tầm nhìn của họ. Ở giai đoạn sau này, mặc dù vẫn còn sống trong các tảng đá rắn chắc, họ đã lên sống ở gần mặt đất, và loại phát triển cao hơn đôi khi có thể tách rời khỏi tảng đá trong một thời gian ngắn. Những vị thổ địa này đôi khi được nhìn thấy và có lẽ thường được nghe nói tới nhiều hơn, họ sống trong các hang động hoặc hầm mỏ, họ trở nên nhìn thấy được bằng cách hiện hình qua việc bao xung quanh mình một lớp màn vật chất côi trần, hoặc dĩ nhiên khi người nhìn thấy trở nên nhất thời có thần nhãn dĩ thái. Người ta có thể nhìn thấy họ thường xuyên hơn nếu không có sự phản đối thâm căn cố đế trong đám lân cận những con người mà họ chia xẻ đủ mọi thứ, ngoại trừ loại tinh linh thiên nhiên thấp nhất.

Một số loại tinh linh thiên nhiên dĩ thái cấp thấp không dễ nhìn chút nào khi xét theo óc thẩm mỹ. Có một khối vô định hình, miệng há hoác ra đỏ rực, sống ngay trên những hơi phóng phát dĩ thái ghê tởm ở nơi có máu và thịt thối rữa; có những tạo vật thuộc loài giáp xác màu đỏ nâu hấu ăn lượn lờ trên những nhà cỏ; và có những con quái vật dã man giống như loài bạch tuộc bay vờn trên các đám hoan lạc của kẻ nghiện rượu và phê phôn trong hơi rượu bốc lên.

Những thực thể ra vẻ ta đây hoặc được người đời phong làm thành hoàng, rồi hiến tế máu thịt hoặc đồ ăn thức uống, có lẽ là của lễ thiêu bằng xương bằng thịt, đó là những tạo vật thuộc cấp rất thấp có những thể dĩ thái bởi vì chỉ nhờ vào các thể dĩ thái này thì chúng mới có thể hấp thu được các hơi bốc lên thuộc cõi trần và rút ra được từ đó chất dinh dưỡng hoặc khoái lạc.

Những chuyện kể về loại dầu xoa và thuốc khi dán vào mắt khiến cho người ta có thể thấy được thể giới thần tiên cũng có một số cơ sở sự thật. Mặc dù không việc xoa thuốc vào mắt nào có thể mở được thần nhãn trung giới, nhưng nếu thoa lên toàn cơ thể thì một số dầu xoa giúp cho thể Vía rời bỏ thể xác trong tình trạng ý thức hoàn toàn. Nhưng việc áp lên mắt phàm có thể kích thích thần nhãn dĩ thái.

Thần nhãn dĩ thái dĩ nhiên khiến cho ta thấy được Thể Phách của con người: ta thường thấy những Thể Phách này lượn lờ trên những ngôi mộ vừa mới đắp. Trong những buổi lên đồng, ta có thể thấy chất dĩ thái rịn ra từ bên trái người đồng cốt và người ta có thể nhận biết được đủ thứ cách thức giúp cho các thực thể liên giao sử dụng được chất dĩ thái.

Thần nhãn dĩ thái khiến cho ta thấy được nhiều màu sắc hoàn toàn mới, khác hẳn những màu trong quang phổ mà ta đã biết, vì vậy không thể diễn tả nên lời theo như ta sử dụng hiện nay. Trong một số trường hợp, những màu sắc khác này lại được tổ hợp với những màu mà ta biết sao cho hai bề mặt mà mắt thường thấy có vẻ ăn khớp hoàn toàn với nhau thì lại dường như khác nhau đối với thần nhãn dĩ thái.

Đối với nhà hóa học thì một thể giới hoàn toàn mới xuất hiện để cho y quan sát, và y có thể bàn tới chất dĩ thái giống như hiện nay y bàn tới chất lỏng và chất hơi.

Có nhiều chất dĩ thái thuộc về giới khoáng vật mà khoa học Tây phương chẳng biết gì về sự tồn tại của chúng. Ngay cả cơ thể con người, trong Cuộc tuần hoàn thứ nhất cũng được kiến tạo chỉ bằng chất dĩ thái thô và giống như những đám mây lơ mờ trôi nổi dật dờ và hầu như không có hình dạng.

Thần nhãn dĩ thái cho ta biết môi trường xung quanh có lành mạnh hay không, và ta có thể dò ra các mầm bệnh hoặc những điều ô uế khác.

Tác dụng ích lợi của du hành phần nào là do sự thay đổi những ảnh hưởng dĩ thái và trung giới liên quan tới mỗi địa điểm và địa phương. Đại dương, núi non, rừng rậm hoặc thác nước - mỗi thứ đều có loại hình sự sống đặc biệt của riêng mình trên cõi trung giới, cõi dĩ thái cũng như cõi hữu hình, và vì vậy có những tập hợp ấn tượng và ảnh hưởng đặc biệt của riêng mình. Nhiều thực thể vô hình đang tuôn ra sinh khí và trong bất cứ trường hợp nào những rung động do chúng tạo ra cũng khơi hoạt những bộ phận còn xa lạ trong Thể Phách của con người cũng như với thể Vía và thể Trí của y, tác dụng giống như vận dụng những cơ bắp bình thường chưa được đưa vào hoạt động - trước mắt thì gây mỏi mệt, thể nhưng về lâu về dài thì rõ rệt là đáng mong muốn. Những trò giải trí như chèo thuyền chẳng hạn, hoặc bơi lội, nhất là nơi biển cả có ích đặc biệt cũng vì những lý do nêu trên.

Có một cơ sở sự thật trong truyền thuyết cho rằng ngủ dưới gốc cây thông mà đầu quay về hướng bắc ắt làm tăng cường sức khỏe bởi vì các dòng từ khí chảy qua bề mặt trái đất do áp lực nhẹ nhàng đều đều, dần dần gỡ rối những đám mắc mứu và tăng cường các hạt cả

thể Vía lẫn Thể Phách, như vậy mang lại cho ta sự nghỉ ngơi và an bình. Những bức xạ của cây thông khiến cho con người nhạy cảm với các dòng từ khí, và lại cây này còn thường xuyên tuôn ra sinh khí trong tình trạng đặc biệt mà con người dễ hấp thụ nhất.

Có một loại thủy triều từ khí (năng lượng từ khí giữa mặt trời và trái đất chảy ra rồi chảy lại) mà những điểm ngoặt là vào lúc giữa trưa và nửa đêm.

Các dòng dĩ thái lớn thường xuyên quét qua bề mặt trái đất từ cực này tới cực kia, có một dung lượng khiến cho quyền năng của chúng không ai chống cự được giống như triều cường và có những phương pháp khiến ta có thể an toàn sử dụng lực ghê gớm ấy, mặc dù những toan tính vụng về nhằm kiểm soát nó ắt đầy nguy hiểm. Ta cũng có thể sử dụng lực ghê gớm về áp lực dĩ thái.

Hơn nữa, bằng cách biến đổi vật chất từ loại thô sang loại tinh vi ta có thể giải phóng và sử dụng khi thể năng lớn lao đang yên ngủ, hơi giống như ẩn nhiệt có thể được giải phóng bằng cách thay đổi tình trạng vật chất hữu hình.

Việc đảo ngược quá trình nêu trên khiến cho ta có thể biến đổi vật chất từ dạng dĩ thái sang dạng thể đặc, và thế là tạo ra hiện tượng “hiện hình”.

Năng lực này đôi khi được dùng trong trường hợp khẩn cấp khi một “người phò hộ vô hình” ở trong thể Vía cần có phương tiện để tác động lên vật chất trên cõi trần. Năng lực này đòi hỏi một quyền năng đáng kể định trí kiên trì và tâm trí không được xao lãng chỉ nửa giây đồng hồ, nếu không thì vật chất của hình tượng hiện ra sẽ ngay tức khắc trở lại tình trạng nguyên thủy.

Lý do tại sao một vật trên cõi trần sau khi bị rút gọn về trạng thái dĩ thái mà sau đó lại được phục hồi về hình dáng trước kia, chính là việc tinh hoa ngũ hành vẫn được duy trì trong cùng hình dạng, và khi lực ý chí không còn nữa thì tinh hoa ngũ hành ấy đóng vai trò một cái khuôn để cho các hạt cô đọng lại tái tụ tập vào đó. Tuy nhiên, nếu ta dùng nhiệt để nâng một vật ở thể rắn lên thể hơi thì tinh hoa ngũ hành làm linh hoạt vật ấy ắt sẽ bị tan tác – chẳng phải vì tinh hoa có thể chịu ảnh hưởng của nhiệt mà vì khi hình thể nhất thời của nó dưới dạng thể rắn bị tiêu diệt thì nó được trả lại cho kho chứa lớn nhất tinh hoa ấy; cũng giống như các nguyên khí cao của con người mặc dù hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của nóng và lạnh, nhưng vẫn bị trục xuất ra khỏi thể xác khi thể xác bị lửa tiêu diệt.

Như vậy ta phải dùng những phương tiện để rút gọn một vật trên cõi trần về tình trạng dĩ thái, rồi di chuyển nó từ nơi này sang nơi khác, thậm chí đi xuyên qua chất đặc, chẳng hạn như một bức tường bằng gạch, nhờ một dòng thần lực trung giới có tốc độ rất nhanh. Ngay khi lực phân rã bị rút lại thì vật chất bị áp lực dĩ thái ép cho trở về trạng thái nguyên thủy.

Khi một người trở nên nhạy cảm trong Thể Phách thì ngoài thị giác ra, trong hầu hết các trường hợp đồng thời cũng có sự thay đổi tương ứng diễn ra nơi các giác quan khác. Do đó các chiêm tinh gia mới rêu rao rằng những ảnh hưởng của hành tinh khi làm mở rộng hoặc nghẽn mạch bầu hào quang dĩ thái khiến cho điều kiện để thiên định lần lượt dễ chịu hoặc khó chịu hơn.

Nghe đầu nhang trầm tác động lên Thể Phách khá giống như màu sắc tác động lên thể Vía và như vậy ta có thể dùng nhang trầm để giúp cho các hạ thể của con người nhanh chóng được hài hòa. Đường như ta có thể dùng một vài màu sắc để tác động lên đủ thứ bộ phận trong bộ óc.

Tác dụng của thần nhãn dĩ thái khác hẳn thần nhãn thể Vía. Trong trường hợp thần nhãn thể Vía, có một yếu tố hoàn toàn mới được du nhập vào mà ta thường miêu tả là chiều đo thứ tư. Chẳng hạn như khi nhìn bằng thần nhãn thể Vía ta có thể thấy một hình khối

vuông dường như thể ép giẹp lại hết, mọi cạnh của nó đều được nhìn thấy rõ ràng cũng như mọi hạt bên trong hình khối vuông.

Song le, khi nhìn bằng thần nhãn dĩ thái, ta chỉ thấy *xuyên qua* các đồ vật và bề dày của vật chất mà ta nhìn xuyên qua đó khiến cho tầm nhìn khác nhau rất nhiều về sự rõ rệt. Những đặc điểm như vậy không có tác dụng gì đối với việc nhìn bằng thần nhãn thể Vía.

Từ ngữ nhìn *xuyên qua* mà W. T. Stead dùng nói tới thần nhãn của chiều đo thứ tư không hoàn toàn miêu tả thần nhãn của thể Vía mà miêu tả thần nhãn của Thể Phách.

Ta cũng có thể dùng thần nhãn dĩ thái để khuếch đại. Phương pháp là truyền ấn tượng từ chất dĩ thái trên võng mạc trực tiếp lên tới bộ óc của Thể Phách: ta tập trung chú tâm vào một vài hạt dĩ thái, thể là thu được sự giống nhau về kích thước giữa cơ quan được sử dụng và một vật nhỏ xíu nào đó mà ta đang quan sát.

Một phương pháp thông thường hơn, mặc dù đòi hỏi sự phát triển cao hơn là phóng ra một ống mềm dẻo bằng chất dĩ thái xuất phát từ tâm điểm của luân xa ở giữa chân mày, ở đầu mút của chân mày có một nguyên tử dùng làm thấu kính. Một nguyên tử như thế phải có đủ cả bảy loa tuyến đã phát triển trọn vẹn. Ta có thể tùy ý mở rộng hoặc co rút nguyên tử lại. Quyền năng này thuộc về thể nguyên nhân sao cho khi một nguyên tử dĩ thái tạo thành lăng kính thì ta phải đưa vào một hệ thống các đối thể phản xạ.

Bằng cách mở rộng thêm nữa cũng quyền năng ấy, khi tập chú tâm thức vào lăng kính người thao tác có thể phóng chiếu nó tới những điểm ở xa.

Bằng một cách sắp xếp khác, ta cũng có thể dùng quyền năng ấy để thu nhỏ lại, điều này giúp cho ta thấy một điều gì đó quá lớn mà mắt thường không thể nhìn thấy hết mọi chi tiết ngay một lúc.

Quyền năng này được tượng trưng bằng một con rắn nhỏ phóng chiếu từ tâm điểm của trán trên cái mũ che đầu của vị Faraoh Ai cập.

Những người chết cũng biểu lộ nhiều khả năng thần nhãn trong những buổi lên đồng của thần linh học giúp cho đọc được đoạn văn trong một quyển sách khép kín, đó là thần nhãn thuộc loại Thể Phách.

Một trong các biến thể của thần giao cách cảm mang tính chất dĩ thái và có thể có một trong hai dạng. Trong biến thể thứ nhất, một nhà thần nhãn có thể thấy được một hình ảnh dĩ thái được tạo ra; trong biến thể thứ nhì các làn sóng dĩ thái do việc tạo dựng dĩ thái sinh ra, tỏa đi xa và tác động lên một bộ óc dĩ thái khác, có khuynh hướng mô phỏng lại cũng hình ảnh dĩ thái ấy trong bộ óc kia.

Cơ quan trong bộ óc để chuyển di tư tưởng, vừa truyền vừa nhận chính là tuyến tủy. Nếu có ai miệt mài suy nghĩ về một ý tưởng thì các rung động được tạo nên trong chất dĩ thái thấm nhuần tuyến tủy, do đó gây ra một dòng từ khí làm phát sinh ra một rung động xao xuyến hoặc cảm giác nổi da gà. Cảm giác này biểu thị tư tưởng là trong sáng và đủ mạnh để có thể được truyền đi. Đối với hầu hết mọi người thì tuyến tủy còn chưa phát triển đầy đủ vì đó là lộ trình tiến hóa của nó trong tương lai.

Các học viên huyền bí học có biết một quá trình giúp y có thể bẻ cong các tia sáng sao cho sau khi vòng qua một vật thì các tia sáng lại có thể đi chính xác theo lộ trình trước kia. Điều này dĩ nhiên khiến cho vật mà các tia sáng đi vòng quanh nó bị tàng hình đối với mắt phàm. Ta có thể phỏng đoán rằng hiện tượng này bắt nguồn từ năng lực điều khiển dạng đặc thù của chất dĩ thái vốn là phương tiện để truyền ánh sáng.

CHƯƠNG XXIII TỪ HÓA ĐỒ VẬT

Người ta có thể dùng từ khí hoặc lưu chất sinh khí chẳng những để thôi miên mesmer hoặc chữa bệnh cho người khác mà còn có thể dùng nó để thẩm nhuần các đồ vật trên cõi trần theo một cách thức hơi giống như thế. Thật vậy bất cứ đồ vật nào đã cận kề tiếp xúc với một cá thể đều hấp thu từ khí của cá thể ấy, vì vậy nó có khuynh hướng mô phỏng lại nơi người đang đeo nó một điều gì đó có cùng trạng thái xúc cảm hoặc tư tưởng mà nó đã được tích đầy. Điều này cố nhiên là một phần của cơ sở lý luận về bùa, bùa yêu và thánh tích cũng như những cảm xúc sùng tín và kính nể tôn sùng đôi khi hoàn toàn rịn ra theo sát nghĩa từ những bức vách trong nhà thờ chính tòa và nhà thờ; mỗi viên đá trong đó đều thật sự là một lá bùa được tích đầy lòng sùng kính và củng cố bởi những hình tư tưởng sùng tín của hết thế hệ này sang thế hệ khác trong hàng ngàn năm.

Quá trình này liên tục tác động mặc dù ít ai có ý thức được nó. Vậy là chẳng hạn như thực phẩm có khuynh hướng bị tích đầy từ khí của những kẻ nào cầm nó hoặc đến gần nó, sự kiện này là nền tảng của những qui tắc nghiêm ngặt mà tín đồ Ấn giáo phải tuân theo liên quan tới việc dùng thực phẩm khi có mặt (hoặc phải chịu từ khí của) một trong những người thuộc giai cấp thấp hơn. Đối với huyền bí gia thì sự trong sạch về từ khí quan trọng chẳng kém gì sự sạch sẽ trên cõi trần. Thức ăn như bánh mì và bánh ngọt đặc biệt dễ nhiễm đầy từ khí của người chế biến do sự kiện từ khí tuôn ra mạnh nhất nơi bàn tay. May thay tác động của lửa trong việc nướng bánh hoặc nấu ăn đã tẩy trừ hầu hết các loại từ khí trên cõi trần. Để phòng ngừa bất kỳ sự pha trộn từ khí nào không tránh nổi, một số học viên huyền bí khẳng định chỉ dùng dụng cụ nấu ăn của riêng mình hoặc thậm chí không chịu để cho người khác cắt tóc ngoại trừ những người mà mình tán thành về từ khí: cái đầu dĩ nhiên là bộ phận trong cơ thể mà từ khí xa lạ dễ công kích nhất.

Sách vở, nhất là sách vở ở thư viện công cộng có khuynh hướng nhiễm đầy mọi loại từ khí hỗn tạp.

Đá quý vốn là hình thức phát triển cao nhất của thế giới khoáng vật có khả năng rất lớn trong việc tiếp nhận và duy trì các ấn tượng. Nhiều loại ngọc quý nhiễm đầy những xúc cảm ganh tị và tham lam; trong trường hợp một số ngọc quý nổi tiếng trong lịch sử, chúng nhiễm đầy những luồng phóng phát trên cõi trần và các cõi khác liên quan tới những tội ác mà người ta đã phạm phải để chiếm được chúng. Những ngọc quý ấy còn giữ lại những ấn tượng không phai nhòa đi trong hàng ngàn năm sau cho nhà trắc tâm có thể thấy xung quanh chúng những hình ảnh khủng khiếp hết chỗ tả. Chính vì lý do ấy, nói chung các huyền bí gia khuyên ta không nên đeo ngọc quý.

Mặt khác, ngọc quý cũng có thể là kho chứa rất nhiều quyền năng có tác dụng tốt và đáng mong muốn. Chẳng hạn như ngọc quý của phái Ngộ đạo được dùng trong lễ Điểm đạo cách đây hai ngàn năm vẫn còn giữ lại được cho đến tận ngày nay ảnh hưởng từ khí mạnh mẽ. Một số con bọ hung của người Ai cập vẫn còn có tác dụng, mặc dù chúng thậm chí còn xưa hơn nhiều so với ngọc quý của phái Ngộ đạo.

Tiền bạc dưới dạng tiền xu và tiền giấy thường nhiễm đầy từ khí rất khó chịu. Chẳng những nó tích đầy thứ từ khí hồ lớn mà ngoài ra nó còn bị bao bọc bởi những tư tưởng và xúc cảm của những kẻ đã sờ mó tới đồng tiền. Tác dụng gây nhiễu loạn và kích động ấy của những thứ phóng phát của radium oanh kích thể xác. Những thứ gây tệ hại nhất là tiền xu bằng đồng và đồng thau, những giấy bạc dơ dáy và cũ kỹ. Kèn ít tiếp nhận tác dụng xấu hơn đồng, còn bạc và vàng lại tốt hơn về phương diện này.

Khăn trải giường cung ứng một ví dụ khác về những vật trên cõi trần hấp thu và phóng ra ảnh hưởng từ khí, nhiều người đã nhận xét rằng những giấc mơ kinh hoàng thường xảy ra khi ta ngủ đầu nằm trên một cái gối mà một người có tính tình khó chịu đã sử dụng. Nếu người ta dùng len làm khăn trải giường hoặc quần áo thì tốt hơn đừng để cho nó chạm vào da, vì len nhiễm đầy ảnh hưởng của con thú.

Phương pháp chế biến một lá bùa cổ tình như sau: trước hết ta hãy tẩy sạch hoàn toàn đồ vật khỏi chất dĩ thái hiện hữu của nó bằng cách đưa nó qua một màn mỏng bằng chất dĩ thái đã được nỗ lực của ý chí tạo ra cho mục đích ấy. Sau khi chất dĩ thái cũ hoặc từ khí được lấy đi thì chất dĩ thái thông thường của bầu hào quang xung quanh sẽ thay thế nó bởi vì có một áp lực dĩ thái hơi hơi tương ứng với (mặc dù vô cùng lớn hơn) áp lực khí quyển.

Thế rồi ta tiến hành một quá trình tương tự đối với chất cõi trung giới và cõi hạ trí; vậy là đồ vật có thể nói trở thành một tờ giấy trắng mà ta tùy ý muốn viết gì trên đó thì viết. Sau đó người thao tác đặt bàn tay phải lên trên đồ vật, tự mình đầy tràn những phẩm tính ấy tuôn đổ vào lá bùa. Một huyền bí gia lão luyện có thể thực hiện trọn cả quá trình này hầu như ngay tức khắc nhờ vào nỗ lực ý chí mãnh liệt, nhưng những người khác thì cần có nhiều thời giờ hơn mới làm được như vậy.

Phần nêu trên chỉ cấu thành một trong các loại bùa *Tổng quát*. Một lá bùa *Thích nghi* là lá bùa đặc biệt được tích từ khí để đáp ứng yêu cầu của một cá nhân đặc biệt – gần giống như một toa thuốc cá biệt hơn là một loại thuốc bổ chung chung. Một lá bùa *Phú linh* là loại được thiết kế để tiếp tục làm một nguồn bức xạ trong nhiều thế kỷ. Có hai biến thể: trong biến thể thứ nhất, người ta đặt vào lá bùa một mẫu khoáng vật cao cấp, nó không ngừng phóng ra một luồng hạt. Những hạt này thực sự do khoáng vật đảm nhiệm cho nên tiết kiệm được nhiều năng lượng.

Biến thể thứ hai là loại trong đó các thành tố được sắp xếp sao cho nó trở thành một phương tiện biểu lộ của một trong vài lớp tinh linh thiên nhiên chậm phát triển, các tinh linh thiên nhiên này cung cấp thần lực cần thiết để phát tán ảnh hưởng. Những lá bùa như thế có thể tồn tại hàng ngàn năm trước sự thích thú hân hoan của đám tinh linh thiên nhiên và mang lại lợi ích lớn lao cho tất cả những người nào đến gần trung tâm được từ hóa ấy.

Một lá bùa *Liên kết* là loại được từ hóa sao cho nó có quan hệ khăng khít với người tạo ra bùa khiến cho nó trở thành một loại tiền đồn tâm thức của người tạo bùa. Thế là người đeo lá bùa có thể thông qua mối liên kết ấy gửi đi một lời kêu cứu đến tận người tạo bùa, hoặc người tạo ra bùa có thể thông qua đó điều động một luồng ảnh hưởng tác động lên người đeo bùa. Một lá bùa như thế có thể làm dễ dàng cho điều mà môn đồ phái Khoa học Kitô gọi là việc chữa bệnh từ xa.

Trong những trường hợp hiếm có, một lá bùa trên cõi trần có thể liên kết với thể nguyên nhân của một bậc Thánh sư, chẳng hạn như những lá bùa mà Apollonius ở Tyana đã chôn ở nhiều xứ khác nhau cách đây 1900 năm, để cho thần lực mà chúng xạ ra có thể chuẩn bị những thánh địa ấy trở thành các trung tâm với nhiều biến cố long trời lở đất trong tương lai. Một số trung tâm này đã được sử dụng rồi, còn những trung tâm khác phải được sử dụng trong tương lai gần liên quan tới công trình của đáng Kitô phục lâm.

Người ta thường dựng những bàn thờ lớn ở những nơi có một thánh nhân nào đó cư trú, nơi có một biến cố vĩ đại xảy ra, chẳng hạn như một cuộc Điem đạo hoặc nơi có di tích của một vĩ nhân. Trong bất kỳ trường hợp nào thì người ta cũng đã tạo ra một trung tâm từ khí có ảnh hưởng mãnh liệt và trường tồn trong hàng ngàn năm. Cho dầu “di tích” ấy có thể không phải là rất mạnh hoặc thậm chí cũng không đích thực, nhưng hàng thế kỷ lòng xúc cảm sùng tín mà thập phương bá tánh trút đổ lên đó cũng khiến cho địa danh này trở thành

một trung tâm hoạt động ban ra nhiều phước lành. Ảnh hưởng của mọi thánh địa như thế đối với du khách và khách hành hương chắc chắn là tốt đẹp.

Người ta đã nói rằng đá quý dĩ nhiên là thích hợp để làm thành bùa hoặc bùa yêu. Trái rudrasa, vốn thường được dùng làm vòng kiềng đeo cổ ở Ấn độ, rõ rệt là thích hợp để được từ hóa khi ta cần tới tư tưởng linh thiêng hoặc sự tham thiền và muốn tránh xa ảnh hưởng gây xáo trộn. Hạt được làm từ cây tulsi là một ví dụ khác, mặc dù ảnh hưởng mà chúng ban ra có tính cách hơi khác. Một tập hợp thú vị các lá bùa là những vật tạo ra mùi hương nồng nặc. Nhựa thơm mà người ta dùng, chẳng hạn người ta tạo ra nhang trầm có thể được chọn dùng vì thuận lợi cho tư tưởng linh thiêng và sùng tín. Thế là ta cũng có thể tổ hợp các thành phần cấu tạo để tạo ra tác dụng ngược lại mà đôi khi các vị phù thủy thời trung cổ đã làm như thế.

Một nhà huyền bí học lão luyện đều đạt thực hành việc tích từ điển cho nhiều vật mà ông chuyển cho người khác với những ảnh hưởng có lợi: chẳng hạn như những bức thư, sách vở hoặc tặng vật. Chỉ nhờ một nỗ lực của ý chí, ông cũng có thể tích từ điển cho ngay cả một bức thư được đánh máy còn hữu hiệu hơn việc tích từ điển vô ý thức khi bức thư được viết bằng tay bởi một người nào đó không quen thuộc với những sự thật này.

Cũng giống như vậy, chỉ cần phẩy tay kết hợp với một tư tưởng mạnh mẽ, một huyền bí gia lão luyện cũng có thể hầu như ngay tức khắc khử từ điển của thực phẩm, quần áo, khăn trải giường, phòng ở v.v... Sự khử từ điển như thế trong khi lấy đi từ khí đã được bên ngoài ghi khắc vào thì lại không ảnh hưởng tới từ khí bẩm sinh của các vật, chẳng hạn như những rung động cố hữu là bất hảo của thịt những con thú đã chết mà ngay cả việc nấu nướng cũng không thể tiêu diệt được.

Quá trình khử từ điển của phòng ở v.v... có thể được dễ dàng qua việc đốt nhang trầm hoặc thuốc viên hoặc rảy nước; nhang trầm và nước thoát tiên phải được chuyển qua quá trình làm bùa mà ta vừa khuyến cáo.

Ta cũng nên nhớ rõ rằng vì vật chất hồng trần nơi con người tiếp xúc cực kỳ mật thiết với chất trung giới và chất trí tuệ cho nên sự thô thiển và thô trực của thể xác hầu như tất yếu hàm ý là một tình hình tương ứng nơi các hiện thể khác; vì thế cho nên đối với huyền bí gia thể xác sạch sẽ cũng quan trọng không kém sự trong sạch về từ khí hoặc chất dĩ thái.

“Nước thánh” được dùng trong vài nhà thờ Kitô giáo cung ứng một ví dụ rõ ràng về việc từ điển hóa, nước rất dễ được tích từ khí. Những huấn dụ trong nghi lễ của giáo hội La mã khiến ta thấy hoàn toàn hiển nhiên là vị linh mục trước hết cần phải “trục tà” cho muối và nước, nghĩa là tẩy sạch chúng khỏi những ảnh hưởng bất hảo, thế rồi khi làm dầu thánh giá, vị linh mục được lệnh ban “phước lành” cho các nguyên tố, nghĩa là tuôn đổ từ khí của chính mình vào chúng, ông vận dụng ý chí nhằm mục đích trục xuất mọi tư tưởng và xúc cảm gian tà.

Việc muối có chứa chất Clor cũng không sao, vì Clor là một nguyên tố “bốc lửa”, cho nên khi nó tổ hợp với nước là một dung môi vĩ đại, còn lửa là chất tiêu hủy vĩ đại thì đó là một tác nhân tẩy sạch rất hữu hiệu.

Những tư tưởng giống hệt như vậy là nền tảng cho nhiều nghi lễ khác trong giáo hội Kitô: chẳng hạn như phép rửa tội, khi người ta ban phước cho nước và làm dầu thánh giá trên nước; phép hiến tế của nhà thờ và nghĩa trang, của những ly tách đặt trên bàn thờ, lễ phục của linh mục, chuông, nhang trầm, phép thêm sức, phép truyền chức của các linh mục và phép phú hiến của các giám mục.

Trong lễ Thánh thể, rượu vang có ảnh hưởng rất mạnh đối với các cảnh cao của cõi trung giới, còn nước thậm chí phóng ra những rung động trên cõi dĩ thái.

Trong lễ Rửa tội của giáo hội Công giáo Tự do, vị linh mục làm dấu thánh giá ở trên trán, cổ họng, tim và từng thái dương của đứa trẻ. Điều này có tác dụng mở các luân xa dĩ thái sao cho có lẽ chúng nở ra tới kích thước của một đồng tiền, và bắt đầu sáng chói lấp lánh và xoay tròn giống như người lớn.

Và lại khi nước được từ điển hóa chạm vào trán thì nó làm chất dĩ thái rung động mãnh liệt, kích thích bộ óc và thông qua tuyến yên ảnh hưởng tới thể Vía rồi thông qua đó ảnh hưởng tới thể hạ trí.

Về sau, khi vị linh mục xúc dầu thánh lên đỉnh đầu thì điều đó khiến cho các luân xa ở đây được dùng làm một loại cái rây vớt bỏ những xúc động ảnh hưởng hoặc hạt thô trước, cũng như nhờ một nỗ lực ý chí, linh mục khép lại bốn trung tâm lực đã được mở ra.

Trong lễ Thêm sức tác dụng đã được tạo ra đối với nguyên khí atma được phản ánh vào Thể Phách.

Trong lễ Tuyên chức của vị linh mục, người ta dự tính dọn đường cho thông thoáng giữa các nguyên khí cao và óc phàm. Ổn lạnh, tràn ngập bộ óc dĩ thái và được dự tính chạy xuyên suốt qua tuyến yên vốn là điểm tiếp xúc mật thiết nhất giữa xác phàm, thể phách và thể vía.

Việc xúc dầu thánh lên đỉnh đầu vị giám mục được dự tính để tác dụng lên luân xa brahmarandra; thay vì là một chỗ trung thông thường giống như cái đĩa thì nó trở nên giống như một hình nón lồi ra mà ta thường nhìn thấy trong các pho tượng Đức Phật.

Lễ Truyền chức cho giáo sĩ chủ yếu được dự tính tác động lên Thể Phách, truyền chức cho người giữ cửa tác động lên thể vía, truyền chức cho người đọc hay diễn giả tác động lên thể hạ trí, còn truyền chức cho thầy trừ tà tác động lên thể thượng trí. Việc truyền chức cho thầy trừ tà giúp thầy củng cố được khả năng chữa bệnh.

Đường như đã có một tục lệ cổ truyền – từ đó mới phát sinh phương pháp hiện nay của giáo hội La mã xúc dầu cho các cơ quan cảm giác – niêm bế mọi luân xa trong cơ thể của người hấp hối kéo những thực thể bất hảo sẽ chiếm lấy xác ấy khi chủ nhân ông rời bỏ nó, để dùng nó cho mục đích của pháp thuật gian tà.

Có lẽ nhiều bệnh thần kinh cũng có thể được hỗ trợ nhờ xúc dầu thánh, và bệnh của Thể Phách cũng có thể chữa trị bằng cách “xúc dầu”.

Trong gậy phép của vị giám mục, nơi cái núm là chỗ có các viên ngọc đã được phú hiến, năng lượng dĩ thái tỏa ra từ các viên ngọc vươn ra ngoài nhiều nhất và nổi bật nhất – thật vậy nó nổi bật đến nỗi chẳng lấy gì làm lạ nếu chạm nó vào thì có thể chữa khỏi bệnh cho thể xác.

Các nhà luyện kim đan thời trung cổ cũng dùng những phương pháp khá giống như vậy khi vận dụng các loại thuốc và thanh gươm đã được từ điển hóa v.v... Trong các Bí pháp Cổ truyền, cây gậy của thần Mercure là một dụng cụ đã được từ điển hóa rất mạnh, nó được áp sát vào xương sống của ứng viên, bằng cách ấy nó cung cấp một số từ khí mà nó đã được tích đầy truyền lại cho ứng viên.

CHƯƠNG XXIV NGOẠI KHÍ

NGOẠI KHÍ – ECTOPLASM - (từ nguyên tiếng Hi Lạp là ektos, tức là bên ngoài và plasma là cái khuôn, nghĩa là điều được khuôn đúc ở bên ngoài con người) là tên gọi vật chất (chủ yếu nếu không phải hoàn toàn là chất dĩ thái) toát ra từ một người đồng cốt và được dùng trong những hiện tượng lạ nơi phòng lên đồng.

Ông W. J. Crawford đã quá cố, Tiến sĩ khoa học, trong các tác phẩm (*Thực tại về các Hiện tượng Thông linh*, 1921), (*Thực nghiệm về Khoa học Thông linh*, 1918), (*Các Cấu trúc Thông linh*, 1921) có miêu tả những cuộc khảo cứu tỉ mỉ và tinh xảo mà mình đã đảm đương đối với những hiện tượng lạ như nhắc bàn lên, hoặc “khinh thân” và gõ nhẹ. Muốn có đầy đủ chi tiết học viên nên tham khảo những sách đó; ở đây chúng tôi chỉ có thể tóm tắt ngắn gọn những kết quả ấy khi nó trực tiếp liên quan tới công trình nghiên cứu của chúng tôi.

Trong mọi cuộc thí nghiệm này thì người đồng cốt hoàn toàn tỉnh táo.

W. J. Crawford khảo sát các vấn đề nhắc bàn lên v.v... hoàn toàn theo hướng đó là các vấn đề cơ giới; nhờ vào những khí cụ để ghi lại lực, cả về cơ khí lẫn điện lực, ông đã thành công trong việc phát hiện ra *phương thức hoạt động* của các “cấu trúc thông linh” được sử dụng bằng cách suy diễn từ những quan sát của mình. Mãi vào giai đoạn sau này ông mới hoàn toàn có thể kiểm chứng được những suy luận của mình bằng cách trực tiếp nhìn thấy và chụp ảnh mà đến đúng lúc ta sẽ giải thích.

Nói ngắn gọn thì người ta phát hiện ra rằng chất ngoại khí xuất ra từ người đồng cốt được điều chế và định hình bởi “người thao tác” kiểm soát việc tạo ra hiện tượng lạ, biến chất ấy thành cái mà ông gọi là những “cái cần”. Những cái cần hoặc thanh này được gắn vào một đầu mút của người đồng cốt, còn đầu mút kia bị hút vào chân bàn hoặc những đồ vật khác; thế rồi lực thông linh được tác động qua những cái cần hoặc những chiếc bàn v.v... chuyển động theo nhiều cách khác nhau mà không có bất kỳ sự tiếp xúc thuần túy vật lý nào với bất cứ ai đang có mặt. Những tiếng gõ nhẹ và nhiều tiếng động khác được tạo ra do những cái cần gõ lên sàn nhà, bàn, cái chuông v.v...

Phần lớn chất ngoại khí thường được lấy từ người đồng cốt, mặc dù một phần nhỏ cũng được bổ sung từ tất cả hoặc hầu hết những người lên đồng khác có mặt trong phòng.

Mặc dù mắt phàm hoàn toàn không thấy được chất ngoại khí, nhưng đôi khi người ta có thể sờ thấy nó. Nó được mô tả là ẩm ướt, lạnh lẽo, giống loài bò sát, hầu như trơn trượt, dường như thể không khí được trộn lẫn với các hạt vật chất đã chết và rất khó chịu.

Những cái cần thông linh toát ra từ người đồng cốt có thể biến thiên về đường kính ở đầu mút từ năm tới bảy hay tám phân Anh, còn đầu tự do của mỗi cái cần dường như có thể mang đủ thứ hình tướng với mức độ cứng rắn khác nhau. Đầu mút có thể dẹt hoặc lồi, tròn hoặc hình bầu dục; nó có thể mềm nhũn như thịt của đứa trẻ sơ sinh hoặc cứng rắn như sắt thép. Thân của cái cần sờ vào chỉ cứng rắn ở cách vài phân Anh so với đầu mút tự do, thế rồi ta không sờ thấy nó được nữa, mặc dù nó vẫn có sức đề kháng, kéo dài ra, đẩy lùi, cắt ngang và xoắn lại.

Tuy nhiên ở cái bộ phận không sờ thấy được ấy, ta có thể cảm thấy một luồng hạt lạnh lẽo giống như bào tử, luồng này chảy từ người đồng cốt ra phía ngoài. Có vẻ có lý do để tin rằng trong một số trường hợp (mặc dù không phải trong trường hợp khinh thân) có một sự tuần hoàn trọn vẹn của vật chất dĩ thái xuất phát từ người đồng cốt chạy ra rồi trở lại người đồng cốt ở một bộ phận khác trong cơ thể. Tình trạng đầu mút của cái cần xét về kích thước

và độ cứng rắn có thể biến thiên tùy theo yêu cầu. Những cái cần lớn thường khá mềm ở đầu mút, những cái cần nhỏ thì đầu mút trở nên cứng rắn và đặc hơn.

W. J. Crawford xét thấy rằng có lẽ những cái cần bao gồm một bó các sợi mịn liên kết một cách mật thiết với nhau và bám dính vào nhau. Lực thông linh chạy dọc theo những sợi ấy làm cho toàn thể cấu trúc cứng rắn lại thành một cái dầm cứng ngắt, thế rồi nó di chuyển theo ý muốn do các lực tác động lên trong cơ thể người đồng cốt.

Một vài thí nghiệm dường như biểu thị rằng đầu mút của cái cần bao gồm một màn mỏng khá dày và ít nhiều đàn hồi giống như lớp da trải lên một cái khung đàn hồi hơi hơi có cạnh hình răng cưa. Tính đàn hồi của lớp màn chỉ bị giới hạn và nếu bị ứng suất cao quá thì lớp màn có thể bị lủng, phơi ra cái khung có cạnh hình răng cưa.

Sự kiện một kính hiển vi điện tử có thể bị phóng điện khi cái cần chạm vào nó cho thấy cái cần đóng vai trò một vật dẫn điện áp cao, phóng điện tiếp đất qua cơ thể người đồng cốt mà nó gắn liền vào đó. Mặt khác, cái cần đặt xuyên qua những đầu cuối của một mạch chuông điện không làm cho chuông reo, điều này cho thấy rằng nó có điện trở rất cao đối với dòng điện hạ áp.

Ánh sáng trắng thường phá hoại sự tạo thành cái cần: ngay cả những tia sáng phản chiếu từ một bề mặt tác động lên lực thông linh cũng làm nhiều hiện tượng lạ. Tuy nhiên, ánh sáng đỏ nếu không quá mạnh dường như không làm tổn thương cấu trúc thông linh; ánh sáng phát ra từ sơn chiếu sáng vốn đã được phơi vài giờ ra ánh nắng cũng không có tác dụng ấy.

Thường thường thì ta hoàn toàn không nhìn thấy các cấu trúc, mặc dù thỉnh thoảng cũng có thể thoáng thấy được chúng. Người ta đã chụp ảnh thành công các cấu trúc ấy bằng máy chụp ảnh có đèn chớp, nhưng phải rất cẩn thận để không làm tổn thương người đồng cốt. Cú sốc gây ra cho người đồng cốt khi ánh sáng đèn chớp tác động lên chất ngoại khí ất lớn hơn nhiều khi cấu trúc chịu một ứng suất so với khi nó không chịu ứng suất.

Đa số các ảnh chụp xác nhận mọi chi tiết đã được kết luận bằng cách suy diễn từ bản thân các hiện tượng lạ.

Độ cứng của một cái cần biến thiên theo lượng ánh sáng mà nó hứng chịu, có thể nói đầu mút cứng rắn bị tan chảy phần nào khi phơi ra ánh sáng.

Trong trường hợp những vật bị lực thông linh làm chuyển động thì người ta sử dụng hai phương pháp chính. Trong phương pháp thứ nhất, một hay nhiều cái cần được phóng ra từ người đồng cốt, rất thường khi từ bàn chân hoặc mắt cá chân, đôi khi từ phần bên dưới của thân người và gắn trực tiếp vào vật cần di chuyển, thế là tạo thành những dây văng. Khi cái bàn di chuyển theo chiều ngang thì những cái cần thường gắn vào chân bàn, khi cái bàn được nhấc bổng lên không trung thì những cái cần thường xò ra như hình nấm ở các đầu mút rồi gắn vào bề mặt bên dưới của cái bàn.

Trong phương pháp thứ nhì, những cái cần phóng ra từ người đồng cốt bám chặt vào sàn nhà, từ điểm bám cứng ấy chúng tiếp tục đi đến vật cần được di chuyển, vậy là không còn tạo thành một dây văng mà là một thứ gì đó tương tự như “Đòn bẫy Cáp một” với Điểm tựa ở giữa Trọng tải và Lực nâng.

Những cái cần có thể thẳng hoặc cong. Người ta cũng có thể giữ cho chúng treo lơ lửng trên không trong tình trạng cứng ngắt, như vậy chúng tỏ rằng chúng không cần áp vào các vật thể vật chất mà vẫn giữ cho mình được cứng ngắt.

Trong trường hợp phương pháp dây văng, toàn thể ứng suất cơ học được truyền cho người đồng cốt hoặc nói chính xác hơn thì phần lớn truyền cho người đồng cốt còn phần nhỏ hơn nhiều truyền cho những người lên đồng. Ta có thể nhận biết được điều này bằng

những khí cụ cơ giới thông thường, chẳng hạn như máy cân và cân lò xo. Nếu cái bàn chẳng hạn khinh thân nhờ vào một dây văng thì trọng lượng của người đồng cốt sẽ tăng lên vào khoảng 95% trọng lượng cái bàn, còn trọng lượng những người lên đồng khác tăng tỉ lệ theo đó.

Mặt khác, khi những cái cân được bám cứng vào sàn nhà thì trọng lượng của cái bàn được khinh thân ắt truyền trực tiếp xuống sàn nhà, còn trọng lượng của người đồng cốt thay vì tăng lên thì lại *giảm đi*, việc giảm đi là do trọng lượng của chất ngoại khí tạo thành cái cần có một đầu tựa cứng vào sàn nhà.

Khi lực được truyền dọc theo cái cần để giữ cho một vật chẳng hạn như cái bàn bám cứng vào sàn nhà, thì người ta quan sát thấy trọng lượng của người đồng cốt giảm đi tới mức 35 cân Anh. Trong một trường hợp khác khi cấu trúc ngoại khí không chịu ứng suất thì trọng lượng của người đồng cốt bị giảm đi tới 5 cân Anh, tức là gần một nửa trọng lượng bình thường của người đồng cốt.

Người ta thường dùng dây văng để di chuyển hoặc nhắc những vật nhẹ lên, còn đối với những vật nặng hoặc muốn truyền lực lớn thì những cái cần phải được bám cứng vào sàn nhà. Người ta thường vận dụng một lực xấp xỉ 100 trọng lượng.

Trong khi các vật được khinh thân thì ứng suất đối với người đồng cốt thường hiện biểu kiến qua sự cứng ngắt, thậm chí cơ bắp cứng như sắt thép, chủ yếu là cánh tay nhưng cũng có khi toàn thể hệ cơ bắp. Tuy nhiên, trong những cuộc khảo cứu sau này, W. J. Crawford phát hiện rằng sự co cứng cơ bắp xét theo biểu kiến đã hoàn toàn biến mất.

Việc tạo ra những hiện tượng lạ này dường như có kết quả là thường xuyên bị mất trọng lượng của cả người đồng cốt lẫn người lên đồng, nhưng chỉ trong phạm vi vài ounce thôi. Người lên đồng có thể mất nhiều trọng lượng hơn người đồng cốt.

Theo thông lệ thì việc đặt bất cứ vật thể vật chất nào trong vùng không gian mà cái cần chiếm chỗ, ngay tức khắc cắt đứt đường thông thương, phá hủy cái cần không còn là cái cần nữa. Tuy nhiên, một vật mảnh mai, chẳng hạn như cây bút chì có thể luồn qua phần thẳng đứng của một cái cần mà không gây phương hại gì, nhưng nó không thể đi xuyên qua bộ phận ở giữa người đồng cốt với cái bàn. Sự gây nhiễu ở bộ phận này có thể khiến cho người đồng cốt bị tổn thương về thể xác.

Để khiến cho cái cần có thể tiếp xúc hoặc bám dính vào, chẳng hạn như sàn nhà hoặc cái bàn thì đầu mút của cái cần phải được điều chế đặc biệt khiến cho nó thô đặc hơn phần còn lại của cái cần. Qui trình này có vẻ mất công hoặc ít ra cũng tốn thời gian và sức lực; vì vậy bộ phận bám dính của một cấu trúc luôn luôn được giữ cho ở mức tối thiểu.

Phương pháp bám dính bằng cách hút (có thể dễ dàng chứng tỏ qua đất sét nhão) được đề cập ở dưới đây. Đôi khi ta có thể nghe thấy “bộ phận hút” lướt qua bề mặt của gỗ hoặc bám chặt thêm nữa.

Nhiều ví dụ cũng như hình chụp mà W. J. Crawford đưa ra cho thấy những ấn tượng trên đất sét nhão hoặc đất sét dẻo do tác động của những cái cần. Những ấn tượng này thường được che phủ bằng những dấu vết tương tự như vãi làm vớ của người đồng cốt. Tuy nhiên sự giống nhau này chỉ là hời hợt vì ta không thể tạo ra những dấu ấn ấy bằng cách thật sự ép một bàn chân đi vớ lên trên đất sét. Dấu ấn do cái cần gây ra sắc sảo hơn nhiều so với việc thu được bằng những phương tiện thông thường, và chỉ có thể đạt được nếu ta quán một vật liệu mịn dẻo như kẹo lên trên vãi làm vớ, để cho rắn chắc lại rồi ép lên đất sét.

Hơn nữa, vớ có những dấu vết biến thiên rất nhiều; kiểu mẫu và đường nét tinh vi của những sợi làm vớ có thể bị méo mó, dày lên, bị che khuất một phần hoặc đứt quãng, mặc dù vẫn còn nhận ra được là dấu vết của vãi làm vớ. Ta suy ra rằng chất ngoại khí thoát tiên ở

tình trạng giống như một chất nửa lỏng: nó rịn ra xuyên qua những cái lỗ trong lớp vải rồi một phần đè lên trên phía bên ngoài vải vớ. Nó có bản chất lầy nhầy và giống như sợi với hình dạng chính xác của một loại vải. Sau đó nó được rút ra khỏi vải vớ để quấn xung quanh đầu mút của cái cần. Đối với một dấu ấn lớn thì lớp màn dày lên và được củng cố bằng cách thêm vào vật chất hiện hình, thế là dấu ấn nguyên thủy có thể bị xoắn vặn, méo mó hoặc mờ đi phần nào.

Tương tự như vậy, ta có thể tạo ra dấu vân tay bằng một cái cần, mặc dù chúng có thể có kích thước khác với kích thước thông thường và có thể rõ rệt và đều đặn hơn hẳn so với dấu vân tay thông thường.

Những cú gõ, trong khoảng từ những cú gõ nhẹ nhất cho tới những cú đập có sức mạnh như búa tạ, cũng như nhiều âm thanh khác được tạo ra bằng những cái cần bán linh động, với những đầu mút được điều chế thích hợp đập vào những đồ vật mang tính vật chất. Việc tạo ra những cú gõ có kèm theo việc giảm đi trọng lượng của người đồng cốt, số lượng giảm cân có thể lên tới 20 cân Anh hoặc nhiều hơn nữa, xét theo biểu kiến tỉ lệ trực tiếp với cường độ của cú gõ. Lý do thật là hiển nhiên: những cái cần được tạo ra từ vật chất trong cơ thể người đồng cốt, việc quật vật chất ấy lên trên sàn v.v... tất nhiên truyền một số trong toàn bộ trọng lượng của người đồng cốt xuống sàn thông qua cái cần. Việc mất trọng lượng chỉ tạm thời thôi và được phục hồi khi vật liệu của cái cần trở về với người đồng cốt.

Việc tạo ra những cú gõ gây một tác động cơ giới lên người đồng cốt dường như thể người này bị đẩy lùi hoặc đập vào. Phản tác động này có thể khiến cho người đồng cốt có đôi bàn chân bị chuyển động chút ít. Tuy nhiên ứng xuất đối với người đồng cốt chẳng giống như ứng xuất tạo ra do sự khinh thân của các đồ vật.

Những cú đâm nặng nề do cái cần lớn gây ra thường không tác động nhanh chóng. Song le, những cú gõ nhẹ thường được tạo ra do hai hoặc nhiều cái cần mảnh, có thể được tạo ra nhanh không thể tin được, “người thao tác” dường như điều khiển những cái cần rất tốt.

Nói chung thì việc tạo ra những hiện tượng lạ này gây ứng xuất lên mọi người ngồi đồng mà ta thấy biểu kiến qua những cú giật từng cơn một, đôi khi rất nặng nề, xoay vòng trong nhóm người lên đồng trước khi có sự khinh thân. Dường như quá trình nói lỏng lấy đi chất dĩ thái ra khỏi cơ thể của người ngồi đồng xảy ra theo những cú giật và trong một chừng mực nào đó gây ảnh hưởng hoàn toàn lên họ.

W. J. Crawford tường trình rằng, một thực thể rêu rao là mình trong buổi sinh thời hành nghề y, và có thể nói thông qua người đồng cốt (vào dịp nhập đồng vì mục đích ấy) nêu rõ rằng có hai loại chất được dùng để tạo ra các hiện tượng lạ. Một loại được rút ra với số lượng tương đối lớn từ người đồng cốt và người ngồi đồng, tất cả hoặc hầu hết đều trở lại với họ vào lúc kết thúc buổi lên đồng. Loại vật chất khác chỉ có thể rút ra từ người đồng cốt và vì nó bao gồm loại vật liệu có tầm quan trọng sống còn nhất ở bên trong các tế bào thần kinh, cho nên nó chỉ có thể được rút ra với số lượng nhỏ xíu mà không gây phương hại cho người đồng cốt. Cấu trúc của nó bị phân giải qua hiện tượng lạ vì vậy nó không thể trở về với người đồng cốt. Phát biểu này chưa hề được kiểm chứng hoặc xác nhận bằng bất cứ cách nào và chỉ được nêu ra dựa vào uy tín của chính nó.

W. J. Crawford đã sáng chế ra và sử dụng rất thành công “phương pháp nhuộm” để truy nguyên chuyển động chất ngoại khí. Ngoại khí có đặc tính bám chặt lấy loại chất liệu như bột son, ta đặt bột son trên đường đi của nó khi phát hiện ra đường đi ấy được nhuộm màu. Bằng cách đó ta khám phá thấy rằng ngoại khí xuất phát từ và trở lại phần bên dưới thân người đồng cốt. Nó có độ bền dai đáng kể vì nó có tác động xé rách loại vải vớ và vải

khác, đôi khi kéo tuột ra tròn cả những sợi chỉ dài tới nhiều phân Anh ở trong một chiếc vớ, mang nó đi rồi đặt cũng sợi chỉ ấy vào một cái bình chứa băng đất sét đặt cách xa bàn chân người đồng cốt.

Ngoại khí theo con đường đi xuống cẳng chân rồi nhập vào những chiếc giày, đi xuyên qua giữa vớ và giày ở bất cứ chỗ nào mà bàn chân, vớ và giày tiếp xúc mật thiết với nhau, nghĩa là nơi mà nó không có đủ chỗ trống để đi xuyên qua.

Sự rắn chắc lại cũng như biến mất của đầu cứng rắn trong cái cần được thực hiện ngay khi cái cần thoát ra khỏi cơ thể người đồng cốt. Vì lý do ấy, đầu mút tự do của cái cần nếu không phải là đầu mút mảnh nhất thì không thể đi xuyên qua lớp vải được dệt kín hoặc ngay cả lớp lưới làm bằng dây kẽm có mắt lưới chỉ một phân Anh, nếu lớp lưới ấy được đặt trước mặt người đồng cốt nhiều hơn một hay hai phân Anh. Tuy nhiên nếu những bức màn che như thế quá gần cơ thể người đồng cốt thì một sự hiện hình bất toàn của đầu mút cây cần có thể xảy ra và những hiện tượng lạ giới hạn về mặt thông linh có thể diễn ra.

Việc ngoại khí thoát ra khỏi cơ thể người đồng cốt có kèm theo những chuyển động mạnh của cơ bắp trên khắp cơ thể và những bộ phận có nhiều thịt trong cơ thể, nhất là từ thắt lưng trở xuống, có kích thước bị giảm đi dường như thịt bị khoét lõm vào.

W. J. Crawford tin chắc rằng có ít nhất hai loại chất liệu được dùng để tạo ra những hiện tượng lạ trong phòng lên đồng: (1) một thành phần cấu tạo hợp thành bộ phận căn bản của cấu trúc thông linh, nó vốn không nhìn thấy được, không sờ thấy được và nói chung nằm ngoài tầm của các vật hoàn toàn trên cõi trần; (2) một chất trắng trắng, trong suốt, lơ lửng được trộn lẫn với chất thứ nhất để khiến cho chất thứ nhất có thể tác động lên vật chất trên cõi trần; ông cho rằng chất thứ nhì có thể đồng nhất với vật liệu được dùng trong các hiện tượng hiện hình.

Nhiều hiện tượng hiện hình được miêu tả với sự chú ý đặc biệt tỉ mỉ về chi tiết đặc trưng cho những người khảo cứu người Đức, trong một tác phẩm lớn tựa đề là *Hiện tượng Hiện hình* của Nam tước Von Schrenck Notzing (năm 1913) và được Tiến sĩ Khoa học E. E. Fournier d'Albe phiên dịch (năm 1920).

Hơn nữa, để trình bày tỉ mỉ việc mô tả phần lớn các hiện tượng lạ ở phòng lên đồng, người ta đã trình bày chừng 200 ảnh chụp các hình thể đã hiện hình hoặc đủ thứ vật hiện ra, trong khoảng từ những sợi chỉ hoặc cả khối ngoại khí tới những khuôn mặt đa dạng hiện hình đầy đủ. Ta có thể tóm tắt những kết luận chính như sau. Để cho thuận tiện, những kết luận này phần lớn được rút ra từ một bài thuyết trình về “Sinh lý học Siêu bình thường và Các Hiện tượng uốn nắn theo Tư tưởng” của bác sĩ Gustave Geley, một nhà tâm lý học và y học ở Paris, bài này được in ở cuối quyển sách của Nam tước Notzing.

Từ cơ thể người đồng cốt phóng ra một chất thoát đầu vô định hình hoặc đa định hình. Nó có thể giống như bột nhào dẻo, là một khối nguyên sinh chất thật sự, một loại chất dẻo đã được lắc kỹ là một khối đơn giản, là những sợi mảnh, sợi dây thừng, những tia hẹp cứng ngắt, một dải băng rộng, một màn mỏng, một tấm vải, một loại vật liệu được đan hoặc dệt hoặc loại vải lưới có những mép viền và nếp xếp.

Người ta thường quan sát thấy bản chất sợi chỉ hoặc giống như sợi dệt của chất liệu này.

Nó có thể màu trắng, đen hoặc xám, đôi khi cả ba màu cùng xuất hiện một lúc; màu trắng có lẽ thường xuất hiện nhất. Nó dường như chói sáng.

Thường thường thì nó có vẻ không có mùi vị, mặc dù đôi khi nó có vẻ có vị đặc biệt không thể miêu tả được. Dường như chắc chắn là có chịu ảnh hưởng của trọng lực.

Khi lấy tay sờ vào thì nó có thể ẩm ướt và lạnh lẽo, nhót nhót và dính dính, hiếm khi nào khô ran và cứng ngắt. Khi bành trướng ra thì nó mềm mại và hơi đàn hồi, khi tạo thành sợi dây thì nó cứng rắn, có nút thắt và có dạng sợi. Sờ vào nó có thể giống như mạng nhện đi xuyên qua bàn tay: các sợi mạng nhện vừa cứng lại vừa đàn hồi. Nó rất linh động, chuyển động theo kiểu bò trườn của loài bò sát, mặc dù đôi khi nó di chuyển rất đột ngột và nhanh chóng. Một luồng gió có thể khiến cho nó chuyển động. Việc sờ vào nó tạo ra một phản tác động đau đớn nơi người đồng cốt. Nó cực kỳ nhạy cảm, xuất hiện rồi biến mất nhanh như tia chớp. Nó thường nhạy cảm với ánh sáng, mặc dù đôi khi hiện tượng lạ chịu được ánh sáng thanh thiên bạch nhật. Người ta có thể chụp hình nó bằng đèn chớp lóe, mặc dù ánh đèn chớp lóe tác dụng như cú đấm bất ngờ lên người đồng cốt.

Trong khi tạo ra các hiện tượng lạ thì phòng kín có chứa người đồng cốt thường tối đen, nhưng các bức màn che thường được vệt sang một bên và bên ngoài phòng kín người ta sử dụng ánh sáng đỏ, thậm chí có khi là ánh sáng trắng tới 100 nến.

Chất liệu có khuynh hướng được tổ chức vô song. Nó khoác lấy nhiều hình tượng, đôi khi vô định và không có tổ chức, nhưng thường là có tổ chức. Nó có thể hình thành các ngón tay kể cả móng tay với khuôn mẫu hoàn chỉnh trọn cả bàn tay và khuôn mặt cũng như những hình dáng khác.

Chất liệu xuất phát từ trọn cả cơ thể người đồng cốt, nhưng đặc biệt từ các lỗ khiếu tự nhiên và đầu mút như đỉnh đầu, ngực và đầu ngón tay. Nguồn gốc thông thường nhất và dễ quan sát nhất là cửa miệng, mặt trong của gò má, lợi răng và vòm miệng.

Các hình tượng hiện ra có một mức độc lập nào đó; chẳng hạn như bàn tay có thể di chuyển các ngón tay và chụp lấy bàn tay của người quan sát, mặc dù đôi khi da người có vẻ đầy lùi bóng ma. Các cấu trúc đôi khi nhỏ hơn hình dáng thiên nhiên, quả thực là bản sao thu nhỏ. Phía lưng của những hình dáng hiện ra đã được quan sát là không có hình dáng hữu cơ, chỉ là một khối chất liệu vô định hình, các hình tượng chứa đựng một lượng chất liệu tối thiểu cần để cho chúng có vẻ giống như thực. Các hình tượng có thể biến mất rất từ từ, mờ nhạt đi hoặc hầu như biến ngay tức khắc. Trong suốt thời gian ấy thì rõ ràng là các hình tượng có liên hệ về sinh lý và thông linh với người đồng cốt, phản xạ cảm giác của các cấu trúc hòa lẫn vào phản xạ của người đồng cốt. Do đó, một cái kim găm chích vào chất liệu ắt gây đau đớn cho người đồng cốt.

Dường như chất liệu có thể chịu ảnh hưởng theo cả chiều hướng chung và vật chất khách thể trong tư tưởng của người lên đồng. Hơn nữa người đồng cốt thường ở trạng thái thôi miên và cực kỳ bén nhạy với tác dụng của âm thị.

Những mẫu hình tượng hiện ra đã được nhốt vào trong cái đĩa bằng sứ để giữ lại. Có một dịp khi khảo sát sau này, thì người ta tìm thấy hai miếng da được nhận diện là da người khi quan sát bằng kính hiển vi. Có một dịp khác, người ta tìm thấy có 3 hay 4 phân khối một chất lỏng trong suốt không có bọt khí bên trong. Đem đi phân tách cho ta thấy đó là một chất lỏng không màu, hơi đục, không nhót, không có mùi, hơi có tính kiềm và có một chất trầm hiện hơi trắng trắng. Kính hiển vi tiết lộ những thành phần cấu tạo nên tế bào đã tan rã cùng với nước bọt là loại chất liệu hiển nhiên xuất phát từ miệng. Có một dịp khác nữa, người ta tìm thấy một mớ tóc tuyệt nhiên không giống như tóc người đồng cốt vốn sẫm màu hơn, bàn tay của người quan sát bị bao phủ bằng lớp dịch nhầy và ẩm ướt. Hơn nữa, đôi khi người ta tìm thấy các mảnh vụn của những chất khác chẳng hạn như phấn thoa mặt hoặc mảnh vụn quần áo của người đồng cốt.

CHƯƠNG XXV KẾT LUẬN

Toàn thể thông tin có sẵn hiện nay liên quan tới Thẻ Phách của con người và các hiện tượng lạ về dĩ thái thật là đáng kể; song le học viên nghiêm túc ắt nhận thấy ngay rằng lãnh vực khảo cứu trong tương lai còn rộng lớn hơn nhiều so với những mảnh vụn mà ta đã thăm dò cho tới nay.

Khi xét tới mối quan hệ mật thiết của cấu trúc, sự dinh dưỡng và sức khỏe của Thẻ Phách tác động lên sức khỏe của thể xác và khi vận hành chẳng những thể xác mà còn có những thể khác liên quan tới thể xác, thì hiển nhiên việc nghiên cứu về mọi loại hiện tượng dĩ thái ắt đưa tới những khám phá rất thú vị về mặt khoa học và có tầm quan trọng đầy ích lợi cho con người.

Một số những phương pháp khảo cứu ấy đang mở ngõ cho chúng ta. Trước hết ta có phương pháp trực tiếp quan sát bằng thần nhãn ở những mức độ khác nhau; xét vì một bộ phận nào đó trong loài người hiện nay, đang phát triển nhanh chóng cho nên có lẽ là trong một tương lai không xa, khá nhiều người sẽ trở nên có năng khiếu thần nhãn dĩ thái.

Ngoài năng khiếu thần nhãn dĩ thái thường được phát triển qua lộ trình tiến hóa thông thường, đường lối làm việc của Bác sĩ Kilner có vẻ biểu thị rằng những năng khiếu ấy có thể được kích thích bằng cách sử dụng các màn che như ông đã từng sử dụng và có thể dùng những phương tiện vật lý khác mà ta còn chưa phát minh ra. Nếu được bảo đảm đúng mức thì cả phép thôi miên mesmer lẫn khoa thôi miên đều có thể được sử dụng để huy động năng khiếu tiềm tàng trong Thẻ Phách. Trong tương lai việc dùng phép chụp ảnh có thể trở nên rất phát triển và quan trọng. Muối kim loại được dùng trong các kính ảnh vốn bén nhạy với những bước sóng và cường độ ánh sáng vượt ngoài tầm mắt phàm. Một phương pháp khảo cứu thêm nữa sử dụng ánh sáng tử ngoại cũng có thể có nhiều triển vọng. Một phòng thí nghiệm với mục đích ấy gần đây đã được khai trương ở Leeds do sáng kiến và óc mạo hiểm nhìn xa trông rộng của một số hội viên Hội Thông Thiên Học thuộc thị trấn Leeds.

Phương pháp mà W. J. Crawford sử dụng cũng có thể được các nhà nghiên cứu khác theo đuổi, hơn nữa nó đã có những kết quả vô cùng giá trị do chính nhà khảo cứu tài ba nêu trên thực hiện.

Về việc có nên dùng phòng lên đồng để thu được những hiện tượng lạ về phép hiện hình như Nam tước Von Notzing đã thực hiện thì rất có thể là ý kiến tản mạn bất đồng. Nói chung, người ta công nhận rằng các hiện tượng có bản chất ấy có thể dễ dàng gây tổn thương cho người đồng cốt về mặt thể chất lẫn về những phương diện khác, và rõ rệt có một điều gì đó ghê tởm về phép hiện hình được tạo ra qua những phương tiện ấy. Mặt khác, người ta có thể lập luận rằng nếu người đồng cốt sẵn lòng hi sinh vì chính nghĩa của khoa học thì khoa học cũng được minh chứng khi chấp nhận những sự hi sinh ấy. Và lại khoa học như thế đâu quan tâm gì tới sự dễ chịu hay ghê tởm của các hiện tượng thiên nhiên. Tuy vậy hầu như chắc chắn rằng các bậc đạo sư tâm linh cao siêu nhất thời nay đều không ủng hộ phòng lên đồng. Thế mà người ta có thể lập luận rằng, thời xưa việc dùng các trình nữ trong đền thờ Táo thần, những người xem bói, các nhà “tiên tri” và những người đồng cốt khác vẫn được giới thẩm quyền phê chuẩn và tán thành. Vì vậy, người viết tác phẩm này xin phép không đưa ra bất cứ kết luận đầy giáo điều nào về đề tài này.

Việc có thể dùng kiến thức về các hiện tượng dĩ thái với mục đích chữa bệnh dường như vô hạn. Trong nhiều trường hợp bệnh tật về thể xác, thể vía và thể trí thì việc sử dụng phép chữa bệnh sinh khí hoặc từ khí cũng như thuật thôi miên mesmer và khoa thôi miên

dường như phù hợp với sự tiến bộ nói chung của tư tưởng theo chiều hướng ấy. Nhất là việc dùng khoa thôi miên mesmer để gây tò mò vì mục đích phẫu thuật hoặc mục đích khác thay thế cho chất ether, hơi gây mê, hoặc chất chloroform có vẻ được nhiều người khuyến dùng.

Ta có thể phỏng đoán rằng khoa học về bệnh xương cùng với việc nghiên cứu các trung tâm lực và sự lưu chuyển sinh khí trong cơ thể con người ắt đưa tới những kết quả có giá trị.

Những khám phá đáng chú ý của Bác sĩ Abrams mà giới hành nghề y có vẻ đã chấp nhận ít ra là một phần, dường như có thể mang lại lợi ích hầu như vô giá cho loài người đang nặng trĩu bệnh tật hiện nay. Mặc dù tác giả bài viết này tin rằng – nó chưa được chứng minh nghiêm túc, thế nhưng dường như chắc chắn là các phương pháp mà hệ thống Abrams sử dụng tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên và thông qua Thể Phách.

Việc đủ thứ giáo hội Kitô mới đây đã phục hồi phép chữa bệnh cũng có vẻ có tương lai xán lạn và ta hầu như tin chắc rằng những phương pháp như thế trong khi còn lâu mới hoàn toàn thuộc xác phàm, thì trong một chừng mực nào đó ắt tác động qua chất dĩ thái.

Song lẽ khả năng sử dụng kiến thức về các hiện tượng dĩ thái, thậm chí còn mở rộng thêm nữa, ra xa hơn mức ta vừa phác họa ở trên. Như vậy rất có thể là một yếu tố quan trọng và cho đến nay hầu như chưa được công nhận trong việc điều trị bệnh tật và bảo tồn sức khỏe ắt bắt nguồn từ chất dĩ thái độc lập với những tính chất thuần túy thuộc thể xác của hóa dược, nước, chất khí, không khí, hơi phóng phát từ đất và khoáng chất, trái cây, hoa và cây cỏ. Có thể trong tương lai ta ắt khám phá ra những nơi nghỉ dưỡng về sức khỏe hoặc là trên đất liền hay nơi bờ hồ hoặc bãi biển có những khả năng chữa bệnh tùy thuộc vào những tính chất dĩ thái.

Việc mới đây người ta quan tâm tới chuyện sử dụng rộng rãi ánh nắng rõ rệt có liên quan mật thiết với điều mà ta biết về bức xạ Prana từ mặt trời cùng với việc nó tản mạn trong bầu khí quyển rồi được các sinh vật hấp thụ.

Có thể việc hiểu biết thêm nữa về các hiện tượng sinh khí và dĩ thái ắt đưa tới việc một thái độ sâu xa đối với công dụng trong y học và phép tiết thực của những chất đã trải qua hoặc bắt nguồn từ cơ thể động vật.

Ta cũng có thể phỏng đoán hợp lý rằng những chất khó nắm bắt mà ta gọi là sinh tố có được những đặc tính có lợi vì chúng có một trong các dạng Prana hoặc có thể do tính chất của chất dĩ thái mà chúng bao hàm.

Việc nhận ra sự thật sinh khí nơi cơ thể bắt nguồn không phải từ thức ăn mà trực tiếp từ bầu khí quyển, có thể đưa tới một sự thay đổi triệt để trong phép điều trị tiết thực người ốm đau, cũng như sử dụng nhiều hơn phép nhịn ăn coi là một liệu pháp chữa bệnh. Những người nào quen thuộc với kho tài liệu về phép nhịn ăn chắc chắn biết rằng nhiều tác giả về đề tài thú vị này đã suy diễn từ việc quan sát thực sự cho thấy mối quan hệ giữa việc đồng hóa thức ăn và việc thụ đắc năng lượng sinh học còn lâu mới đơn giản hoặc trực tiếp.

Bây giờ nói chung người ta công nhận rằng việc dùng điện để chữa bệnh không hoàn thành được mọi điều mà thoát tiên người ta đã hi vọng. Có thể việc hiểu biết sâu sắc hơn về các hiện tượng dĩ thái sẽ giúp ta phát minh ra những phương pháp tốt hơn để dùng điện chữa bệnh: sự phối hợp điện với chất dĩ thái (vốn cấu thành Thể Phách) như vậy ắt là một hiện tượng có thể mang lại lợi ích vô giá.

Thật vậy, hầu như ta có thể nói rằng trong tương lai Thể Phách – có thể nói là nơi cư trú của nguyên sinh khí dưới dạng thể chất – có thể được chú ý nhiều bằng hoặc thậm chí nhiều hơn mức hiện nay người ta dành cho xác phàm. Rốt cuộc việc sử dụng năng lượng liên kết với chất dĩ thái trên cõi trần ắt hiển nhiên vì nhiều mục đích và không cần phải nhấn

manh ở đây. Song le, học viên huyền bí học nên nhớ lời cảnh báo là loài người không được phép phóng thích những lực hầu như không thể tính toán nổi ẩn tàng nơi vật chất nguyên tử, chừng nào người ta chưa biết chắc rằng những lực ấy sẽ được sử dụng vì ích lợi, chứ không phải vì mục đích hủy diệt như nó đã xảy ra thật đáng tiếc trong trường hợp biết bao nhiêu khám phá của quá khứ.

Hiển nhiên là việc khám phá ra các cấp vật chất dĩ thái sẽ mở ra những viễn cảnh mới cho hóa học và vật lý học, thậm chí đem lại lợi ích hữu dụng trong việc tạo ra đủ thứ thực phẩm, các chất dẫn điện hoặc cách điện, vật liệu để may quần áo và nhiều chất liệu khác được dùng trong sinh hoạt hàng ngày.

Cuối cùng, cả về mặt nội tại lẫn về mặt là một tiến tới việc hiểu biết những sự vật còn cao siêu hơn nữa, nếu các nhà khoa học chính thống công nhận sự tồn tại của Thể Phách, nghiên cứu cấu tạo và cách ứng xử của nó – chúng tôi trộm nghĩ rằng cả hai điều này giờ đây không thể trì hoãn lâu hơn được nữa – thì điều này có thể tỏ ra là một nền móng vững chắc để trên đó người ta xây dựng một thượng tầng kiến trúc đồ sộ tri thức về các sự vật siêu trần thế. Đó là vì (xin phóng tác và tóm tắt những đoạn kết luận trong tác phẩm *Tình thi Hoa sen trắng* như sau): Điều sắp tới trong tương lai ắt là vĩ đại hơn, hoành tráng hơn và bí nhiệm hơn trong quá khứ. Nhờ vào sự tiến bộ từ từ không ai nhận ra được, các bậc đạo sư của nhân loại đã rút ra được nước hằng sông từ nguồn cội thanh khiết hơn và rút ra được thông điệp của mình trực tiếp hơn từ linh hồn hằng sông. Sự sống bao hàm nhiều hơn mức óc tưởng tượng của con người có thể hình dung được. Đóa hoa sự sống chân thực mọc vượt lên trên tầm cỡ của con người với rễ hoa cắm sâu vào dòng sông sự sống. Trong tâm khảm của đóa hoa ấy, con người sẽ đọc được những điều bí mật về các lực chi phối cõi hồng trần và sẽ thấy trong đó viết nên khoa học về sức mạnh thần bí. Y sẽ học cách xiển dương những sự thật tâm linh và để bước vào sinh hoạt của Chơn ngã, y cũng có thể học được cách giương cao sự vinh diệu của Chơn ngã ấy, thế nhưng vẫn duy trì sự sống trên hành tinh này nếu sự sống đó còn cần thiết; duy trì sinh mạng trong khi tràn đầy nhựa sống cho đến khi đã hoàn tất trọn cả công trình để dạy cho những kẻ nào muốn tìm ánh sáng ba sự thật sau đây:

1- Linh hồn của con người vốn bất tử và tương lai của nó là tương lai của một điều tăng trưởng và rực rỡ vô hạn.

2- Nguyên lý mang lại sự sống nơi ta và ở bên ngoài ta vốn bất tử và đòi đòi ban phước, ta không thể nghe nói về nó, nhìn thấy nó hoặc ngửi thấy nó, nhưng kẻ nào muốn nhận thức thì vẫn có thể nhận thức được nó.

3- Mỗi người là kẻ tuyệt đối tạo ra luật lệ, mang lại vinh quang hoặc phiền não cho chính mình, mỗi người đều an bài số phận của mình, tự thưởng phạt chính mình.

Những sự thật này vốn vĩ đại như bản thân sự sống, cũng lại đơn giản như tâm trí chất phác nhất của con người. Mong sao cái thức ăn của tri thức ấy sẽ được ban cho tất cả những kẻ nào đang thèm khát nó.

H Ề T